

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



VIETMEC

"Vì sức khỏe người tiêu dùng"

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011, thay đổi lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/05/2022)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số...../SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Trụ sở chính: Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 024 39841255

Website: www.duoclieuvietnam.com.vn

2. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 12&17, Tòa Nhà Vietcombank, Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3936 6990

Fax: 024 3936 0262

Website: www.vcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Tuyết Mai Số điện thoại: 0243 9841255 Chức vụ: Người được ủy quyền CBTT

Hà Nội, tháng 06/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011, thay đổi lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/05/2022)

Trụ sở chính: Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 024 39841255 Fax: 04.3668 6891 Email: headoffice@Vietmec.vn

Website: www.duoclieuvietnam.com.vn

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Phổ thông

Mã cổ phiếu: DVM

Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 35.650.000 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 356.500.000.000 (Ba trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: số 14, ngách 79/56 đường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 6281 1281 Fax:

Website: www.aascn.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 12&17, Tòa Nhà VCB, Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3936 6990 Fax: 024 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

MỤC LỤC

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	12
4. Rủi ro khác.....	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .	17
1. Tổ chức niêm yết.....	17
2. Tổ chức tư vấn.....	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	21
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	21
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	41
3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	42
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	48
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	50
6. Hoạt động kinh doanh của công ty.....	50
6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm 2020, 2021 và Quý I năm 2022	50
6.2. Nguyên vật liệu	66
6.3. Chi phí sản xuất, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu.....	67
6.4. Trình độ công nghệ.....	68
6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	69
6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	70
6.7. Hoạt động Marketing.....	72
6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	73
6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	78
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	85
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm 2020 và 2021 và Quý I/2022	85
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo	86

7.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:	86
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	87
8.1. Vị thế của công ty trong ngành	87
8.2. Triển vọng phát triển của ngành Dược.....	89
8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành	90
8.4. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của VIETMEC với định hướng phát triển của ngành dược liệu.....	90
9. Chính sách đối với người lao động	92
9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty.....	92
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách khác cho người lao động	93
10. Chính sách cổ tức	94
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	95
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản (<i>trong năm gần nhất</i>)	95
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	109
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	110
12.1. Danh sách thành viên HĐQT	110
12.2. Danh sách Ban Điều hành	117
12.3. Danh sách Ban Kiểm soát	118
13. Tài sản	122
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	125
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	129
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	129
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	129
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	130
1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	130
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.....	130
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 35.650.000 cổ phiếu.....	130
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	130
5. Phương pháp tính giá.....	131
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	132
7. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết).....	132
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	134

1.	Tổ chức tư vấn niêm yết.....	134
2.	Tổ chức kiểm toán.....	134
VII.	PHỤ LỤC	136
VIII.	CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	137

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021	9
Bảng 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2021	10
Bảng 3: Bảng tóm tắt quá trình tăng vốn.....	24
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 26/5/2022	49
Bảng 5: Loại dược liệu và phân bố vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP của công ty tính đến ngày 31/03/2022	52
Bảng 6: Một số nhà cung cấp dược liệu lớn trong và ngoài nước.....	53
Bảng 7: Một số đối tác chính trong và ngoài nước của Công ty	59
Bảng 8: Danh mục các nhà thuốc đang hoạt động	61
Bảng 9: Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.....	63
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2020 - 2021 và quý I/2022.....	65
Bảng 11: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần	67
Bảng 12: Danh mục sản phẩm Công ty thực hiện đăng ký/công bố.....	70
Bảng 13: Các sản phẩm thuốc, TPCN do Công ty nghiên cứu và phát triển đã đăng ký.....	74
Bảng 14: Một số hợp đồng đầu vào (dược liệu, tân dược, VTYT) lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	78
Bảng 15: Một số hợp đồng lớn đầu ra đã và đang được thực hiện.....	81
Bảng 16: Một số chỉ tiêu về HĐKD giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022	85
Bảng 17: So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành	90
Bảng 18: Phân loại lao động Công ty giai đoạn 2020 - 2021	92
Bảng 19: Khấu hao tài sản cố định.....	95
Bảng 20: Số dư các khoản phải nộp theo luật định giai đoạn 2020 - 2021 và Quý I năm 2022	96
Bảng 21: Trích lập các quỹ theo luật định giai đoạn 2020 - 2021 và Quý I năm 2022.....	96
Bảng 22: Tổng dư nợ vay của Công ty giai đoạn 2020 – 2021 và QI.2022	96
Bảng 23: Các khoản phải thu giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022.....	102
Bảng 24: Các khoản phải thu khác giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022	103
Bảng 25: Nợ ngắn hạn và dài hạn giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022.....	106
Bảng 26: Hàng tồn kho giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022	107
Bảng 27: Tài sản dở dang dài hạn giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022	108
Bảng 28: Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị xưởng sản xuất thuốc chữa ung thư.....	108
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	109
Bảng 30: Tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021 và 31/3/2022.....	122
Bảng 31: Danh mục Đất mua làm vùng trồng để xây dựng Vùng trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng	125
Bảng 32: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty năm 2022 – 2023	125

DANH MỤC HÌNH ẢNH

	Trang
Hình ảnh 1: Một số thiết bị sơ chế dược liệu.....	55
Hình ảnh 2: Một số loại sản phẩm bột cao dược liệu do công ty sản xuất.....	56
Hình ảnh 3: Máy móc thiết bị sản xuất cốm, trà cốm, TPBVSK	58
Hình ảnh 4: Một số sản phẩm bảo vệ sức khỏe do công ty sản xuất.....	59

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là “VIETMEC” hoặc “Công ty”) là một trong những doanh nghiệp có uy tín trong lĩnh vực bào chế, kinh doanh các sản phẩm dược liệu, sản xuất các sản phẩm hỗ trợ chăm sóc, chữa bệnh tại Việt Nam. Ngoài những rủi ro bất khả kháng mà Công ty chưa xác định được tính đến thời điểm hiện tại, với đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động của Công ty, Công ty xác định một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh như sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Chính vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty không chỉ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố nội tại của Công ty mà còn chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ.

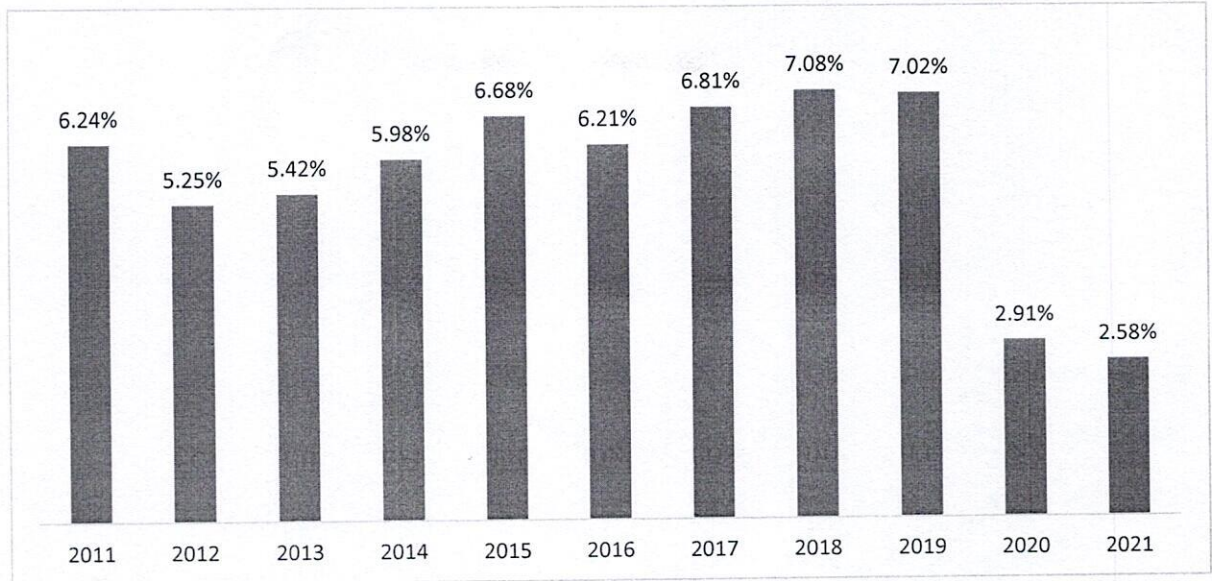
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68%, 6,21% và 6,81% trong năm 2015, 2016 và 2017. Đặc biệt, GDP năm 2018 của Việt Nam đã tăng 7,08%, đạt mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%.

Từ năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu, đặc biệt năm 2021, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế ở mức 2,91% cho năm 2020 và 2,58%, cho năm 2021, mức thấp nhất trong vòng 30 năm qua.

Bước sang năm 2022, Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6% đến 6,5% so với năm 2021 dẫn đầu trong các quốc gia Châu Á – Thái Bình Dương dựa trên các giả định Covid-19 sẽ được kiểm soát và quá trình tiêm chủng vaccine đạt khoảng 70% dân số vào quý 2 năm 2022.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối dược liệu trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, tình hình bệnh kéo dài, thu nhập giảm sút có thể ảnh hưởng tới mức chi tiêu dành cho y tế của các hộ gia đình, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.



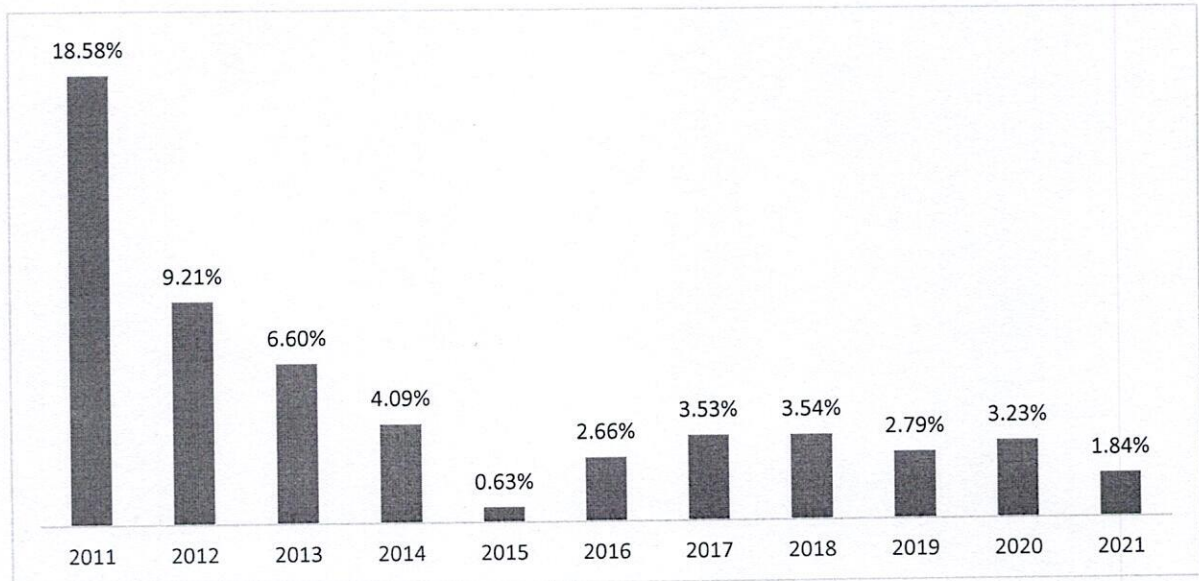
Bảng 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

1.2. Lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Lạm phát tăng sẽ dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường, đặc biệt với doanh thu của công ty có tỷ trọng không nhỏ từ mảng đấu thầu thuốc nên giá khó có thể gia tăng kịp với tốc độ tăng giá của đầu vào. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2019 lạm phát Việt Nam ở mức thấp nhất trong giai đoạn 3 năm từ năm 2017 đến năm 2019. Lạm phát được kiểm soát trong năm 2019 chủ yếu là nhờ giá hàng hóa thế giới giảm, chính sách tín dụng thận trọng, tỷ giá ổn định và giá dịch vụ y tế không tăng nhiều. Năm 2020, việc nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 và giá thịt lợn leo cao, đã khiến việc kiểm soát đặt ra gặp nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao từ Chính phủ (triển khai các gói hỗ trợ cho người dân, giảm giá tiền điện, giá cước vận tải...), Việt Nam đã đạt mục tiêu đề ra khi CPI bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019.

Bảng 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ năm 2011 đến năm 2021

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Trong năm 2021, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên liệu vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng lạm phát bình quân cả năm chỉ tăng tháng 1,84%, tăng thấp nhất từ năm 2016 cho tới nay, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công.

Tuy nhiên, bước sang năm 2022 áp lực lạm phát được đánh giá là rất lớn. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát năm 2022 có khả năng tăng mạnh là do (i) giá nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu tăng cao sẽ đẩy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong nước tăng cao, (ii) những nhóm hàng hóa bị ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội như dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí sẽ tăng giá trở lại khi dịch bệnh được kiểm soát. Nhận thức rõ điều này, Công ty luôn quan tâm và theo dõi chặt chẽ tỷ lệ lạm phát để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình để hạn chế tối đa những ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm. Sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát, nhằm tránh những hệ lụy về sau như nợ xấu và bong bóng giá tài sản như giai đoạn 2009 - 2011.

Bước sang năm 2021, NHNN đã có những biện pháp cứng rắn hơn đi kèm với việc kêu gọi các tổ chức tín dụng hỗ trợ khách hàng như yêu cầu các ngân hàng thương mại cổ phần lớn ký cam kết giảm lãi suất, báo cáo định kỳ việc thực hiện cắt giảm lãi suất cho NHNN hay việc cắt giảm lãi suất được xem là một yếu tố để cấp hạn mức tín dụng. Kết quả là năm 2021, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm 1% - 2% so với đầu năm, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế tăng 13,53% so với cuối năm 2020.

Dự kiến năm 2022, NHNN vẫn duy trì định hướng chính sách nhất quán, yêu cầu NHTM tiếp tục đồng hành, hỗ trợ nguồn vốn cho doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch, hướng dòng vốn tín dụng vào các khu vực sản xuất và nền kinh tế thực, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng nóng ở các thị trường tài sản. Do đó, tăng trưởng tín dụng có thể cao hơn năm 2021, dự kiến đạt 13 -15%. Tuy nhiên, trọng tâm vẫn là kiểm soát nợ xấu trong hệ thống ngân hàng kéo theo xu hướng tăng trưởng tín dụng tiếp tục phân hóa.

Về rủi ro lãi suất, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước nhằm hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực do biến động lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo số liệu tại BCTC kiểm toán năm 2021, tại ngày 31/12/2021, tổng dư nợ vay của Công ty là 523,8 tỷ đồng (chiếm khoảng 50,71% tổng giá trị tài sản). Trong đó, tổng dư nợ vay ngắn hạn khoảng 383,7 (ba trăm tám mươi ba phẩy bảy) tỷ đồng và tổng dư nợ vay dài hạn khoảng 140 (một trăm bốn mươi tỷ) đồng. Trong bối cảnh lãi suất, lạm phát có xu hướng gia tăng, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp như: Ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, đảo nợ, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

2. Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Dược, Luật đấu thầu, các bộ luật về Thuế... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành hàng năm luôn có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những sự thay đổi này sẽ có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2020, Quốc hội Việt Nam đã hoàn thành thông qua hàng loạt các Luật, Bộ Luật mới thay thế cho các Luật, Bộ luật cũ với nhiều thay đổi tích cực giúp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cập nhật không kịp thời, làm ảnh hưởng đến tính tuân thủ nghiêm ngặt được đặt ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyên môn,

cũng như tham khảo ý kiến các luật sư, chuyên gia và thuê tư vấn đối với những quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến Công ty để đảm bảo điều kiện kinh doanh cũng như duy trì năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, Công ty không đảm bảo rằng các luật, quy định, quy chế, tiêu chuẩn điều chỉnh hoạt động kinh doanh ngành dược hiện tại sẽ không thay đổi trong tương lai hoặc các luật, quy định và các quy chế nghiêm ngặt hơn trong lĩnh vực dược phẩm sẽ không được ban hành. Những thay đổi đó có thể dẫn đến Công ty phải điều chỉnh, sửa đổi cơ chế hoạt động, hoặc cập nhật, nâng cấp công nghệ, quy trình hiện có dẫn đến sự gia tăng đáng kể chi phí để đáp ứng, tuân thủ các thay đổi đó và do vậy sẽ ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu, chủ yếu là dược liệu chiếm tỷ trọng trên lớn trong cơ cấu giá thành các loại sản phẩm của Công ty, chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời.

Đối với mặt hàng dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm khoảng 70-80% tổng chi phí và khoảng 60% doanh thu. Vì vậy, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận sản xuất của Công ty, đặc biệt trong tình hình giá bán bị kiểm soát bởi Cục Quản lý Dược Việt Nam. Ngoài ra, công nghệ hóa dược Việt Nam vẫn chưa theo kịp trình độ của các nước phát triển trên thế giới nên hầu hết nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đều phải nhập khẩu đặc biệt từ Trung Quốc và Ấn Độ.

Kể từ năm 2018, giá nguyên liệu sản xuất tân dược tăng lên đáng kể do Chính phủ Trung Quốc thực hiện những chính sách cải thiện môi trường khắc khe. Dự báo giá nguyên liệu dược nhiều khả năng sẽ còn diễn biến phức tạp trong thời gian dài.

Năm 2020-2021 chịu ảnh hưởng chung từ dịch bệnh Covid-19, các nước phải thực hiện đóng cửa hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu. Điều này phần nào ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Trong khi các yếu tố đầu vào luôn biến động và có xu hướng tăng mạnh, sự linh hoạt trong giá bán của sản phẩm đầu ra phải đáp ứng yêu cầu về bình ổn giá và bảo đảm hài hòa với các mục tiêu y tế và mục tiêu xã hội, do đó giá bán dược liệu, cao, cồng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe... khó được điều chỉnh kịp thời khi giá thành sản xuất gia tăng, từ đó có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, số lượng nhà máy tân dược mở rộng sản xuất sang lĩnh vực thuốc có nguồn gốc từ dược liệu ngày càng gia tăng, trong đó có nhiều doanh nghiệp nước ngoài hoặc liên doanh, tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ cả về chất lượng, giá cả cũng như mạng lưới phân phối. Việc thực hiện Hiệp định thương mại tự do (FTA), hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội kinh doanh và thị trường của công ty có điều kiện

phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn với các doanh nghiệp ngành dược nói chung và Công ty nói riêng. Đặc biệt, thông qua hoạt động mua bán, sáp nhập, các công ty dược phẩm trên thế giới gia tăng sự hiện diện của mình tại Việt Nam, với tiềm lực mạnh về tài chính cũng như quy trình, bí quyết kỹ thuật, công nghệ, việc cạnh tranh trong thị trường ngày càng trở nên gay gắt.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện của nhiều loại hàng giả, hàng nhái được nhập vào thị trường trong nước qua con đường tiểu ngạch tạo nên sự cạnh tranh không lành mạnh giữa hàng nhập khẩu chính ngạch cũng gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dược phẩm.

Với nguồn nguyên liệu trong nước, thông tư 15/2019/TT-BYT đưa ra yêu cầu về việc các đơn vị tham gia đấu thầu dược liệu cần đạt tiêu chuẩn GACP, trong khi đó đa phần dược liệu của Việt Nam chưa đạt GACP và cũng rất ít cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Trong tương lai, các đơn vị sản xuất dược liệu gia tăng quy mô các cơ sở trồng dược liệu đạt chuẩn GACP cũng sẽ gây áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực đấu thầu dược liệu của Công ty.

3.3. Rủi ro nguồn cung và chất lượng nguyên liệu

Cũng như các công ty dược phẩm khác, nguồn cung dược liệu là một trong các yếu tố quan trọng. Các nguồn hàng phải có xác nhận nguồn gốc, chất lượng (CO-CQ) của công ty đến từ nước ngoài (đặc biệt là Trung Quốc). Tuy nhiên ngoài việc lựa chọn được các nguồn hàng có nguồn gốc rõ ràng, có chất lượng đảm bảo thì việc thay đổi chính sách từ phía nhà cung cấp, pháp luật tại nước sở tại, chính sách xuất nhập khẩu cũng có thể làm ảnh hưởng đến nguồn dược liệu nhập khẩu của công ty.

Dự báo trong thời gian sắp tới, tình hình kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn. Giá nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào sẽ tiếp tục gia tăng, đặc biệt do ảnh hưởng của Covid -19 gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây nhiều bất lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty.

Đối với nguồn dược liệu trong nước, nguyên liệu chính dùng để sản xuất thuốc y học cổ truyền, cao, cốm dược liệu... có đặc tính là thu hái theo mùa, phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, phương pháp nuôi trồng, thu hái, sơ chế, chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Tuy nhiên, thời tiết hiện nay thường xuyên biến đổi và khó dự báo nhất là khi bị ảnh hưởng của hiện tượng El Nino kéo theo những ảnh hưởng nghiêm trọng về khí hậu cũng như mùa màng của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Việt Nam gây ảnh hưởng lớn đến sự ổn định nguồn cung dược liệu trong nước cho Công ty.

Trong năm 2021, Chính phủ đã ra Quyết định số 376/QĐ-TTg - Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với quan điểm: (i) Ưu tiên phát triển công nghiệp dược, sản xuất nguyên liệu làm thuốc trong nước với các cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ ở mức cao theo quy định của pháp luật; (ii) Thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư phát triển công nghiệp dược nhằm ổn định được những dược liệu có thể mạnh và được sử dụng nhiều để làm thuốc tại Việt Nam.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại các biện pháp quy hoạch và triển khai hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, việc khai thác tràn lan vẫn còn phổ biến góp phần làm nguồn cung dược liệu ngày càng khan hiếm do vậy ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên dược liệu của Công ty.

Nhận thức được các rủi ro về nguyên liệu đầu vào, Công ty đã chủ động phát triển các vùng trồng tại các địa phương và đã được Bộ Y Tế cấp giấy chứng nhận các vùng trồng đạt chuẩn GACP - WHO để chủ động cung cấp nguồn dược liệu sạch, đảm bảo về chất lượng, ổn định về sản lượng, cung cấp đến các đối tác trong nước và nước ngoài.

Công ty đã và đang triển khai các vùng trồng dược liệu với quy mô lớn từ Bắc vào Nam với kế hoạch dự kiến đạt tổng diện tích ước tính gần 500 ha, đặc biệt tập trung tại các tỉnh có nguồn tài nguyên đất đai, sinh vật phong phú như: Phú Thọ, Lào Cai, Ba Vì (Hà Nội), Thanh Hóa, Nghệ An, Lâm Đồng... để có thể thu hái được những loại dược liệu quý bản địa Việt Nam và lưu giữ được dược tính quý giá phục vụ cho việc điều trị, cải thiện sức khỏe của người dùng. Trong năm 2021, Công ty đã phát triển được 16 cây đạt tiêu chuẩn GACP-WHO với diện tích trồng là 49,9 ha, bao gồm: Bạch chỉ, Hoài sơn, Ba kích, Xuyên khung, Đương quy, Sen, Quế, Trạch tả, Ngưu tất, Cúc hoa, Cà gai leo, Hà Thủ Ô, Đan Sâm, Dâu tằm, Sinh địa và Quýt. Do các cây mới được một vài kỳ thu hoạch đầu tiên và phần lớn sản phẩm được dùng trong nghiên cứu thử nghiệm để bảo vệ trước Hội đồng khoa học của Bộ y tế phê duyệt tiêu chuẩn GACP nên mới đáp ứng được một phần nhỏ (khoảng 3%) trong tổng nhu cầu về nguyên liệu. Dự kiến trong năm 2022, Công ty tiếp tục: (i) triển khai thêm 06 loại cây đạt chuẩn GACP-WHO trên diện tích trồng khoảng 15 ha đó là: Trần bì, Nhân, Sắn dây, Cát cánh, Thiên niên kiện, Ý dĩ, Đảng sâm; (ii) triển khai dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ”, theo đó Công ty sẽ phát triển thêm 25-30 loại cây dược liệu đạt chuẩn GACP như: Câu đằng, Thổ phục linh, Kim ngân hoa, Tam thất, Đinh lăng, Thiên môn đông...

Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với các nhà cung cấp, theo dõi chặt chẽ các quy định trong nước cũng như quy định pháp luật của nước xuất khẩu, đa dạng hóa nhà cung cấp để không bị phụ thuộc quá nhiều từ một nguồn đầu vào nhằm đảm bảo nguồn cung hàng hóa cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng chiến lược duy trì một lượng hàng tồn kho tối thiểu là 4 tháng doanh thu tương đương khoảng 250 - 300 tỷ đồng để đảm bảo tính hiệu quả cũng như ổn định trong sản xuất chủ động nguồn hàng cung cấp kịp thời cho khách hàng để nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

3.4. Rủi ro hàng nhái, hàng kém phẩm chất

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, tình trạng hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, sao chép công thức nghiên cứu đang có xu hướng gia tăng. Công ty hiện đang phải đối mặt với vấn đề này, đặc biệt là đối với một số sản phẩm của Công ty sau nhiều năm xây dựng và phát triển đã được nhiều người tiêu dùng Việt Nam đón nhận. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và thương hiệu của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tình trạng này, đối với

các sản phẩm do Công ty sản xuất, Công ty thực hiện (i) Đăng ký bản quyền sản phẩm theo quy định, (ii) Sử dụng tem chống hàng giả và (iii) Tăng cường quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty tới người tiêu dùng. Đồng thời, Công ty luôn chú trọng việc xây dựng chiến lược chống hàng giả như một chiến lược quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

3.5. Các rủi ro đặc thù về sản phẩm, về kỹ thuật, công nghệ

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, để sản xuất một sản phẩm thuốc đạt chất lượng (hiệu quả, an toàn), đòi hỏi Công ty đầu tư lượng chất xám, công nghệ và chi phí lớn. Các nguyên vật liệu liên quan đến việc sản xuất thuốc phải đạt những tiêu chuẩn quy định, điều kiện sản xuất thuốc phải đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, thuốc phải được thử nghiệm lâm sàng trước khi được cấp số đăng ký lưu hành. Đây là một quá trình dài, phức tạp và tốn kém và không có sự đảm bảo về việc có thể đăng ký lưu hành được. Trong khi đó giá bán thuốc phải chịu sự kiểm soát của ngành, chưa có ưu đãi đặc biệt cho những doanh nghiệp đầu tư công nghệ, chất xám. Hơn nữa, hoạt động quảng bá giới thiệu thuốc bị kiểm soát chặt chẽ, cho nên tốc độ xâm nhập thị trường bị hạn chế.

Với sản phẩm dược liệu, là loại sản phẩm có nguồn gốc đầu vào từ thực vật, dược liệu được khai thác nuôi trồng tự nhiên có nguy cơ nhiễm kim loại nặng, chất bảo vệ thực vật nên có những rủi ro nhất định trong quá trình trồng, thu hái, sơ chế và sản xuất dẫn đến các kim loại nặng và tồn dư của chất bảo vệ thực vật có thể vượt các tiêu chuẩn đề ra.

Điều kiện kiểm nghiệm đối chứng có thể khác nhau giữa các quốc gia. Thông tin về dây chuyền công nghệ, các kỹ thuật về theo dõi độ ổn định, kỹ thuật và thiết bị kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu hoặc giới hạn nồng độ các chất không cho phép theo quy ước quốc tế có thể gây ra một số rủi ro về chất lượng sản phẩm do công nghệ kiểm định sử dụng của doanh nghiệp không phù hợp với công nghệ của quốc tế.

Tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và việc đáp ứng kịp thời nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng cũng tạo ra sức ép đối với công ty, đòi hỏi Công ty phải thay đổi liên tục về chất lượng và mẫu mã. Đây là thách thức lớn đối với Công ty. Chính vì vậy, Công ty đã liên tục đầu tư đổi mới trang thiết bị sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao tay nghề lao động để duy trì khả năng cạnh tranh cũng như đảm bảo được các chỉ tiêu về chất lượng của sản phẩm.

3.6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Rủi ro quản trị Công ty có thể xuất phát từ năng lực quản trị yếu kém, biến động thị trường, thay đổi văn bản luật, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm cổ đông Công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, quan hệ của cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động Công ty, quyền lợi của cổ đông, người lao động.

Để tăng cường công tác quản trị tại công ty, Hội đồng quản trị Công ty từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò của từng thành viên hội đồng quản trị, hướng tới việc thực hiện quản trị Công ty theo quy chuẩn đối với các công ty đại chúng và niêm yết. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như những hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, mặc dù ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại từ rủi ro bất khả kháng này, Công ty đã mua bảo hiểm cho tất cả các máy móc tài sản cố định của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Trần Bình Duyên	- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thành Trung	- Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Thu Hoài	- Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Nhữ Thị Thu Trang	- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được ủy quyền: Ông Trần Việt Hưng - Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 37/2021/UQ-VCBS-KSNB ngày 30/12/2021 của Giám đốc VCBS về việc ký văn bản của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCBS”), tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 06/2021/VCBS-TVTCND ngày 12 tháng 08 năm 2021 (Hợp đồng tư vấn) với Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Bản cáo bạch	Bản cáo bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ chức Đăng ký niêm yết về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
CTCP	Công ty cổ phần
Công Ty/Tổ chức niêm yết/ Vietmec	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
DT	Doanh thu
LNST	Lợi nhuận sau thuế
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TT	Thứ tự
Điều Lệ	Điều lệ lần thứ 26 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/05/2022
BKS	Ban kiểm soát

SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMCP	Thương mại cổ phần
VAS/CMKTVN	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
VND/Đồng	Đồng Việt Nam
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
Dược liệu	Nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc tự nhiên từ thực vật, động vật, khoáng vật và đạt tiêu chuẩn làm thuốc
TPBVSK	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe
TPCN	Thực phẩm chức năng
TDV	Trình dược viên
Thực hành tốt	Bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn về sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, lưu thông thuốc, kê đơn thuốc, thử thuốc trên lâm sàng, nuôi trồng, thu hái dược liệu và các bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn khác do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc công bố áp dụng trên cơ sở hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới hoặc của các tổ chức quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên hoặc công nhận.
GMP-WHO	Thực hành sản xuất tốt - Good Manufacturing Practice
GACP-WHO	Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới (WHO)
GMP - HS	Thực hành sản xuất tốt thực phẩm bảo vệ sức khỏe -Good Manufacturing Practice for Health Supplement

GLP	Hệ thống an toàn chất lượng phòng thí nghiệm - Good Laboratory Practice
GSP	Thực hành tốt bảo quản thuốc - Good Storage Practices
GPs	Hệ thống quy trình để đảm bảo chất lượng - (GPs).
ISO/IEC 17025:2005	Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO (International Organization for Standardization) ban hành
ISO 13485:2016	Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý áp dụng trong lĩnh vực sản xuất-kinh doanh trang thiết bị y tế
SOP	Quy trình thao tác chuẩn- Standard Operating Procedure
QTVH	Quy trình vận hành
VTYT	Vật tư y tế
YHCT	Y học cổ truyền

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công Ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
Tên Tiếng Anh:	VIET NAM MEDICINAL MATERIALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	VIETMEC., JSC
Vốn điều lệ đăng ký:	356.500.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp:	356.500.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng</i>)
Trụ sở chính:	Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Văn phòng:	Số 139, Đường Hồng Tiến, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Điện thoại:	+84.243.984.1255 Fax:+84.243.668.6891
Website:	www.duoclieuvietnam.com.vn
Mã số doanh nghiệp:	Số 0105196582 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011, thay đổi lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/05/2022

Logo của Công ty:



Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Thành Trung – Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty (mã ngành 4649-Chính):
- Bán buôn dụng cụ y tế.
 - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.
 - Doanh nghiệp bán buôn thuốc (không hoạt động tại trụ sở chính).
 - Doanh nghiệp bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Năm 2011, Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Dược liệu Đông Hán) chính thức được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011 với vốn điều lệ là 3.100.000.000 (ba tỷ một trăm triệu) đồng, hoạt động chính là bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; trồng cây gia vị, cây dược liệu và bán buôn thuốc. Đó là kết quả của nhiều năm trăn trở và tâm huyết với khát vọng tạo nên những dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe được làm từ chính những nguồn dược liệu quý trong nước, mang thương hiệu Việt và đạt chất lượng quốc tế, khẳng định niềm tin vào thuốc Việt trong cộng đồng, đề cao chủ trương lớn “Người Việt dùng thuốc Việt”.

Tháng 10/ 2016, Công ty chuyển trụ sở chính về Phú Thọ, do đó chuyển từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ quản lý theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 19/10/2016.

Năm 2016, theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, phát triển sản xuất các sản phẩm y học cổ truyền công nghệ cao, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc y học cổ truyền đạt chứng nhận GLP-GSP-GMP do Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp và thực hành tốt sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe GMP-HS trên diện tích hơn 3.200m² tại xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Năm 2018, sau 02 năm xây dựng, nhà máy sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền của Công ty đã chính thức vận hành và nhanh chóng đạt chứng nhận GMP-WHO vào năm 2019 do Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp. Đây là một trong những nhà máy tiên phong tại Việt Nam chuyên chế biến và bào chế dược liệu thành vị thuốc y học cổ truyền (YHCT) dưới dạng cốm vị thuốc (1 dạng bào chế vị thuốc YHCT) mới và hiện đại nhất hiện nay thay thế cho dạng phiên thường dùng. Việc chế biến được thực hiện bằng phương pháp chiết xuất, cô áp suất giảm và sấy phun sương trên hệ thống tích hợp các thiết bị hiện đại và quy trình công nghệ tiên tiến nhất.

Năm 2019, Công ty khánh thành và đưa vào hoạt động văn phòng điều hành và giao dịch tại Hà Nội, với 7 tầng, diện tích mặt sàn 1500m², tại đường Hồng Tiến, quận Long Biên, Hà Nội, để hoàn thiện về cơ sở vật chất, hiện đại hóa hoạt động quản lý điều hành, phù hợp với bước phát triển mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2021, Công ty triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc nước có công suất 682.000 lít/năm và thuốc nang mềm có công suất 40,9 triệu viên/năm. Hiện tại, các dây chuyền này được lắp đặt tại nhà máy ở Phú Thọ, trên diện tích mặt sàn 1.000m². Việc đầu tư đã hoàn thành thẩm định GMP-WHO vào cuối năm 2021 và đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 2/2022.

Tính đến nay, các dòng sản phẩm mà Công ty cung cấp ra thị trường bao gồm:

(1) Các dòng sản phẩm của Công ty tự sản xuất bao gồm: (i) nhóm dược liệu sau sơ chế, (ii)

nhóm các sản phẩm cao dược liệu và (iii) nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe;

(2) Kinh doanh sản phẩm tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y;

(3) Gia công chế biến nguyên vật liệu.

Về dòng sản phẩm tự sản xuất, tính đến nay, Công ty đã nghiên cứu thành công 623 các sản phẩm là cao khô, cốm vị thuốc, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vị thuốc, sữa. Tại Sở Y tế Phú Thọ, Công ty đã tự công bố và công bố cho 307 sản phẩm. Tại Cục ATTP; Cục YDCT; Cục Quản lý dược, Công ty đã đăng ký 446 sản phẩm và hiện đã được phê duyệt 135 sản phẩm, các sản phẩm còn lại đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký. Các hàng hóa, thành phẩm kinh doanh của Công ty được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường dược phẩm trong nước với gần 700 khách hàng, trong đó một số khách hàng lớn tiêu biểu như: Công ty Cổ phần Sao Thái Dương – chi nhánh Hà Nam, Viện y học cổ truyền quân đội, bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ,...

Ngày 18/03/2022, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 58/GCN-UBCK. Ngày 09/05/2022, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 8.650.000 cổ phiếu (100% số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán trong đợt phát hành) với mức giá là 18.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 18/05/2022, Công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2912/UBCK-QLCB.

Ngày 17/06/2022, Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chấp thuận đăng ký cổ phiếu với mã chứng khoán là DVM.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 24/05/2022 với vốn điều lệ là 356.500.000.000 (ba trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm triệu) đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011 với mức vốn điều lệ đăng ký là 3.100.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba tỷ một trăm triệu đồng*), tương ứng với 310.000 cổ phần và có 04 cổ đông sáng lập. Sau 11 năm hoạt động và 09 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 356.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng*), tương ứng với 35.650.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

Bảng 3: Bảng tóm tắt quá trình tăng vốn

Thời điểm	Giá trị vốn trước thay đổi (tỷ đồng)	Giá trị vốn phát hành (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ sau thay đổi (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
Lần 1 Tháng 03/2011	-		3,1	Thành lập Công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/QĐ-DLĐH ngày 10/03/2011; - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011
Lần 2 tháng 07/2014	3,1	12,9	16	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/07/2014 của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 23/07/2014
Lần 3 tháng 08/2016	16	4	20	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-DLVN ngày 22/07/2016 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2016; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 02/08/2016

Lần 4 tháng 12/2016	20	16	36	Tăng vốn để nhận sáp nhập 01 công ty (CTCP dược Mepha-MSDN 2600348402)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/2016/QĐ-DLVN ngày 12/12/2016 thông qua việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam; Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2016/NQ-MEPHA ngày 12/12/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược Mepha thông qua việc sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 23/12/2016
Lần 5 tháng 08/2017	36	14	50	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2017/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/07/2017; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 01/08/2017
Lần 6 tháng 03/2019	50	40	90	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 24/02/2019; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 06/03/2019

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Lần 7 tháng 01/2020	90	60	150	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu, và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 14/01/2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 21/01/2020
Lần 8 tháng 06/2021	150	120	270	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/VIETMEC/NQ- HĐCĐBT ngày 14/05/2021; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 30/06/2021
Lần 9 Tháng 05/2022	270	86,5	356,5	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/07/2021; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/03/2022; - Công văn số 2912/UBCK- QLCB về việc báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/05/2022. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 24/05/2022

Tổng hợp quá trình tăng vốn từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay:

1. Vốn góp của chủ sở hữu đăng ký lần đầu: 3.100.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu đăng ký lần đầu số tiền 3.100.000.000 đồng căn cứ theo:
 - + Quyết định thành lập Công ty của chủ sở hữu số 01/QĐ-DLĐH ngày 10/03/2011 được thống nhất bởi các cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Dược liệu Đông Hán (nay là Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam);
 - + Nghị quyết Hội đồng quản trị 03/2011/QĐ-HĐQT/ĐH ngày 29/3/2011 của HĐQT CTCP Dược liệu Đông Hán (nay là CTCP Dược liệu Việt Nam) về việc kết thúc góp vốn điều lệ thành lập Công ty;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 16/03/2011 với vốn điều lệ đăng ký là 3.100.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - + Số lượng phát hành dự kiến: 310.000 cổ phần
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 3.100.000.000 (ba tỷ một trăm triệu) đồng
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 3.100.000.000 (ba tỷ một trăm triệu) đồng
 - + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông sáng lập của Công ty (4 cổ đông)
 - + Mục đích tăng vốn: Thành lập doanh nghiệp
- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu theo đăng ký kinh doanh lần đầu như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền mặt	3.100.000.000	Trong ngày 28/3/2011
Tổng	3.100.000.000	

Đến ngày 28/3/2011, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 04 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn lần đầu là 3.100.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng lần đầu năm 2011:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VND)
------------	-----------------------------	----------------------

1	Đầu tư, mua sắm tài sản cố định (trang thiết bị ban đầu)	280.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc và lãi vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	2.820.000.000
	Tổng cộng	3.100.000.000

2. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2014: 12.900.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 12.900.000.000 đồng (tăng từ 3.100.000.000 đồng lên thành 16.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/2014/BB-DLVN ngày 18/7/2014 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/07/2014 của ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết HĐQT số 04/2014/QĐ-HĐQT-DLVN ngày 23/7/2014 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam quy định về thời gian phát hành và góp vốn của các cổ đông mua cổ phần căn cứ theo Biên bản họp ĐHĐCĐ số 03/2014/BB-DLVN ngày 18/7/2014 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết HĐQT số 04/2015/NQ/HĐQT-DLVN ngày 22/4/2015 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 23/07/2014 với vốn điều lệ đăng ký là 16.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - + Số lượng phát hành dự kiến: 1.290.000 cổ phần
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 12.900.000.000 (mười hai tỷ chín trăm triệu) đồng
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 12.900.000.000 (mười hai tỷ chín trăm triệu) đồng
 - + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty (số lượng 03 cổ đông)
 - + Mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2014 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền mặt	8.822.983.200	Từ ngày 01/8/2014 đến ngày 25/10/2014
Tiền gửi ngân hàng	4.077.016.800	Từ ngày 12/01/2015 đến ngày 21/4/2015
Tổng	12.900.000.000	

Đến ngày 21/4/2015, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 03 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong năm 2014 là 12.900.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2014:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc và lãi vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	12.900.000.000
	Tổng cộng	12.900.000.000

3. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016: 4.000.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 4.000.000.000 đồng (tăng từ 16.000.000.000 đồng lên thành 20.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2016/BB-DLVN ngày 22/7/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-DLVN ngày 22/07/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết HĐQT số 08/2016/NQ-HĐQT ngày 02/8/2016 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc thay đổi thời gian góp vốn của các cổ đông mua cổ phần căn cứ theo Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2016/BB-DLVN ngày 22/7/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết HĐQT số 09/2016/NQ/HĐQT ngày 15/9/2016 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc kết thúc đợt chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 02/08/2016 với vốn điều lệ đăng ký là 20.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông

- + Số lượng phát hành dự kiến: 400.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng
- + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty (số lượng 03 cổ đông)
- + Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền gửi ngân hàng	4.000.000.000	Từ ngày 25/8/2016 đến ngày 14/9/2016
Tổng	4.000.000.000	

Đến ngày 14/9/2016, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 03 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong năm 2016 là 4.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	Đầu tư, mua sắm tài sản cố định (một phần phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Bồ Đề, Long Biên)	362.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc và lãi vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	3.638.000.000
	Tổng cộng	4.000.000.000

4. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 (nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha): 16.000.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 16.000.000.000 đồng (tăng từ 20.000.000.000 đồng lên thành 36.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 08/2016/BB-DLVN ngày 12/12/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam thông qua việc sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam;

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/2016/QĐ-DLVN ngày 12/12/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam thông qua việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 06/2016/BB_MEPHA ngày 12/12/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược Mepha thông qua việc sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2016/NQ-MEPHA ngày 12/12/2016 của ĐHĐCĐ CTCP Dược Mepha thông qua việc sáp nhập CTCP Dược Mepha vào CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Hợp đồng sáp nhập Công ty ngày 15/12/2016 ký giữa CTCP Dược liệu Việt Nam và CTCP Dược Mepha;
- + Biên bản bàn giao tài sản, công nợ, nguồn vốn ngày 02/01/2017 giữa bên bàn giao là CTCP Dược Mepha và bên nhận bàn giao là CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 23/12/2016 với số vốn điều lệ đăng ký là 36.000.000.000 đồng.

Trong đó:

Thông tin của Công ty bị sáp nhập:

- + Số lượng cổ phần: 1.600.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng
- + Số lượng cổ đông và cơ cấu sở hữu cổ phần:
 - Ông Vũ Thành Trung: sở hữu 1.520.400 cổ phần
 - Ông Bùi Quang Đạt: sở hữu 25.600 cổ phần
 - Ông Vũ Thanh Chính: sở hữu 24.000 cổ phần
 - Ông Vũ Việt Hùng: sở hữu 30.000 cổ phần

Thông tin của Công ty nhận sáp nhập:

- + Số lượng cổ phần: 2.000.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- + Số lượng cổ đông và cơ cấu sở hữu cổ phần:
 - Ông Vũ Thành Trung: sở hữu 1.940.000 cổ phần
 - Ông Nguyễn Văn Cải: sở hữu 20.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thu Trang: sở hữu 40.000 cổ phần

Phương án chuyển đổi cổ phần:

Vốn điều lệ của Bên nhận sáp nhập sau khi sáp nhập sẽ tăng từ 20.000.000.000 đồng lên 36.000.000.000 đồng (tỷ lệ giá trị 01 cổ phần của bên bị sáp nhập tương đương với 01 cổ phần của Bên sáp nhập).

Cổ đông sở hữu 01 cổ phần của Bên bị sáp nhập và Bên nhận sáp nhập sẽ sở hữu 01 cổ phần của Công ty sau khi sáp nhập với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Thông tin của Công ty sau khi nhận sáp nhập:

- + Số lượng cổ phần: 3.600.000 cổ phần
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
 - + Số lượng cổ đông và cơ cấu sở hữu cổ phần:
 - Ông Vũ Thành Trung: sở hữu 3.460.400.000 cổ phần
 - Ông Nguyễn Văn Cải: sở hữu 20.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thu Trang: sở hữu 40.000 cổ phần
 - Ông Bùi Quang Đạt: sở hữu 25.600 cổ phần
 - Ông Vũ Thanh Chính: sở hữu 24.000 cổ phần
 - Ông Vũ Việt Hùng: sở hữu 30.000 cổ phần
 - Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 từ việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha: Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 từ việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha là 16.000.000.000 đồng. Theo Biên bản bàn giao tài sản, công nợ, nguồn vốn giữa bên bị sáp nhập và Bên nhận sáp nhập ngày 02/01/2017, CTCP Dược liệu Việt Nam đã nhận bàn giao vốn góp của chủ sở hữu số tiền 16.000.000.000 đồng từ Công ty bị sáp nhập là CTCP Dược Mepha.
 - Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 từ việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha: Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2016 từ việc nhận sáp nhập CTCP Dược Mepha là 16.000.000.000 đồng. Theo Biên bản bàn giao tài sản, công nợ, nguồn vốn ngày 02/01/2017 giữa Bên bị sáp nhập và Bên nhận sáp nhập, vốn góp của chủ sở hữu số tiền 16.000.000.000 đồng được bàn giao đồng thời cùng danh mục tài sản và nợ phải trả của Công ty bị sáp nhập là CTCP Dược Mepha.
- 5. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2017: 14.000.000.000 đồng**
- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 14.000.000.000 đồng (tăng từ 36.000.000.000 đồng lên thành 50.000.000.000 đồng) căn cứ theo:

- + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/7/2017 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2017/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/07/2017 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Quyết định Hội đồng quản trị số 04/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2017 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc điều chỉnh, bổ sung thay đổi quá trình tăng vốn điều lệ trong Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2017/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/2017/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/07/2017 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Nghị quyết HĐQT số 05/2017/NQ/HĐQT ngày 07/11/2017 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc kết thúc đợt chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 01/08/2017 với số vốn điều lệ đăng ký là 50.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - + Số lượng phát hành dự kiến: 1.400.000 cổ phần
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 14.000.000.000 (mười bốn tỷ) đồng
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 14.000.000.000 (mười bốn tỷ) đồng
 - + Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty (số lượng 04 cổ đông)
 - + Mục đích tăng vốn: Thu hút vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh
- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2017 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền mặt	1.035.000.000	Trong ngày 13/10/2017
Tiền gửi ngân hàng	12.965.000.000	Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 06/11/2017
Tổng	14.000.000.000	

Đến ngày 06/11/2017, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 04 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong năm 2017 là 14.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2017:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc và lãi vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	14.000.000.000
	Tổng cộng	14.000.000.000

6. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2019: 40.000.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 40.000.000.000 đồng (tăng từ 50.000.000.000 đồng lên thành 90.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2019/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 24/02/2019 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2019/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 24/02/2019 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 06/03/2019 với số vốn điều lệ đăng ký là 90.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - + Số lượng phát hành dự kiến: 4.000.000 cổ phần
 - + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng
 - + Thời điểm chào bán: Từ 24/02/2019 đến 04/03/2019
 - + Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ
 - + Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu của Công ty (số lượng 03 cổ đông)
 - + Mục đích tăng vốn: Bổ sung vốn lưu động mở rộng sản xuất kinh doanh
- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2019 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền mặt	5.050.000.000	Từ ngày 28/5/2019 đến ngày 5/7/2019
Tiền gửi ngân hàng	34.950.000.000	Từ ngày 03/4/2019 đến ngày 22/7/2019

Tổng	40.000.000.000	
-------------	-----------------------	--

Đến ngày 22/7/2019, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 03 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong năm 2019 là 40.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2019:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (VND)
1	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	40.000.000.000
	Tổng cộng	40.000.000.000

7. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2020: 60.000.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 60.000.000.000 đồng (tăng từ 90.000.000.000 đồng lên thành 150.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 14/01/2020 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 14/01/2020 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 ngày 21/01/2020 với số vốn điều lệ đăng ký là 150.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- + Số lượng phát hành dự kiến: 6.000.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng
- + Giá phát hành: 15.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 90.000.000.000 (chín mươi tỷ) đồng
- + Thời điểm chào bán: Trong năm 2020
- + Phương thức chào bán: Chào bán riêng lẻ
- + Đối tượng chào bán: Các cổ đông cụ thể theo danh sách (số lượng 06 cổ đông)
- + Mục đích chào bán/Phương án sử dụng vốn: Đầu tư dây chuyền sản xuất cho nhà máy của CTCP Dược liệu Việt Nam tại xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ và bổ sung

vốn lưu động, phát triển mở rộng chi nhánh Sài Gòn, Đà Nẵng, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2020 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Tổng số tiền thu được từ góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Tiền mặt	2.653.000.000	1.327.000.000	3.980.000.000	Từ ngày 14/01/2020 đến ngày 22/01/2020
Tiền gửi ngân hàng	57.347.000.000	28.673.000.000	86.020.000.000	Từ ngày 05/02/2020 đến ngày 26/05/2020
Tổng	60.000.000.000	30.000.000.000	90.000.000.000	

Đến ngày 26/5/2020, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 06 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong năm 2020 là 90.000.000.000 đồng. Trong đó, số tiền góp vốn theo mệnh giá là 60.000.000.000 đồng, thặng dư vốn cổ phần là 30.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2020:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Đầu tư máy móc thiết bị	31.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	59.000.000.000
	Tổng cộng	90.000.000.000

8. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong 06 tháng đầu năm 2021: 120.000.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm 120.000.000.000 đồng (tăng từ 150.000.000.000 đồng lên thành 270.000.000.000 đồng) căn cứ theo:
 - + Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/2021/BB-ĐHĐCĐBT/2021 ngày 14/5/2021 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/VIETMEC/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 14/05/2021 của ĐHĐCĐ CTCP Dược liệu Việt Nam;

- + Nghị quyết số 04/2021/QĐ-HĐQT/DLVN ngày 15/06/2021 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 ngày 30/06/2021 với số vốn điều lệ đăng ký là 270.000.000.000 đồng.

Trong đó:

- + Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- + Số lượng phát hành dự kiến: 12.000.000 cổ phần
- + Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá): 120.000.000.000 (một trăm hai mươi tỷ) đồng
- + Giá phát hành: 15.000 đồng/ cổ phần
- + Tổng số tiền thu từ phát hành dự kiến: 180.000.000.000 (một trăm tám mươi tỷ) đồng
- + Thời điểm chào bán: Từ 15/5/2021 đến 14/6/2021
- + Phương thức và đối tượng chào bán:
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu 6.000.000 cổ phần tỷ lệ 5:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền, 50 quyền mua được 20 cổ phần phát hành thêm)
 - Chào bán riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên Công ty và Nhà đầu tư khác (tối đa không quá 100 người), số lượng chào bán 6.000.000 cổ phần, danh sách cán bộ công nhân viên và các nhà đầu tư khác đăng ký theo danh sách (số lượng 20 cổ đông), danh sách cổ đông đăng ký mua và mua số cổ phần từ nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu (60 cổ đông). Số lượng cổ đông, cán bộ công nhân viên Công ty và Nhà đầu tư tham gia đợt phát hành:
 - Số lượng cổ đông tham gia đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu: 4 cổ đông (Vũ Thành Trung, Trần Bình Duyên, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Phan Quang Tùng) và 60 cá nhân không phải cổ đông hiện hữu đăng ký mua và mua số cổ phần từ nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu.
 - Số lượng Cán bộ nhân viên trong Công ty và Nhà đầu tư khác tham gia đợt phát hành riêng lẻ: 20 nhà đầu tư
- + Số lượng cổ đông sau đợt phát hành: 87 cổ đông
- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2021 như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn theo mệnh giá	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Tổng số tiền thu được từ góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
-------------------	-------------------------------	----------------------------	--	-------------------

	(VND)			
Tiền gửi ngân hàng	120.000.000	60.000.000.000	180.000.000.000	Từ ngày 17/5/2021 đến ngày 16/6/2021
Tổng	120.000.000	60.000.000.000	180.000.000.000	

Đến ngày 16/6/2021, Công ty đã thu đủ số tiền từ phát hành cổ phần cho 82 cổ đông từ đợt phát hành tăng vốn trong 06 tháng đầu năm 2021 là 180.000.000.000 đồng. Trong đó, số tiền góp vốn theo mệnh giá là 120.000.000.000 đồng, thặng dư vốn cổ phần là 60.000.000.000 đồng.

- Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm trong năm 2021:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Chi trả cho nhà cung cấp mua sắm máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất dịch tiêm truyền	53.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (chi trả gốc vay ngân hàng, trả tiền cho nhà cung cấp và bổ sung vốn lưu động khác)	127.000.000.000
	Tổng cộng	180.000.000.000

9. Vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng 8.650.000 cổ phiếu tăng từ 270.000.000.000 tỷ đồng lên thành 356.500.000.000 đồng

- Vốn góp của chủ sở hữu từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng 8.650.000 cổ phiếu tăng từ 27.000.000 cổ phiếu lên thành 35.650.000 cổ phiếu căn cứ theo:
 - + Biên bản họp số 02/2021/BB-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 17/7/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021 CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Nghị quyết số 02/2021/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/07/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021 CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Tờ trình số 04/2021/TT-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 14/7/2021 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam;
 - + Tờ trình số 05/2021/ TT-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 14/7/2021 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021;
 - + Tờ trình số 06/2021/ TT-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 14/7/2021 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư;

- + Nghị quyết số 0911/2021/NQ-HĐQT/DLVN ngày 09/11/2021 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc điều chỉnh dự án;
- + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 58/GCN-UBCK ngày 18/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- + Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 2303/2022/TB-DLVN ngày 23/3/2022 của CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Công văn số 2504/2022 ngày 25/4/2022 của CTCP Dược liệu Việt Nam về việc xác nhận danh sách nhà đầu tư đăng ký, nộp tiền đặt cọc mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu nhà đầu tư được mua;
- + Nghị quyết số 0605/2022/NQ-HĐQT ngày 06/05/2022 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và thông qua việc phân phối tiếp số cổ phiếu lẻ phát sinh do quy tắc phân phối làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- + Công văn số 0605/2020/CV ngày 06/5/2022 của CTCP Dược liệu Việt Nam về việc xác nhận danh sách Nhà đầu tư mua cổ phiếu thành công;
- + Nghị quyết số 0905/2022/NQ-HĐQT ngày 09/05/2022 của HĐQT CTCP Dược liệu Việt Nam về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lẻ và kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
- + Công văn số 1205/2022/CV-DLVN ngày 12/5/2022 của CTCP Dược liệu Việt Nam về việc báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
- + Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1205/2022/BC-DLVN ngày 12/5/2022 của CTCP Dược liệu Việt Nam;
- + Công văn 2912/UBCK-QLCB ngày 18/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Trong đó:

Phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2021:

- + Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu CTCP Dược liệu Việt Nam
- + Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- + Giá chào bán: 18.000 đồng/ cổ phần
- + Thực hiện phát hành chào bán: 01 đợt
- + Chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư thông qua đại lý phân phối là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Tổ chức tư vấn. Cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ không thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ sở hữu đối với

số cổ phần được phát hành ra công chúng đợt này. Cổ đông hiện hữu có nhu cầu sẽ tham gia đăng ký mua cổ phần theo quy định.

- + Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán còn dư do các nhà đầu tư không mua hết so với tổng số cổ phần dự kiến chào bán (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác có nhu cầu với giá chào bán không thấp hơn 18.000 đồng/ cổ phần.

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu còn dư vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

Mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn:

Theo tờ trình số 05/2021/TT-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 14/7/2021 của Theo tờ trình số 05/2021/TT-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 14/7/2021 của Hội đồng quản trị đã được thông qua bởi Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 19/7/2021 của ĐHĐCĐ thường niên 2021 CTCP Dược liệu Việt Nam, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng được dùng để đầu tư dự án “Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống, so chế và bảo quản dược liệu tại Bảo Thắng – Lào Cai; Tam Nông – Phú Thọ; Tân Sơn – Phú Thọ; Thanh Sơn – Phú Thọ” và bổ sung vốn lưu động để trả nợ ngân hàng.

Theo Nghị quyết số 0911/2021/NQ-HĐQT/DLVN ngày 09/11/2021 của Hội đồng quản trị CTCP Dược liệu Việt Nam về việc điều chỉnh dự án, dự án “Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong nhân giống, so chế và bảo quản dược liệu tại Bảo Thắng – Lào Cai; Tam Nông – Phú Thọ; Tân Sơn – Phú Thọ; Thanh Sơn – Phú Thọ” được đổi tên thành dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ”.

- Tình hình góp vốn của chủ sở hữu từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng 8.650.000 cổ phiếu tăng từ 27.000.000 cổ phiếu lên thành 35.650.000 cổ phiếu như sau:

Hình thức góp vốn	Số tiền góp vốn theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Tổng số tiền thu được từ góp vốn (VND)	Thời gian góp vốn
Góp vốn bằng tiền (nộp tiền vào tài khoản ngân hàng)	86.500.000.000	69.200.000.000	155.700.000.000	Từ ngày 05/4/2022 đến ngày 09/5/2022 (*)
Tổng	86.500.000.000	69.200.000.000	155.700.000.000	

(*) Trong đó:

- Thời gian nhận tiền đặt cọc mua cổ phiếu: từ 05/4/2022 đến 21/4/2022;

- Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu đăng ký thành công: từ 27/4/2022 đến 05/5/2022;

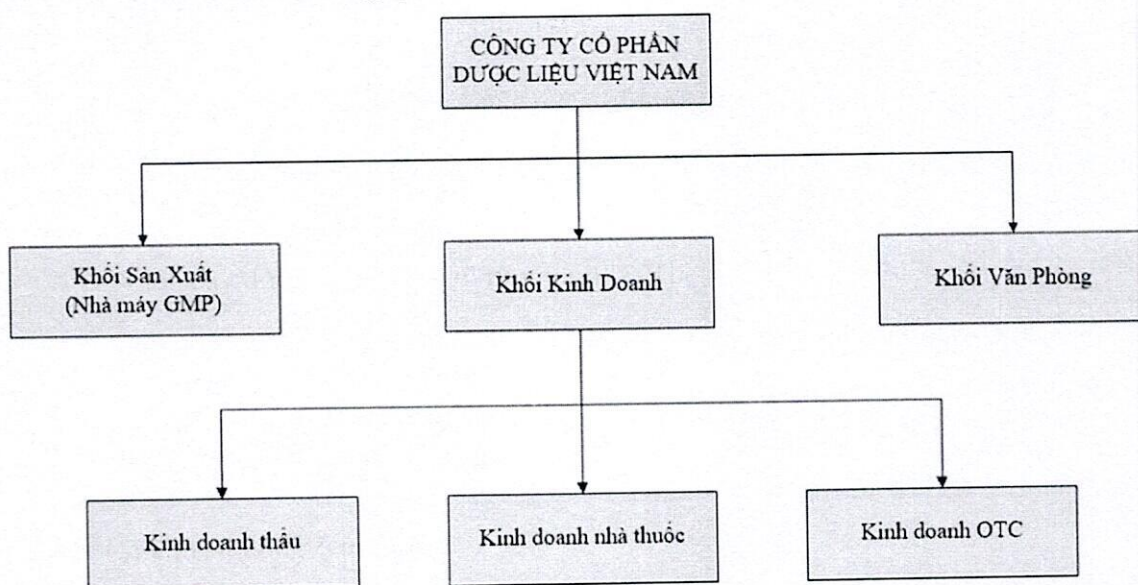
- Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu lẻ phát sinh do quy tắc phân phối: ngày 09/5/2022.

Đến ngày 09/5/2022, Công ty đã thu đủ số tiền hợp lệ từ đợt chào bán lần đầu ra công chúng 8.650.000 cổ phiếu tăng từ 27.000.000 cổ phiếu lên thành 35.650.000 cổ phiếu là 155.700.000.000 đồng

Tình hình sử dụng vốn góp của chủ sở hữu tăng thêm tính đến ngày 22/06/2022:

TT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời gian
1	Mua đất cho dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ”	60.000.000.000	Tháng 5 – 22/6/2022
2	Triển khai các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị và đầu tư cải tạo đất canh tác, trồng và chăm sóc cây dược liệu, các chi phí dự phòng khác cho dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ”	40.000.000.000	Dự kiến trong Quý III – IV/2022
2	Bổ sung vốn lưu động để trả nợ ngân hàng	55.700.000.000	Dự kiến trong Quý III/2022
	Tổng cộng	155.700.000.000	

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam không có công ty con, không có công ty liên kết. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm: (i) Khối văn phòng và (ii) Khối sản xuất (Nhà máy GMP – WHO

Phú Thọ) và (iii) Khối kinh doanh. Trong đó, Khối văn phòng và các đại diện của các khối kinh doanh được đặt tại Trụ sở chính.

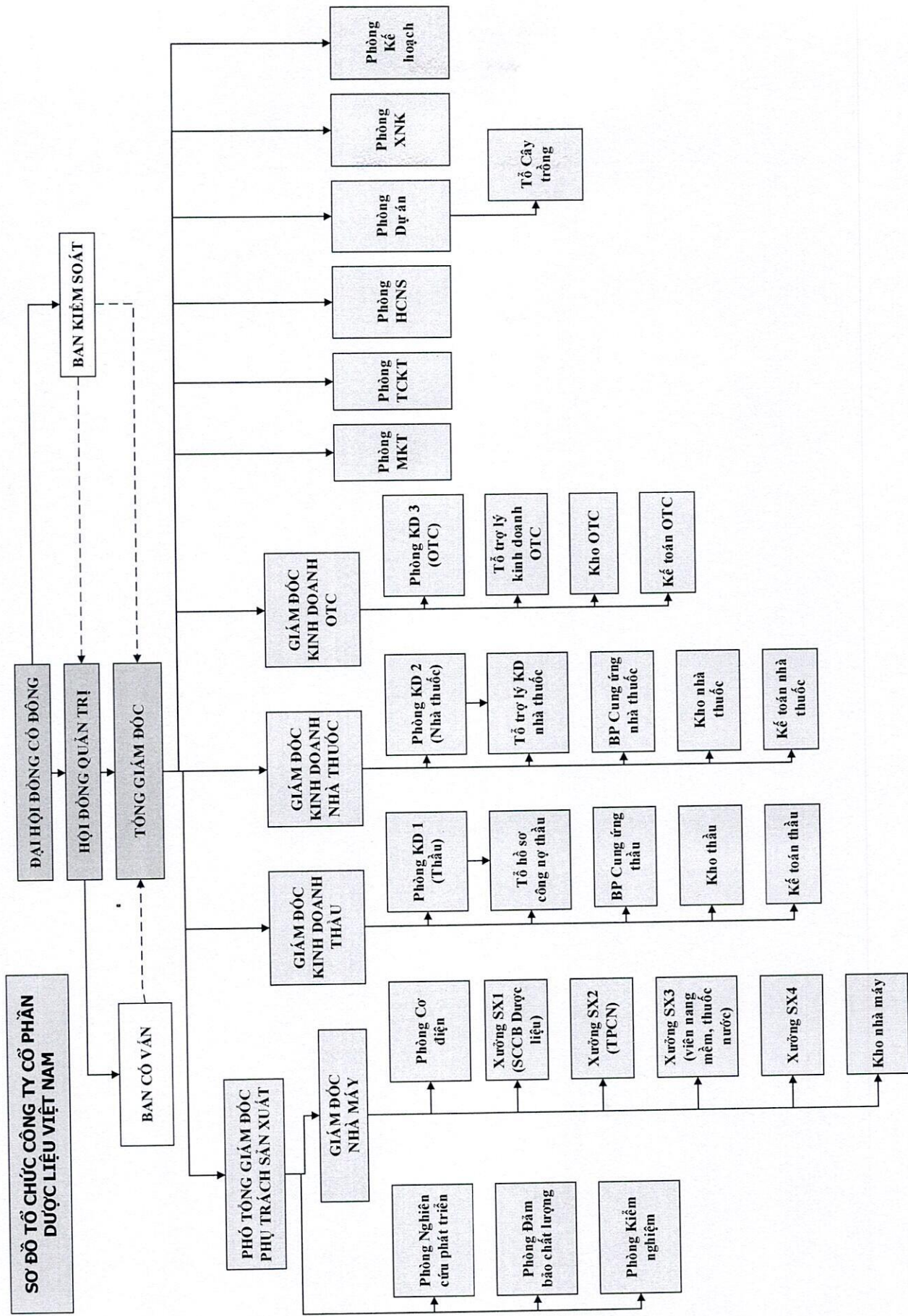
Trụ sở chính: Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Đại chỉ nhà máy GMP – WHO Phú Thọ: Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

3. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nên các hoạt động của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan. Ngoài ra Công ty còn hoạt động theo các quy định tại Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BẠN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG – CTCP DƯỢC LIỆU VIỆT NAM



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần.
- ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ công ty quy định như sau: Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát; Quyết định số thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát; Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định.
- Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu, có nhiệm kỳ tối đa là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 05 năm và chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Danh sách thành viên HĐQT đương nhiệm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Bình Duyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Cải	Thành viên HĐQT
4	Lê Cao Hoàng	Thành viên HĐQT
5	Phạm Hoàng Linh	Thành viên độc lập HĐQT

Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, được HĐQT bổ nhiệm, có trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng

các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng này của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra; chịu trách nhiệm độc lập với HĐQT và Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật trước những công việc liên quan đến quyền và nghĩa vụ quy định theo điều lệ và pháp luật.
- Ban kiểm soát là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Các thành viên Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nhữ Thị Thu Trang	Trưởng ban kiểm soát
2	Dương Thị Ngọc	Kiểm soát viên
3	Trần Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên

Ban cố vấn

Ban cố vấn là cơ quan có chức năng tham mưu cố vấn và giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về việc quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty; thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, phân công theo từng giai đoạn phát triển của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất

Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất là người giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về kết quả việc thực thi các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, được quyền chỉ đạo, điều hành đối với Trưởng, phó phòng và nhân viên các phòng ban đơn vị thuộc khối sản xuất.

Giám đốc nhà máy

Giám đốc nhà máy hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất điều hành, quản lý hoạt động sản xuất trong nhà máy;

Giám đốc nhà máy do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, được quyền chỉ đạo, điều hành trực tiếp đối với các phòng ban/ bộ phận: phòng Cơ điện, các xưởng sản xuất và kho nhà máy.

Phòng nghiên cứu phát triển

- Khảo sát, lên kế hoạch và định hướng nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm;
- Nghiên cứu thử nghiệm trong quy mô phòng thí nghiệm; Xây dựng công thức, soạn thảo các quy trình thao tác chuẩn, các thông số kỹ thuật và quy trình sản xuất cụ thể để triển khai áp dụng trên quy mô sản xuất công nghiệp;
- Lập hồ sơ sản xuất tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; Đăng ký lưu hành sản phẩm; Thực hiện và theo dõi, quản lý việc đăng ký quyền bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm.
- Đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho phòng sản xuất.

Phòng đảm bảo chất lượng

- Xây dựng hệ thống các SOP; hướng dẫn, thực hiện áp dụng, theo dõi, kiểm tra, thanh tra các quy trình tại nhà máy; chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, thành phẩm; xử lý các vấn đề liên quan đến sự cố trong quá trình sản xuất, bảo quản...;
- Tham gia và chịu trách nhiệm trong việc thẩm định các tiêu chuẩn GMP, GDP, GPP, GSP, GLP, (GPs);
- Tổ chức triển khai thực hiện công tác tập huấn đào tạo, như: Lập kế hoạch; Xây dựng nội dung và tham gia đào tạo tập huấn (nội bộ hoặc bên ngoài); Các vấn đề về chuyên môn nghiệp vụ.

Phòng Kiểm nghiệm

- Phối hợp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm được sản xuất chế biến; Xây dựng các phương pháp và trực tiếp triển khai kỹ thuật kiểm nghiệm các chỉ tiêu vi sinh, hóa lý;
- Thẩm định, phân tích, đánh giá chất lượng và độ ổn định của nguyên liệu, thành phẩm; Kiểm tra chất lượng bao bì, nguyên phụ liệu và đánh giá điều kiện sản xuất theo nguyên tắc GMP;
- Thực hiện vận hành hệ thống kiểm nghiệm theo nguyên tắc ISO/IEC 17025 & GLP.

Phòng cơ điện: Giám sát, lắp đặt và bảo trì, sửa chữa toàn bộ hệ thống các máy móc, thiết bị, điện, nước, hơi, khí nén, PCCC; Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị trong công ty.

Các Xưởng sản xuất: Vận hành máy móc, thiết bị sản xuất; Quản lý, theo dõi hoạt động của máy móc trong quá trình vận hành; Đóng gói hàng hóa.

Kho nhà máy: Nhập/xuất hàng hóa vào/ra khỏi kho; Quản lý số liệu hàng hóa và Lưu trữ, sắp xếp, bảo quản hàng hóa trong kho.

Xưởng sơ chế chế biến: Tổ chức sơ chế chế biến, đóng gói dược liệu; quản lý số lượng thành phẩm nhập kho.

Giám đốc kinh doanh các khối (Khối thầu, Khối nhà thuốc và Khối thương mại):

- Giám đốc kinh doanh: do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, là người giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Khối, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về kết quả việc thực thi các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc Kinh doanh: Quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động và nhân sự của các phòng ban/ đơn vị trực thuộc; Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến tài sản, chi phí bán hàng, mua bán dược liệu, vật tư... phục vụ cho sản xuất, cung ứng và kinh doanh của khối phụ trách.

Phòng Kinh doanh các khối (Khối thầu, Khối nhà thuốc và Khối thương mại): Xây dựng các kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện để hoàn thành chỉ tiêu doanh thu bán hàng được giao.

Bộ phận Cung ứng – Kho của các Khối kinh doanh: Lên kế hoạch mua hàng, tìm nhà cung cấp phù hợp, thu mua hàng hóa, nhập xuất hàng tại kho, theo dõi công nợ và giải quyết các vấn đề liên quan.

Tổ hồ sơ Trợ lý bán hàng và Kế toán thầu

- Thực hiện xây dựng các hồ sơ đấu thầu; lưu trữ hồ sơ năng lực, hồ sơ thầu, các giấy tờ phát sinh khác để phục vụ cho công tác đấu thầu.
- Xử lý đơn hàng thầu; làm hợp đồng, thủ tục thanh toán; theo dõi kiểm tra kiểm soát chi phí bán hàng; các chi phí quản lý khác; quản lý doanh thu và thu hồi công nợ.

Tổ Trợ lý bán hàng và Kế toán nhà thuốc

- Xử lý đơn hàng; làm hợp đồng (nếu có), thu tiền bán hàng; theo dõi kiểm tra kiểm soát chi phí bán hàng, các chi phí quản lý khác; quản lý doanh thu và thu hồi công nợ.
- Giám sát, thống kê hóa đơn mua hàng, bán hàng; kiểm soát hóa đơn, theo dõi hoạt động nhập xuất hàng tại kho.

Tổ Trợ lý bán hàng và Kế toán Khối thương mại

- Xử lý đơn hàng; làm hợp đồng, thu tiền bán hàng; theo dõi kiểm tra kiểm soát chi phí bán hàng, các chi phí quản lý khác; quản lý doanh thu và thu hồi công nợ.
- Giám sát, thống kê hóa đơn mua hàng, bán hàng; kiểm soát hóa đơn, theo dõi hoạt động nhập xuất hàng tại kho.

Phòng Tài chính kế toán

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành các hoạt động liên quan đến tài chính Công ty: Lập kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm của Công ty; tính toán, quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; phân phối thu nhập...
- Phối hợp cùng các phòng/ban liên quan xây dựng quy trình, quy chế, hướng dẫn công tác tài chính kế toán; Quản lý tài sản, lập, báo cáo và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của các Khối/Phòng/Ban và toàn thể Công ty.

Phòng Hành chính nhân sự

- Thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực; Xây dựng quy chế lương thưởng, thực hiện các chế độ cho người lao động và Tham mưu đề xuất cho Tổng Giám đốc các vấn đề thuộc lĩnh vực tổ chức hành chính nhân sự.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức; Nghiên cứu, soạn thảo, trình duyệt và tổ chức thực hiện các qui định áp dụng trong Công ty;
- Phục vụ các công tác hành chính, hậu cần; quản lý việc sử dụng, bảo vệ các loại tài sản; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong công ty;

Phòng Dự án

- Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức và quản lý việc thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo hoàn thành đúng thời hạn và đạt các yêu cầu về chất lượng cũng như mang lại hiệu quả kinh tế cao cho doanh nghiệp.
- Quản lý tổ cây trồng: Mở rộng, phát triển vùng trồng dược liệu GACP trong cả nước; tìm kiếm các giống dược liệu có giá trị kinh tế cao; xây dựng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch; trực tiếp làm việc với lãnh đạo các địa phương và nông dân để ký kết văn bản hợp tác.

Phòng Xuất nhập khẩu

- Nghiên cứu và tìm kiếm thị trường xuất khẩu; định hướng chiến lược hoạt động xuất nhập khẩu cho công ty; đàm phán, ký kết hợp đồng và trực tiếp thực hiện các thủ tục xuất khẩu dược liệu.
- Tiếp cận, đàm phán, ký kết hợp đồng và trực tiếp thực hiện các thủ tục nhập khẩu hàng hóa, máy móc, thiết bị nguyên nhiên liệu.

Phòng Kế hoạch

- Lập kế hoạch sản xuất; Tiếp nhận và phối hợp thực hiện đơn hàng sản xuất; Tổng hợp dự trù và mua hàng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất.
- Quản lý thông tin việc nhập hàng, gửi hàng, kiểm soát tồn kho; Theo dõi hao hụt, năng suất lao động và chi phí sản xuất.

Phòng Marketing

- Xây dựng kế hoạch, phát triển hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm công ty ra thị trường; Xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing; thiết lập mối quan hệ với truyền thông;
- Triển khai thực hiện, đánh giá các chương trình quảng bá sản phẩm được ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 26/05/2022

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thành Trung	AD 09-59 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP Hà Nội	010081000097	7.150.000	20,06
Tổng cộng				7.150.000	20,06

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam chốt tại ngày 26/05/2022)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Cổ đông sáng lập của Công ty là cá nhân trong nước. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011, thay đổi lần thứ 26 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 24/05/2022. Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam được thành lập vào năm 2011, vì vậy cổ phiếu của cổ đông sáng lập Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm (26/05/2022)

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 26/5/2022

TT	Đối tượng	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %/VDL
1	Cổ đông trong nước	Phổ thông		35.650.000	100%
1.1	Cá nhân	Phổ thông	220	35.110.000	98,49
1.2	Tổ chức	Phổ thông	1	540.000	1,51
2	Cổ đông nước ngoài	Phổ thông	0	0	0
2.1	Cá nhân	Phổ thông	0	0	0
2.2	Tổ chức	Phổ thông	0	0	0
2.3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	Phổ thông	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	Phổ thông	0	0	0
Tổng cộng			221	35.650.000	100%

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam chốt tại ngày 26/05/2022)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

- 5.1. Công ty mẹ của tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- 5.2. Công ty con tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- 5.3. Công ty do tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có
- 5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không có

6. Hoạt động kinh doanh của công ty

6.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm 2020, 2021 và Quý I năm 2022

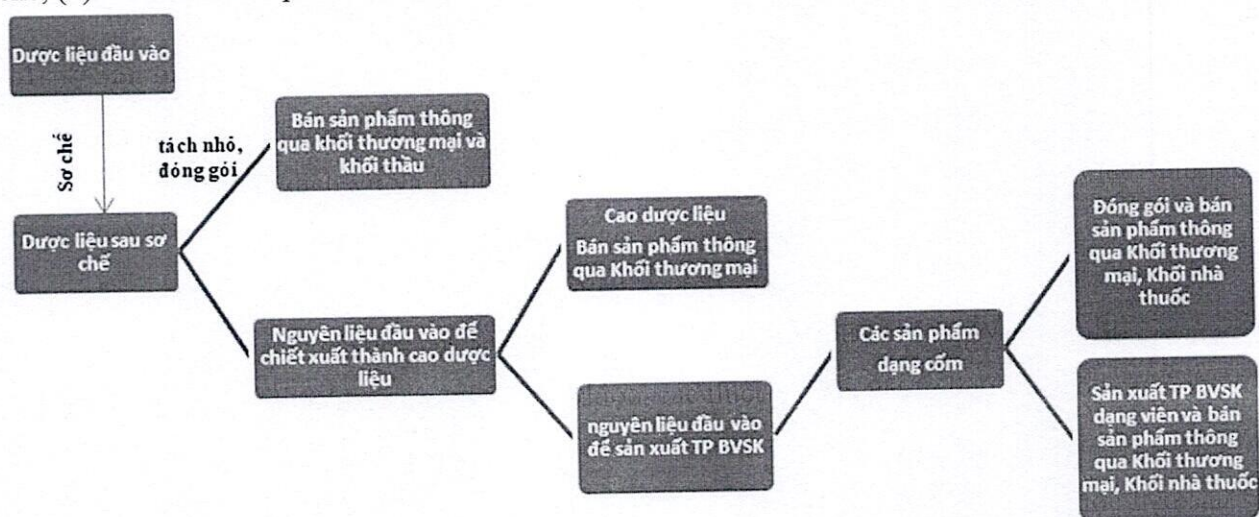
6.1.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

Các sản phẩm/dịch vụ và hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam hiện nay bao gồm:

- Các sản phẩm Công ty tự sản xuất;
- Dịch vụ gia công các sản phẩm cao dược liệu và thực phẩm BVSK;
- Kinh doanh các sản phẩm tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y.

a. Các sản phẩm Công ty tự sản xuất

Các sản phẩm từ dược liệu có thể được chia thành 03 nhóm sản phẩm: (1) nhóm dược liệu sau sơ chế, (2) nhóm các sản phẩm cao dược liệu và (3) nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.



❖ **Nhóm dược liệu sau sơ chế:**

Nguồn nguyên liệu đầu vào này Công ty có dược nhờ hoạt động trồng cây dược liệu, nhập khẩu và thu mua trong nước và ngoài nước.

➤ **Nguyên vật liệu từ hoạt động trồng cây**

Từ năm 2018 trở lại đây, song song với việc tăng cường thu mua dược liệu trong nước, để duy trì sự ổn định của nguồn dược liệu, đồng thời nắm bắt chủ trương lớn của Chính phủ về khuyến khích phát triển các vùng dược liệu cũng như ưu tiên sử dụng nguyên liệu dược trong nước, Công ty đã chú trọng đầu tư dược các vùng nguyên liệu với tổng diện tích khoảng 49,9 ha. Các vùng trồng này là các hộ dân, hợp tác xã tham gia hợp tác với Công ty xây dựng vùng trồng cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP – WHO. Về thực tế, Công ty có chương trình phát triển vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới GACP-WHO”, trong đó đưa ra chính sách hỗ trợ người dân có đất tham gia hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu và bán nguyên liệu lại cho Công ty. Công ty có các xác nhận của địa phương về diện tích vùng trồng kèm trích lục bản đồ địa chính đồng thời có biện pháp để thu hồi các khoản công nợ này thông qua các văn bản cam kết của người dân, hợp tác xã về phát triển trồng cây nguyên liệu và các khoản hỗ trợ này được thu hồi bằng cách cản trừ vào tiền mua nguyên liệu với người dân hàng năm. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu tại nhiều nơi trên cả nước với tổng diện tích phát triển dự kiến khoảng 500 ha, bao gồm cả liên kết với người dân như đã đề cập ở trên đồng thời Công ty thu mua đất để tự chủ vùng trồng, tập trung ở những vùng có nguồn đất nông nghiệp lớn, sinh vật phong phú, nguồn dược liệu có hàm lượng hoạt chất cao để đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chuẩn tạo nên thế mạnh của công ty trong việc chiết xuất cao dược liệu, phục vụ nền y học cổ truyền cả nước và phục vụ sức khỏe cộng đồng.

Không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn và phát huy tinh hoa cây thuốc Việt, việc xây dựng các vùng trồng dược liệu ở các tỉnh còn giúp tạo công ăn việc làm cho người dân ở các địa phương. Ngoài việc tự phát triển vùng trồng, Công ty còn phát động các dự án hợp tác bao tiêu sản phẩm đầu ra với người nông dân tại các vùng trồng dược liệu, ứng vốn cải tạo đất, hỗ trợ cung cấp cây giống và cử các chuyên gia về dược liệu đến hướng dẫn bà con các cách gieo trồng, chăm sóc, thu hái, bảo quản... Trong quá trình thực hiện, Công ty tiến hành phân tích kiểm nghiệm kim loại nặng trong các mẫu đất mẫu nước để đảm bảo tuyệt đối các yêu cầu về tiêu chuẩn theo quy định. Các sản phẩm dược liệu sau khi thu hoạch đều được Cục quản lý y dược cổ truyền tổ chức đánh giá thẩm định chất lượng từ quá trình nuôi trồng đến thu hoạch trước khi cấp Giấy chứng nhận GACP.

Mô hình vùng trồng dược liệu của Công ty là một phần trong sự phát triển y học cổ truyền, thể hiện trách nhiệm xã hội của Công ty, mong muốn được đóng góp cho cộng đồng, nhằm tạo nên những thay đổi tích cực, mang đến những lợi ích kinh tế và sức khỏe cho người Việt Nam.

Ngoài 16 loại cây đạt tiêu chuẩn GACP-WHO hiện tại, dự kiến từ nay đến hết năm 2022 sẽ triển khai thêm 06 loại cây đạt chuẩn GACP-WHO đó là: Nhãn, Sắn dây, Cát cánh, Thiên niên kiện, Ý dĩ và Đảng Sâm.

Bảng 5: Loại dược liệu và phân bố vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP của công ty tính đến ngày 31/03/2022

TT	Cây dược liệu	Địa chỉ	Giấy chứng nhận GACP	Diện tích (ha)
1	Cúc hoa vàng	Kim Động - Hưng Yên	Số 01/GCN-YDCT	2,42
2	Ba Kích	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Số 01/PTN - YDCT	3,00
3	Trạch tả	Yên Khánh - Ninh Bình	Số 02/GCN-YDCT	3,78
4	Hoài Sơn	Yên Lập-Phú Thọ	Số 02/PTN – YDCT	2,16
5	Sen	Tam Nông- Phú Thọ	Số 05/PTN – YDCT	2,74
6	Quế	Văn Yên-Yên Bái	Số 07/PTN – YDCT	3,59
7	Bạch chỉ	Bình Lục-Hà Nam	Số 08/YDCT - QLHN	3,20
8	Ngưu tất	Hung Hà -Thái Bình	Số 10/GCN-YDCT	2,27
9	Dâu Tằm	Bảo yên- Lào Cai	Số 10/GCN-YDCT	3,53
10	Địa Hoàng	Phù Ninh Phú Thọ	Số 11/GCN-YDCT	2,51
11	Đương quy	Bắc Hà-Lào Cai	Số 13/PTN – YDCT	4,00
12	Xuyên Khung	Bát Xát-Lào Cai	Số 14/PTN – YDCT	3,20
13	Cà Gai Leo	Yên Thủy-Hòa Bình	Số 28/GCN-YDCT	1,53
14	Đan Sâm	Chư Sê-Gia Lai	Số 39/GCN-YDCT	3,00
15	Hà Thủ Ô	Chư Sê-Gia Lai	Số 40/GCN-YDCT	7,00
16	Quýt	Bạch Thông- Bắc Kạn	Số 471/GCN-YDCT	2,00
Tổng cộng				49,94

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

➤ **Nguồn nguyên liệu từ nhập khẩu và thu mua dược liệu trong và ngoài nước:**

Nhằm đa dạng hóa cung ứng sản phẩm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, ngoài việc phát triển vùng nguyên liệu riêng và nhập khẩu, công ty còn chủ động phát triển các kênh mua hàng trong nước bằng cách thu mua trực tiếp và thu mua qua các đối tác khác trong nước. Để thu mua hai loại dược liệu có nguồn gốc di thực (đương quy, xuyên khung, độc hoạt, ngưu tất bắc, hồng hoa, bạch cập, đan sâm, bạch chỉ, trạch tả, hoàng kỳ, hoàng cầm, kim ngân hoa...) và dược liệu bản địa (tục đoạn, diệp hạ châu, cúc hoa, ích mẫu, ngưu tất, cà gai leo, cát căn, cỏ ngọt, đinh lăng, hoài sơn, hòe hoa, kinh giới, lá lốt, sinh địa, ý dĩ kim ngân, hy thiêm, ích mẫu...), Công ty tập trung thu mua tại các địa phương như Lào Cai, Ninh Bình, Yên Bái, Thanh Hóa, Hưng Yên, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Lâm Đồng, Đà Lạt...

Để đảm bảo nguồn dược liệu ổn định, Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn hàng, nhập khẩu từ các nhà sản xuất lớn và có uy tín trên thế giới. Các mặt hàng do Công ty nhập khẩu có đầy đủ chứng nhận nguồn gốc (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) theo yêu cầu của Bộ Y tế. Mặt khác, với sức mua và khối lượng nhập khẩu lớn, thanh toán đúng hạn, Công ty đã tạo dựng được uy tín tốt đối với các đối tác cung ứng. Vì vậy, Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ phía các nhà cung ứng với nhiều ưu đãi về giá hơn so với các đơn vị nhập khẩu nhỏ, lẻ có sức mua không ổn định.

Quy trình nhập hàng dược liệu của công ty luôn được tuân thủ chặt chẽ. Trước khi nhập kho, dược liệu được kiểm tra chất lượng bằng các trang thiết bị để xác định chính xác định tính và định lượng theo dược điển VN2018. Theo đó, chỉ có những dược liệu đạt chất lượng theo quy định Bộ Y tế mới được nhập và bảo quản tại kho đạt tiêu chuẩn GDP, GSP.

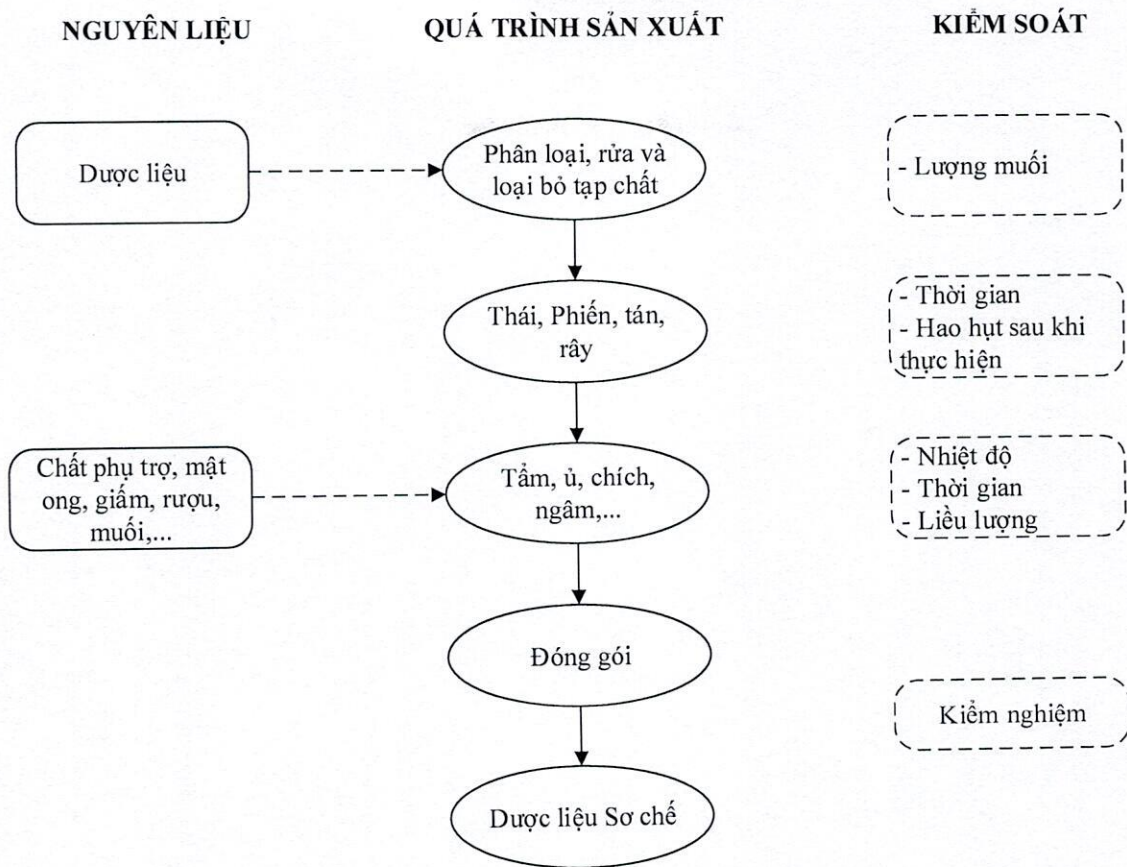
Bảng 6: Một số nhà cung cấp dược liệu lớn trong và ngoài nước

TT	Tên công ty cung cấp	Hàng hóa	Chủng loại
1	Công ty Cổ phần dược liệu Trường Xuân	Tri mẫu, Hoàng kỳ, Cỏ ngọt, Quế nhục...	Dược liệu
2	Công ty Cổ phần tập đoàn dược Bảo Châu	Lá sâm Ngọc Linh, Đông trùng hạ thảo, Hoài sơn...	Dược liệu
3	Zhongshan Jianhe Traditional Chinese Medicine Co.,Ltd	Đương quy, Viễn chí, Sinh địa, Ngu tấu, Độc hoạt, Khương hoạt...	Dược liệu
4	Anhui Bencao National Medicine Herb Pieces Co.,Ltd),	Đảng sâm, Kim ngân hoa, Tần giao, Hồng hoa, Địa long ...	Dược liệu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

❖ Hoạt động sơ chế dược liệu:

Theo danh sách được công bố của Cục Quản lý dược (Bộ y tế), tính đến ngày 17/03/2022, cả nước có 282 cơ sở sản xuất thuộc 226 công ty/viện nghiên cứu đạt chuẩn GMP-WHO, trong đó có những công ty có quy mô lớn, thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao như: Công ty phần Dược phẩm Hậu Giang, Công ty Cổ phần Traphaco... Tuy nhiên số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này có riêng khâu sơ chế dược liệu hay tự chủ nguồn nguyên liệu cho mình là khá ít, trong khi đó Việt Nam mới chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong chuỗi cung cấp nguyên liệu dược nên phần lớn nguyên liệu phải nhập khẩu từ nước ngoài. Chính vì vậy, việc đi sâu vào lĩnh vực sơ chế dược liệu là một bước đi vững chắc để củng cố và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực sản xuất.

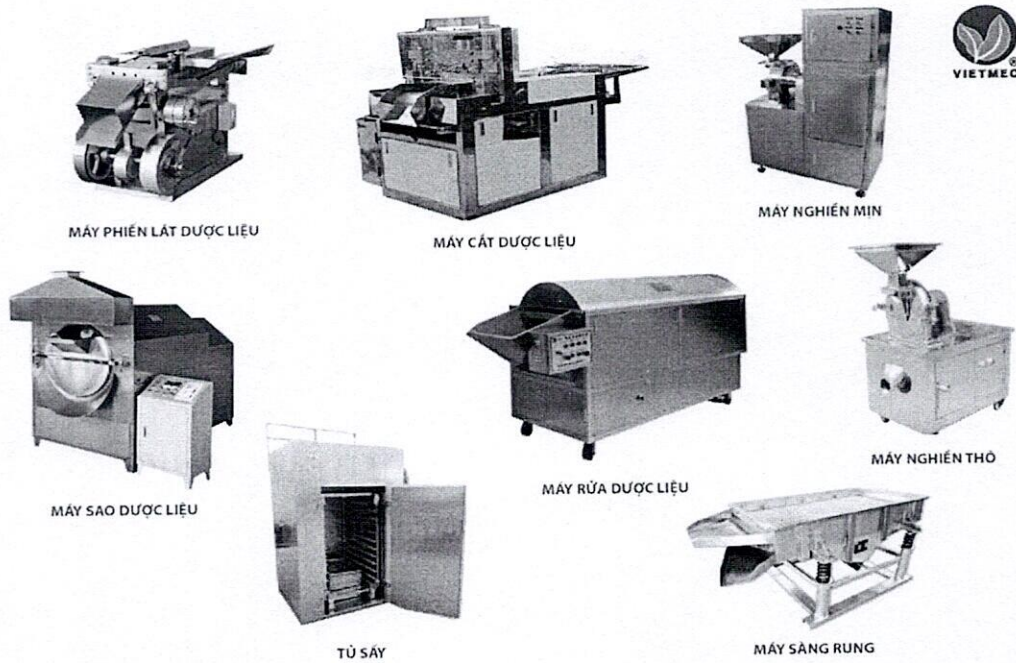


QUY TRÌNH SƠ CHẾ DƯỢC LIỆU

Mỗi loại dược liệu có cách sơ chế riêng nhưng vẫn tuân thủ quy trình chung của Công ty nêu tại sơ đồ trên. Công ty sử dụng các thiết bị rửa dược liệu, phân loại dược liệu kết hợp với phương pháp thủ công nhằm loại bỏ các tạp chất lẫn trong dược liệu, sau đó sấy tự động làm khô, tùy từng loại dược liệu sẽ sao tẩm, thái... và đưa vào bảo quản đóng gói sản phẩm.

Với định hướng tăng cường đầu tư vào hoạt động sơ chế, kết hợp với phương án tổ chức quản lý sản xuất khoa học, hoạt động sơ chế dược liệu của Công ty đã đạt được những thành công bước đầu, từ chỗ Công ty chủ yếu nhập dược liệu đã được sơ chế đóng gói sẵn, đến năm 2020, toàn bộ nguồn dược liệu mua về đã được nhà máy phân loại, đóng gói, sơ chế... có sự hỗ trợ của máy móc trong hầu hết các công đoạn nhằm gia tăng chất lượng và giá trị, với tổng sản lượng trong năm 2020 đạt trên 2.000 (hai nghìn) tấn và trong năm 2021 đạt trên 2.400 (hai nghìn bốn trăm) tấn.

Hình ảnh 1: Một số thiết bị sơ chế dược liệu



Dược liệu sau khi được sơ chế, có thể bán dưới dạng thành phẩm sơ chế cho các đơn vị trong và ngoài nước, các bệnh viện hoặc sử dụng làm đầu vào cho quá trình sản xuất cao dược liệu của chính Công ty. Đây cũng chính là dòng sản phẩm cung ứng chủ yếu cho các gói thầu đồng thời được khối thương mại thực hiện phân phối qua đại lý hoặc bán trực tiếp cho các doanh nghiệp trên cả nước. Một số khách hàng thường xuyên sử dụng dược liệu sơ chế của Công ty như chi nhánh Công ty Cổ phần Sao Thái Dương tại Hà Nam, Viện y học cổ truyền Quân đội, Bệnh viện YHCT Hồ Chí Minh...

❖ **Nhóm sản phẩm cao dược liệu**

Từ nguyên liệu là dược liệu đã qua sơ chế của Công ty, Công ty tiếp tục chiết xuất thành các sản phẩm cao dược liệu để cung ứng ra thị trường đồng thời sử dụng làm nguyên liệu đầu vào tiếp tục sản xuất các thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Hiện nay, Công ty đang triển khai ứng dụng hai công nghệ hiện đại là kỹ thuật sấy phun sương và kỹ thuật sấy chân không từ dược liệu đạt tiêu chuẩn cho các nhà máy sản xuất thuốc để tạo thành sản phẩm cao dược liệu như: xuyên khung, tục đoạn, hoàng liên, đan sâm...từ từ các nguyên liệu như ba kích, bách bộ, phục linh, bạch truật và hơn 300 loại dược liệu khác.

Kỹ thuật sấy phun sương bằng cách phun dòng chất lỏng vào buồng khí nóng, chất lỏng được bay hơi nhanh ra khỏi hỗn hợp, nhờ đó chất rắn được làm khô đạt nhiều ưu điểm: hiệu suất cao, thời gian sấy ngắn, hoạt chất ít bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ, cao thu được là dạng bột khô tơi và dễ hòa tan.

Kỹ thuật sấy chân không bảo đảm nguyên liệu được đưa vào buồng kín, sử dụng máy bơm chân không để tạo thành môi trường chân không có áp suất rất thấp (khoảng 50mmHg trong khi áp suất khí quyển là 760mmHg). Trong môi trường áp suất thấp nước sẽ sôi ở nhiệt độ khoảng 30-40°C,

khi nước sôi đồng nghĩa với sự bốc hơi nước diễn ra rất nhanh làm cho vật sấy khô nhanh hơn so với sấy nhiệt thông thường.

Với quy trình chiết xuất tích hợp hiện đại, các sản phẩm nguyên liệu bột cao khô từ dược liệu do Công ty sản xuất có chất lượng ổn định, tiện sử dụng, có độ giòn, xốp mà sấy lạnh hay sấy thông thường không có được đồng thời giữ nguyên được cấu trúc cũng như màu sắc hương vị và đặc biệt không làm biến đổi tính chất hóa học của dược liệu. Sản phẩm đầu ra có độ ẩm rất thấp đạt tiêu chuẩn quy định theo dược điển (thủy phần $\leq 5\%$) nên thời gian bảo quản được lâu hơn so với dược liệu cùng tính năng được chiết xuất theo các quy trình truyền thống.

Hình ảnh 2: Một số loại sản phẩm bột cao dược liệu do công ty sản xuất



Sản phẩm cao dược liệu giữ nguyên tác dụng của dược liệu, có thể pha uống trực tiếp hoặc làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất đông dược, được Khối thương mại của Công ty chủ yếu phân phối thông qua đại lý, các loại sản phẩm này được ưa chuộng sử dụng vì nó không những có tác dụng hỗ trợ chữa bệnh tốt, mà còn có tác dụng điều hoà, cân bằng sự hoạt động giữa các cơ quan, bộ phận trong cơ thể để duy trì sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống.

❖ Nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng cốm và viên

Trong thời đại công nghiệp hiện nay, việc sử dụng các sản phẩm dược liệu y học cổ truyền để bảo vệ sức khỏe theo phương thức truyền thống như sắc thuốc không còn được người tiêu dùng ưa chuộng do mất nhiều thời gian và công sức. Trong khi đó, chất lượng đầu ra của thuốc sắc không ổn định do phụ thuộc vào nhiều yếu tố đầu vào như thời gian sắc thuốc, nhiệt độ... Để các sản phẩm dược liệu y học cổ truyền thuận tiện với người sử dụng, đảm bảo tính ổn định của chất lượng dược liệu sử dụng, trên cơ sở hệ thống dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, Công ty đã đi tiên phong trong việc sản xuất các sản phẩm dạng cốm quen thuộc với người tiêu dùng như: giao cổ lam, trinh nữ hoàng cung, cà gai leo, quế... Công ty sử dụng các sản phẩm cao dược liệu làm nguyên liệu chính kết hợp với một số hoạt chất phụ trợ để sản xuất ra các sản phẩm cốm có lợi

thể giữ nguyên dược tính, hương vị, dễ bảo quản và sử dụng thuận tiện như đồ uống hàng ngày, không mất thời gian sao, sắc như phương thức truyền thống, có tác dụng tốt trong việc hỗ trợ điều trị cũng như nâng cao sức khỏe của người tiêu dùng.

Ngoài cốm, Công ty còn sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe được bao gói dưới hai dạng viên nén và viên nang cứng.

Quy trình các bước sản xuất các sản phẩm dạng cốm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe như sau:

➤ **Quy trình các bước sản xuất sản phẩm dạng cốm**

(Bước 1) Trộn khô:

- Chuẩn bị nguyên liệu dựa trên yêu cầu sản xuất từ Phòng kế hoạch đảm bảo nguyên liệu chính và nguyên liệu phụ, tá dược đã được bộ phận kiểm tra chất lượng, bộ phận đảm bảo chất lượng kiểm tra đạt yêu cầu trước khi đưa vào sản xuất về hàm lượng, khối lượng;
- Đưa các nguyên liệu, tá dược (độn, rã) vào máy nhào trộn cao tốc, vận hành máy nhào trộn siêu tốc (cánh khuấy tốc độ 35Hz/cánh cắt tốc độ 40Hz), trộn đồng nhất trong thời gian quy định.

(Bước 2) Tạo hạt cốm:

- Cho dung môi vào thùng sạch; rắc từ từ tá dược dính vào cho đến khi hỗn hợp trương nở hoàn toàn;
- Cho từ từ tá dược dính vào khối bột kếp trong máy nhào trộn cao tốc, vận hành máy (cánh khuấy tốc độ 35Hz/cánh cắt tốc độ 40Hz), trộn tạo hạt trong thời gian quy định;
- Xát hạt qua cỡ lưới 2 mm khối nguyên liệu đã tạo hạt;
- Vận hành thao tác máy sấy tầng sôi theo quy trình của Công ty - SOP QTVH-08 với tốc độ quay của máy thổi gió 35Hz; cài đặt nhiệt độ từ 55- 60°C, kiểm tra độ ẩm hạt cốm đảm bảo đạt $\leq 4.0\%$.
- Dừng sấy, sửa hạt qua cỡ lưới 0,7mm tạo thành cốm.
- Biệt trữ cốm trong hai lớp túi PE đựng trong thùng nhựa, theo từng mẻ; ghi đủ tên của bán thành phẩm, lô sản xuất, khối lượng và độ ẩm.

➤ **Hoàn thiện đóng gói sản phẩm dạng cốm**

Cốm được đóng thành các gói nhỏ theo quy trình sau:

- Đóng túi cốm theo quy cách.
- Yêu cầu độ lệch khối lượng trung bình (KLTB) 10 gói là $\pm 3\%$ và độ lệch khối lượng từng gói là $\pm 5\%$ so với khối lượng quyết định đóng gói.

➤ **Quy trình các bước sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe**

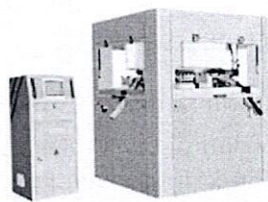
Bổ sung thêm các loại tá dược (tá dược trơn/rã ngoài) theo yêu cầu chất lượng sản phẩm đầu ra bằng máy trộn 3D theo quy trình của Công ty - SOP QTVH-09.

(Bước 1) Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nén: Yêu cầu độ đồng đều khối lượng tùy vào khối lượng trung bình của viên; Độ lệch KLTB 20 viên là $\pm 3\%$ và độ lệch khối lượng từng viên là 5% so với khối lượng quyết định dập viên.

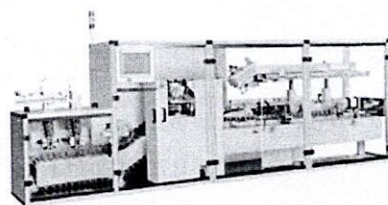
(Bước 2) Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên nang cứng: Đóng nang ở tốc độ tối đa 800 viên/phút với yêu cầu đạt được: độ đồng đều khối lượng tùy vào khối lượng trung bình của viên, Độ lệch KLTB 20 viên là $\pm 2\%$ và độ lệch khối lượng từng viên là 5% so với khối lượng quyết định dập viên.

(Bước 3) Viên nén/viên nang cứng sẽ được làm sạch và được cho vào 2 lần túi nilon, mỗi túi 25kg, buộc kín, đặt vào thùng nhựa, ghi nhãn theo quy định.

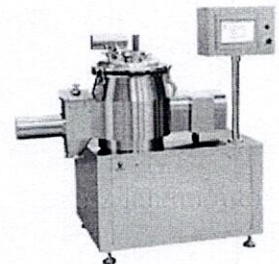
(Bước 4) Thành phẩm sẽ được đóng gói ở hai dạng (đóng lọ/đóng vỉ) và thực hiện đóng hộp, công đoạn này đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định xây dựng cho từng loại thành phẩm như: số lượng gói/hộp; số lượng viên/lọ; màng seal vào nắp lọ; gắn nhãn; hướng dẫn sử dụng; đóng hộp và tem niêm phong để kết thúc quá trình sản xuất.



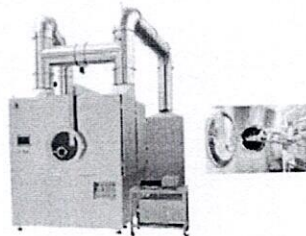
MÁY DẬP VIÊN



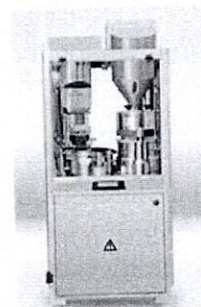
MÁY EP VỈ



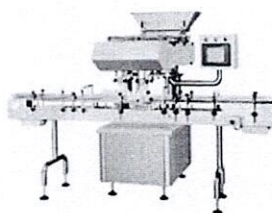
MÁY TRỘN SIÊU TỐC



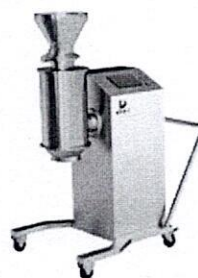
MÁY BAO PHIM



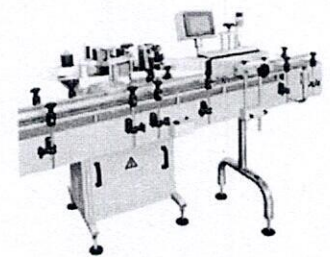
MÁY ĐÓNG NANG THUỐC



MÁY ĐẾM VIÊN ĐÓNG CHAI



MÁY TẠO HẠT



MÁY DÁN NHÃN

Hình ảnh 4: Một số sản phẩm bổ trợ sức khỏe do công ty sản xuất



Đến thời điểm hiện tại có tất cả 65 loại sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe do công ty sản xuất được phân phối chủ yếu qua Khối kinh doanh nhà thuốc (hàng kê đơn) và Khối thương mại.

b. Gia công dược liệu sơ chế, các sản phẩm bột cao và các loại thực phẩm BVS

Ngoài sản xuất các sản phẩm từ dược liệu, Công ty đồng thời có cung cấp dịch vụ gia công trong chiết xuất cao dược liệu và thực phẩm BVS cho các đơn vị khác mặc dù hiện tại các sản phẩm gia công này còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu bán hàng chung của Công ty. Tùy thuộc vào nhu cầu đặt hàng của từng đối tượng Khách hàng để sử dụng nguồn nguyên vật liệu của Công ty hay nguồn nguyên vật liệu do chính các khách hàng này cung cấp, thực hiện sản xuất trên các dây chuyền và công nghệ sẵn có tạo ra các sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng đồng thời tuân thủ đúng quy trình sản xuất của Công ty.

c. Kinh doanh các sản phẩm là các mặt hàng tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y

Ngoài mặt hàng chủ đạo là các sản phẩm từ dược liệu, phát huy thế mạnh đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm xuất nhập khẩu, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu đồng thời tìm kiếm thu mua đối với các mặt hàng tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y từ các đối tác có sản phẩm chất lượng, đạt tiêu chuẩn để đặt hàng phục vụ mục đích thương mại để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của Công ty ở cả 03 khối kinh doanh là Khối thầu, Khối nhà thuốc và Khối thương mại.

Bảng 7: Một số đối tác chính trong và ngoài nước của Công ty

TT	Tên công ty	Hàng hóa nhập khẩu	Chủng loại
----	-------------	--------------------	------------

1	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	Bộ quả lọc máu Prismaflex M100, Primasol B0	VTTH
2	Công ty TNHH AVANTA DIAGNOSTICS	Test thử tiểu đường Uright, Test thử Rota Virus, Test HBsAg...	VTTH
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm SKC	Moxilen, Arthroloc, Livetin, Austrapharmamesone ...	Tân dược
4	Công ty TNHH Dược phẩm Hải Minh	Pizulen, Combilipid, Smofkabiven Peripheral...	Tân dược
5	Anhui Tiankang Medical Technology Co.,Ltd;	Dây truyền dịch, Kim cánh bướm,	TBYT, VTTH
6	Hitec Medical Co.,Ltd	Túi tiểu, Ống nội khí quản	TBYT, VTTH
7	ZhangJiagang Daywel Manufacturing INC	Xe đẩy, giường, tủ đầu giường	TBYT, VTTH

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

6.1.2. Các kênh phân phối

Hoạt động kinh doanh của Công ty được triển khai thông qua 03 kênh phân phối chính là Kênh bán hàng Khối thầu, kênh bán hàng Khối nhà thuốc và kênh bán hàng Khối thương mại với mạng lưới bán hàng trải khắp các tỉnh thành cả nước trong lĩnh vực y dược cổ truyền với các đối tác lớn là các Sở Y tế, các bệnh viện Y học cổ truyền, các khoa Y học cổ truyền của các bệnh viện đa khoa, các doanh nghiệp kinh doanh dược.

❖ Kênh bán hàng Khối thầu

Khách hàng của Công ty thông qua đấu thầu là các Sở Y tế, các bệnh viện và các trung tâm y tế lớn nhỏ trên khắp các tỉnh thành. Đến nay sau hơn 10 năm kinh nghiệm, hệ thống bán hàng Công ty đã phủ đến gần 500 bệnh viện ở 35/63 tỉnh và theo định hướng đến năm 2025 công ty sẽ phủ đến 50/63 tỉnh thành trên cả nước.

Công ty đã xây dựng quy trình chuẩn về đấu thầu tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo hạn chế sai sót không đáng có để tham gia đấu thầu tại các Sở y tế, các bệnh viện.

Để đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra, tại mỗi tỉnh, Công ty đều bố trí một trình dược viên (TDV) phụ trách việc nhận đơn hàng, tiếp nhận phản hồi khách hàng và giao hàng, TDV đều được quản lý bằng hệ thống báo cáo hàng tháng cho cấp quản lý để nắm được thông tin và quản lý công việc một cách hiệu quả.

Với đặc thù sau khi trúng thầu các gói thầu do các Sở Y tế tổ chức, Công ty tiến hành ký hợp đồng trực tiếp với các bệnh viện thuộc quản lý của Sở Y tế để thực hiện. Các Bệnh viện sẽ tiến hành lấy hàng hóa nhiều lần trên cơ sở nhu cầu thực tế, vì vậy TDV luôn bám sát nhu cầu của bệnh viện được giao quản lý để chuẩn bị đơn hàng cung cấp một cách tốt nhất. Ngoài ra, các điều kiện về giá,

chất lượng, điều kiện giao hàng để trúng thầu tại các Sở Y tế được đánh giá là cạnh tranh, cộng với việc Công ty cho phép các TDV chủ động áp dụng các điều kiện đã trúng thầu với các Sở Y tế để chào hàng cho các cơ sở y tế tư nhân, các doanh nghiệp không cần thủ tục đấu thầu nên doanh số Kênh bán hàng khối thầu tăng trưởng tốt.

❖ **Kinh doanh khối Nhà thuốc**

Không chỉ kinh doanh thông qua Khối thầu, Công ty còn liên kết đầu tư xây dựng, cung ứng dịch vụ và quản lý Nhà thuốc với các bệnh viện và trung tâm y tế ở các tỉnh thành như Phú Thọ, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Sơn La theo mô hình xã hội hóa: Công ty góp vốn đầu tư cơ sở vật chất (xây dựng cơ sở vật chất, tủ kệ, trang thiết bị), tồn kho hàng hóa ban đầu, nhân sự vận hành và nguồn vốn lưu động để kinh doanh; Trung tâm y tế/Bệnh viện góp vốn là tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước. Tùy theo hợp đồng liên kết công ty sẽ thanh toán khoản chi phí cố định hàng tháng (như Chi phí tiền lương, tiền công của người bán hàng; Chi phí khấu hao nhà cửa, tài sản trang thiết bị; Chi phí về điện nước và chi phí hậu cần trực tiếp khác; ...) tương ứng vốn góp của Trung tâm y tế/Bệnh viện là tài sản được hình thành từ ngân sách Nhà nước

Hệ thống nhà thuốc đến nay đã bao gồm 24 nhà thuốc phân phối đạt tiêu chuẩn GPP do Sở Y tế cấp chứng nhận. Các nhà thuốc đều nằm trong khuôn viên bệnh viện, được bố trí riêng biệt, xây dựng khang trang, sạch sẽ, vị trí dễ nhìn, dễ thấy, thuận lợi cho bệnh nhân trong việc mua và tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc.

Việc quản lý tại các quầy thuốc, Công ty sử dụng phần mềm quản lý kinh doanh và bán hàng toàn diện Open24, các hoạt động đều được quản lý bằng phần mềm: từ khâu tiếp đón, kê đơn, mua thuốc theo đơn đến hệ thống các quy trình quy định trong việc theo dõi xuất nhập hàng cũng như quản lý hàng hóa, lưu giữ hồ sơ liên quan đến chất lượng sản phẩm và hồ sơ pháp lý của nhà cung cấp.

Phụ trách chuyên môn nhà thuốc là dược sĩ đại học. Các nhân viên bán hàng, trình dược viên nhà thuốc đều đạt trình độ dược sĩ cao đẳng/trung cấp để đảm bảo đúng với tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế. Cán bộ quản lý và nhân viên thường xuyên được đào tạo trau dồi kiến thức về chuyên môn, kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử với người bệnh để luôn mang lại sự hài lòng cho bệnh nhân.

Bảng 8: Danh mục các nhà thuốc đang hoạt động

TT	Tên nhà thuốc	Thị trường hoạt động
1	BVĐK Tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ
2	TTYT huyện Đoan Hùng	Phú Thọ
3	TTYT huyện Lâm Thao	Phú Thọ
4	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Phú Thọ
5	TTYT huyện Phù Ninh	Phú Thọ

TT	Tên nhà thuốc	Thị trường hoạt động
6	TTYT huyện Tam Nông	Phú Thọ
7	TTYT huyện Tân Sơn	Phú Thọ
8	TTYT huyện Thanh Ba	Phú Thọ
9	TTYT huyện Thanh Sơn	Phú Thọ
10	BVĐK Thị xã Phú Thọ	Phú Thọ
11	Bệnh viện YDCT và PHCN	Phú Thọ
12	TTYT TP Ninh Bình	Ninh Bình
13	TTYT Gia Viễn	Ninh Bình
14	BV YHCT Sơn La	Sơn La
15	BVĐK Sơn La (Quầy 1)	Sơn La
16	BVĐK Sơn La (Quầy 2)	Sơn La
17	BV YDCT Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
18	TTYT TP Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc
19	BV YDCT Ninh Bình	Ninh Bình
20	TTYT Nam Đàn	Nghệ An
21	TTYT Nghĩa Đàn	Nghệ An
22	TTYT Quỳnh Hợp	Nghệ An
23	TTYT Hưng Nguyên	Nghệ An
24	BV YHCT Lạng Sơn	Lạng Sơn

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Theo kế hoạch, đến hết năm 2022 Công ty sẽ hoàn thành mở rộng thêm 16 nhà thuốc tại các tỉnh: Lào Cai, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hà Tĩnh, Thanh Hóa, Nghệ An. Các nhà thuốc mở rộng này chủ yếu là các nhà thuốc liên kết với Công ty, do đó doanh thu tăng thêm từ các nhà thuốc liên kết này sẽ không cao so với việc mở rộng các nhà thuốc do Công ty sở hữu. Theo đó, dự kiến doanh thu sẽ tăng từ 152 tỷ đồng năm 2020 và hơn 214 tỷ đồng năm 2021 lên 221 tỷ đồng năm 2022 và 288 tỷ đồng năm 2023.

Không chỉ gói gọn trong hệ thống nhà thuốc của Công ty, Khối nhà thuốc còn tự chủ động thúc đẩy doanh số bán hàng thông qua các nhà thuốc, cũng như các doanh nghiệp kinh doanh dược trên khắp thị trường cả nước để mở rộng đối tượng khách hàng trong việc phân phối bán buôn bán lẻ thuốc tân dược, trang thiết bị, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được đăng ký với Bộ Y tế.

❖ **Kinh doanh khối thương mại**

Đối với kênh bán hàng khối thương mại, các sản phẩm được phân phối gồm tân dược, VTYT, dược liệu, cao dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Các sản phẩm này vừa là các sản phẩm do Công ty tự sơ chế hoặc sản xuất vừa là các sản phẩm được Công ty mua để kinh doanh. Với thế mạnh đặc biệt của dây chuyền ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến là cô chân không sấy phun sương, Công ty đã cung cấp ra thị trường các loại cao khô chất lượng cao phục vụ cho các nhà máy sản xuất đông dược và thực phẩm bảo vệ sức khỏe như: ba kích, bách bộ, phục linh, bạch truật,...

Khối kinh doanh thương mại của Công ty cũng có quy trình bán hàng chặt chẽ, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Mỗi nhóm khách hàng đều có TDV phụ trách tiếp cận trực tiếp theo các kênh khác nhau tại các địa bàn nhất định theo kế hoạch: (i) Đối với khách hàng là doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp thương mại kinh doanh dược phẩm, các TDV phụ trách có thể kết hợp với TDV thầu tại các địa bàn có sẵn để lên danh sách khách hàng tại địa bàn và trực tiếp xúc tiến tiếp cận; (ii) Đối với khách hàng cá nhân, người tiêu dùng trực tiếp công ty sẽ tiếp cận bằng các hội thảo giới thiệu sản phẩm, bài báo ngắn, phát tờ rơi, quảng cáo trên internet...; (iii) Đối với các địa bàn chưa triển khai được trực tiếp, Công ty ký hợp đồng đại lý để tận dụng đội ngũ kinh doanh của bên đối tác đưa sản phẩm do Công ty sản xuất đến các khách hàng tiềm năng.

Công ty luôn quan niệm việc giữ chân khách hàng là quan trọng nhất nên sản phẩm được chào bán tới khách hàng đều có cảm quan, chất lượng và giá cả được thiết kế một cách tốt nhất, đồng thời Công ty triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo online hoặc offline cho TDV từ đó tư vấn cho khách hàng hiệu quả nhất từ đó đẩy mạnh doanh số để mang lại hiệu quả cho kênh bán hàng này.

Chăm sóc khách hàng sau bán hàng cũng là bước rất quan trọng mà Khối kinh doanh thương mại tập trung để duy trì lượng khách hàng trung thành, nhằm duy trì đơn hàng mua lặp lại và góp phần quảng bá thương hiệu của Công ty.

Với chính sách tuyển dụng, lương thưởng hợp lý, Công ty đang dần có đội ngũ kinh doanh có chuyên môn, năng động, sáng tạo và nhiệt huyết đầy mạnh mẽ bán hàng thương mại trở thành một trong những mảng kinh doanh hiệu quả trong tương lai gần.

6.1.3. Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ của Công ty trong năm 2020, năm 2021 và Quý I năm 2022

a. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

Bảng 9: Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm của năm 2021 so với 2020	Quý I/ 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)

TT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm của năm 2021 so với 2020	Quý I/ 2022	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Doanh thu bán Hàng hóa	301.639	35,79	369.281	35,21	22,42	76.721	37,14
2	Doanh thu bán Thành phẩm	540.095	64,09	678.666	64,7	25,66	129.774	62,82
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	982	0,12	972	0,09	-1,02	79	0,04
	Tổng Doanh thu thuần	842.716	100	1.048.919	100	24,47	206.574	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I năm 2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Tổng Doanh thu thuần của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh thu bán hàng là các doanh thu phát sinh từ hoạt động thương mại của Công ty đối với các sản phẩm tân dược, các thiết bị y tế và vật tư tiêu hao trong ngành y. Doanh thu bán thành phẩm là các doanh thu phát sinh từ việc bán các sản phẩm do công ty sản xuất ra và doanh thu cung cấp dịch vụ các doanh thu phát sinh từ các dịch vụ do công ty cung cấp.

Trong cơ cấu doanh thu của Công ty giai đoạn 2020 – 2021, doanh thu bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất (trên 64%), tiếp theo là doanh thu bán hàng hóa (khoảng 35%), cuối cùng doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 1%).

Tổng doanh thu thuần năm 2021 đạt 1048,9 tỷ đồng, tăng 24,27% so với năm 2020 (đạt 842,7 tỷ đồng), trong đó doanh thu bán thành phẩm tăng 25,66%, doanh thu hàng hóa tăng 22,42% và doanh thu cung cấp dịch vụ giảm nhẹ 1%. Lý do tích cực của việc tăng trưởng doanh thu bán thành phẩm được nhìn nhận do từ năm 2020 đến nay, khi nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại Phú Thọ đi vào hoạt động, Công ty đã tự chủ được gần như toàn bộ công đoạn sơ chế và chế biến dược liệu đầu vào, do vậy thành phẩm do nhà máy sản xuất tăng mạnh. Việc đẩy mạnh tiêu thụ thành phẩm do nhà máy sơ chế, đóng gói để bán đã góp phần làm tăng mạnh tỷ trọng doanh thu bán thành phẩm trên tổng doanh thu. Doanh thu bán hàng hóa tăng là do năm 2021, Việt Nam ghi nhận 02 đợt bùng phát dịch covid nên các mặt hàng như test xét nghiệm, thuốc hỗ trợ giảm ho Terpin codein và các thuốc hỗ trợ về gan như Livetin – EP, Livosil được tiêu thụ mạnh làm cho doanh thu bán hàng hóa của Công ty tăng trưởng tốt so với năm 2020.

Sang quý I năm 2022, doanh thu bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng doanh thu (chiếm 62,8%), tiếp theo là doanh thu bán hàng hóa (37%), phần còn lại là doanh thu từ cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng rất nhỏ (1,04%). Tổng doanh thu thuần Quý I năm 2022 của Công ty đạt 206,6 tỷ, giảm không đáng kể (2,6%) so với cùng kỳ năm 2021. Cụ thể, doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ của công ty lần lượt đạt 76,7 tỉ, 129,8 tỉ và 0,08 tỉ giảm tương ứng 4,9%, 1% và 77,7% so với cùng kỳ năm 2021. Việc doanh thu

giảm nhẹ so với cùng kì năm 2021 là do quý I/2022 là thời điểm dịch covid bùng phát sau đợt nghỉ tết, nhiều cán bộ công nhân viên Công ty bị cách ly dẫn đến việc sản xuất của Công ty bị đình trệ trong thời gian ngắn.

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2020 - 2021 và quý I/2022

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm của năm 2021 so với năm 2020	Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	45.418	5,39	47.409	4,52	4,38	10.358,3	5,01
2	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	43.654	5,18	74.617	7,11	70,93	23.770,2	11,51
3	Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (cho thuê văn phòng, kho bãi...)	982	0,12	562	0,05	-42,77	78,6	0,04
	Tổng lợi nhuận gộp	90.054	10,69	122.588	11,69	36,13	34.207,1	16,56

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Trong năm 2020, lợi nhuận gộp bán hàng hóa trên tổng doanh thu thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất (5,39%), tiếp theo là lợi nhuận gộp bán thành phẩm (5,18%), phần còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (0,12%). Sang năm 2021, cơ cấu lợi nhuận gộp có sự thay đổi: lợi nhuận gộp bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất (7,11%), tiếp theo là lợi nhuận gộp bán hàng hóa (4,52%), cuối cùng là lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ nhất (0,05%). Cơ cấu tỷ trọng lợi nhuận gộp có xu hướng thay đổi là tỷ trọng doanh thu của từng mảng có sự dịch chuyển tương tự. Thêm vào đó, do nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm hỗ trợ điều trị Covid tăng nên Công ty đã tập trung nguồn lực thúc đẩy mảng bán lẻ, thông qua kênh nhà thuốc, vào các sản phẩm bảo vệ nâng cao sức khỏe trong việc dự phòng và nâng cao sức đề kháng, bổ sung vitamin và khoáng chất dành cho bệnh nhân hậu Covid. Đây chính là các dòng sản phẩm và kênh bán hàng này có lợi nhuận biên lớn và là yếu tố chính làm tăng tỷ trọng lợi nhuận gộp bán thành phẩm của Công ty. Do lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ là lợi nhuận từ các hoạt động không phải ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như cho thuê văn phòng, kho bãi... nên là phần lợi nhuận gộp trên tổng doanh thu của Công ty còn khiêm tốn và không đáng kể.

Tổng lợi nhuận gộp năm 2021 là 122,6 tỷ đồng, tăng 36,13% so với năm 2020, tăng mạnh hơn so với tốc độ tăng trưởng của doanh thu (24,47%). Trong đó lợi nhuận gộp bán thành phẩm năm 2021

là 74,6 tỷ đồng, tăng 70,93%; lợi nhuận gộp bán hàng hóa năm 2021 tăng nhẹ 4,38% và lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ giảm 42,77% so với năm 2020. Việc tổng lợi nhuận gộp cũng như lợi nhuận gộp bán hàng hóa và lợi nhuận bán thành phẩm tăng phần lớn là do doanh thu năm 2021 tăng mạnh so với năm 2020 và một phần do Công ty giảm được một số chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp (chi tiết tại mục chi phí sản xuất bên dưới).

Đến quý I năm 2022, lợi nhuận bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp, chiếm 11,5% trên tổng doanh thu thuần, tiếp đến là lợi nhuận bán hàng hóa (chiếm 5%), còn lại là lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất 0,04%. Tổng lợi nhuận gộp Quý I năm 2022 là 34,2 tỷ đồng, tăng 38,6% so với quý I năm 2021 (24,7 tỷ đồng). Cụ thể: lợi nhuận bán thành phẩm tăng 102%, lợi nhuận bán hàng hóa giảm 18,8% và lợi nhuận cung cấp dịch vụ giảm 44,6% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh việc bán các sản phẩm bảo vệ sức khỏe dành cho các bệnh nhân hậu Covid, là các sản phẩm mang lại lợi nhuận biên lớn dẫn đến lợi nhuận gộp bán thành phẩm tăng mạnh kéo theo tổng lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ năm 2021.

6.2. Nguyên vật liệu

❖ Nguồn nguyên vật liệu, hàng hóa:

Nguyên vật liệu, hàng hóa của Công ty được cung ứng từ 03 nguồn:

- Khai thác từ các vùng trồng dược liệu đạt chuẩn GACP;
- Thu mua từ các đối tác trong nước;
- Nhập khẩu từ nước ngoài.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Nguồn cung ứng nguyên liệu, hàng hóa mà công ty đang sử dụng khá ổn định.

Đối với nguồn dược liệu để làm nguyên liệu sản xuất đầu vào, Công ty đang tiếp tục mở rộng vùng trồng đạt chuẩn GACP từ diện tích 49,9 ha lên dự kiến khoảng 500 ha. Bên cạnh đó, Công ty còn chủ động tìm kiếm nguồn hàng bằng cách trực tiếp thu mua qua các đối tác truyền thống trong nước và nhập khẩu từ các nhà sản xuất có uy tín trên thế giới nên sản lượng dồi dào, chất lượng đảm bảo, ổn định nguồn cung, giá cả cạnh tranh và có nhiều ưu đãi về giá hơn so với các đơn vị nhập khẩu nhỏ, lẻ có sức mua không ổn định.

Đối với mặt hàng tân dược, thiết bị y tế, vật tư tiêu hao: Ngoài việc nhập khẩu trực tiếp một số mặt hàng từ các nhà sản xuất nước ngoài như Dây truyền dịch, Kim cánh bướm, giường bệnh,... Công ty còn đẩy mạnh việc mua hàng từ các hãng sản xuất hoặc nhà phân phối lớn, có uy tín và năng lực tài chính vững mạnh trong và ngoài nước sẵn sàng ủy quyền phân phối theo hợp đồng đấu thầu quy định. Ngoài ra, Công ty còn có một quầy thuốc tại chợ thuốc Hapulico làm đầu mối thu mua và cung cấp các mặt hàng tân dược, và vật tư tiêu hao cho hệ thống 24 nhà thuốc của Công ty.

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Giá cả một số mặt hàng dược liệu và tân dược có thay đổi theo mùa vụ hoặc khả năng yêu cầu cung ứng của thị trường, các vật tư tiêu hao và bao bì tương đối ổn định về giá khoảng thời gian 1-2 năm và sau đó có thể tăng khoảng 5%/năm. Mảng sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối lớn trên tổng cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Công ty, do đó những biến động giá cả đầu vào có sự ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của công ty nói chung. Nhận thức rõ rủi ro về biến động giá đầu vào đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo VIETMEC một mặt chủ động định hướng tăng lượng hàng tồn kho duy trì giá trị quanh khoảng 250 - 300 tỷ đồng, đồng thời triển khai những biện pháp thích hợp nhằm ổn định nguồn cung đầu vào như:

- Chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp mới trong và ngoài nước nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Công ty thường xuyên đánh giá, nhận định về năng lực cung cấp, chất lượng sản phẩm cũng như các yếu tố môi trường như địa lý, tập quán thương mại của các nhà cung cấp...
- Chủ động ký hợp đồng giữ giá các mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn với các nhà cung cấp nên hạn chế sự tác tăng giá đồng thời luôn đặt lên hàng đầu công tác tính toán yếu tố tăng giá, trượt giá trên thị trường đối với phần lớn với các đơn hàng bán đã và sẽ được ký kết để hạn chế phần nào sự bất lợi do ảnh hưởng của biến động giá đem lại.

6.3. Chi phí sản xuất, tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu

Bảng 11: Cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty và tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I năm 2022

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021		% tăng giảm năm 2021 so với 2020	Quý I/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng / DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng / DTT (%)		Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
I	Giá vốn hàng bán	752.663	89,31	926.331	88,31	23,1	172.367,1	83,44
II	Chi phí tài chính	29.070	3,45	32.702	3,12	12,5	9.354,0	4,53
III	Chi phí bán hàng	11.250	1,33	16.415	1,56	45,9	3.985,1	1,93
IV	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.063	2,97	22.711	2,17	-9,4	6.112,5	2,96
	Tổng chi phí	818.046	97,07	998.159	95,16	22,0	191.818,7	92,86

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý I năm 2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Trong giai đoạn 2020 – 2021, về cơ cấu chi phí, giống như hầu hết các công ty sản xuất dược phẩm khác, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất (dao động từ 83,4% đến 89%). Đứng thứ hai về chi phí là chi phí tài chính trong đó chủ yếu là chi phí lãi vay do tập trung vào đầu tư nhà máy và đổi mới thiết bị, tỷ trọng trên doanh thu thuần chiếm khoảng 3,1% - 4,5%. Tiếp theo là chi phí quản lý, khoản chi phí này chiếm khoảng 2,1% - 2,9% tổng doanh thu thuần. Chiếm tỷ trọng thấp nhất là chi phí bán hàng, chỉ chiếm khoảng 1,3% đến 2,9% trong tổng doanh thu thuần do công ty khoán chi phí bán hàng cho các trình dược viên.

Tổng chi phí hoạt động năm 2021 của Công ty là 998 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2020 do tổng doanh thu năm 2021 tăng mạnh so với năm 2020. Trong đó, chi phí bán hàng tăng mạnh 45,9% là do Công ty muốn đẩy mạnh công tác bán hàng thông qua các trình dược viên và giao khoán chi phí bán hàng cho các trình dược viên. Giá vốn hàng bán năm 2021 là 926,3 tỷ đồng, tăng 23,1% so với năm 2020. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên việc thu mua và nhập khẩu nguyên liệu/hàng hóa gặp nhiều khó khăn làm cho giá vốn hàng bán có xu hướng tăng.

Sang Quý 1 năm 2022, cơ cấu chi phí không thay đổi so với giai đoạn 2020 - 2021 trong đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (83,44%), đứng thứ hai là chi phí tài chính 4,53%, còn lại là chi phí quản lý doanh nghiệp (2,96%) và chi phí bán hàng (1,93%). Tổng chi phí là 191,8 tỷ, giảm nhẹ 5,7% so với cùng kỳ năm 2021 (203,3 tỷ), trong đó giá vốn hàng bán là 172,4 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021 (187,4 tỷ đồng) do một phần doanh thu quý I năm 2022 thấp hơn so với quý I năm 2021 và một phần là do công ty tiếp tục giảm được giá vốn hàng bán. Ngược lại, chi phí tài chính tăng 34,5% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 23,3% so với cùng kỳ năm 2021 nguyên nhân là do công ty đầu tư nhà máy và thiết bị để mở rộng việc sản xuất kinh doanh.

6.4. Trình độ công nghệ

Hiện tại, Công ty sở hữu một nhà máy sản xuất dược cấp chứng nhận GMP- WHO năm 2019 bao gồm (1) Khu sơ chế, chế biến dược liệu và (2) Khu sản xuất. Khu sản xuất lại được chia làm hai phân khu là (i) Khu chiết xuất cao và (ii) Khu sản xuất thuốc và các thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Công ty nhập khẩu toàn bộ máy móc thiết bị từ quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực YHCT là Trung Quốc, và sử dụng các quy trình sản xuất với công nghệ hiện đại thuộc thế hệ mới trong lĩnh vực công nghiệp dược, nổi bật nhất là công nghệ sấy phun sương của Nhật Bản. Trong khi các doanh nghiệp cùng ngành đang áp dụng công nghệ chiết cao như chiết siêu âm, chiết hồi lưu, chiết siêu tới hạn thì Công ty là một trong những đơn vị tiên phong đầu tư áp dụng công nghệ sấy phun sương này. Lý do Công ty đưa ra sự lựa chọn công nghệ sấy phun sương là học tập nền YHCT của Trung Quốc đã áp dụng cách đây hơn 10 năm trong khi ở Việt Nam thì hoàn toàn mới. Vậy nên việc nhập khẩu toàn bộ hệ thống máy móc, và chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc YHCT phục vụ nhu cầu cung cấp thuốc tại Việt Nam là thực sự cấp thiết trong thời điểm hiện đại hóa hiện nay. Công nghệ này đã hiện đại hóa y học cổ truyền giúp cho việc tập trung chiết những hoạt chất tác dụng và loại tạp chất, từ đó tăng hiệu lực điều trị, sự an toàn của sản phẩm, cũng như tạo sự thuận lợi khi sử dụng cho khách hàng.

Thiết bị sản xuất của Công ty được nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc đáp ứng về công suất, chất lượng và phục vụ nhu cầu nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc trị phù hợp với các tiêu chuẩn WHO GMP/GLP/GSP.

Hiện tại Dây chuyền sản xuất thuốc nước và nang mềm đã được cấp giấy chứng nhận GMP WHO, đã và đang đưa một số sản phẩm ra thị trường như Vitamin 3B, Hermotonic, Vietmec CoQ10, Hagin, Bỏ phế DLVN đồng thời Công ty vẫn đang tiếp tục triển khai đầu tư và làm hồ sơ đề nghị Bộ y tế thẩm định cấp giấy chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn “thực hành tốt sản xuất thuốc” cho các dây chuyền sản xuất tại khu tòa nhà 05 tầng tại Trụ sở chính của Công ty, với thời gian đưa vào hoạt động dự kiến từ đầu năm 2022 đến 2023:

- Dây chuyền sản xuất cốm vị thuốc YHCT;
- Dây chuyền sản xuất viên đặt;
- Dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư;
- Dây chuyền sản xuất dây chuyền dịch tiêm tĩnh mạch.

Công ty là một trong số ít các đơn vị có định hướng đầu tư các thiết bị tiên tiến cũng như ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới mà một số nước đã sử dụng (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan...) để tạo ra các loại sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu phục vụ cho hệ thống dược YHCT trên cả nước thay thế cho việc sử dụng vị thuốc YHCT theo kiểu sắc thuốc truyền thống hàng ngàn năm qua.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Tính đến nay, Công ty đã nghiên cứu thành công 623 các sản phẩm là cao khô, cốm vị thuốc, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vị thuốc, sữa. Tại Sở Y tế Phú Thọ. Công ty đã tự công bố và công bố cho 307 sản phẩm. Tại Cục ATTP; Cục YDCT; Cục Quản lý dược, Công ty đã đăng ký 446 sản phẩm và hiện đã được phê duyệt 135 sản phẩm, các sản phẩm còn lại đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký.

Trong năm 2021, Công ty nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm thuốc nước, thuốc nang mềm. Công ty đặt mục tiêu hoàn thiện nghiên cứu, đăng ký và được cơ quan quản lý cấp số cho các 06 sản phẩm mới. Trong đó, dự kiến thuốc nang mềm là 03 sản phẩm và thuốc nước là 03 sản phẩm. Đồng thời, Công ty cũng ưu tiên nguồn lực cho bộ phận nghiên cứu và phát triển để có thể hoàn thiện và được cấp số đăng ký cho 05 sản phẩm thuốc điều trị ung thư.

Ngoài ra, xác định Công ty có thế mạnh trong lĩnh vực sản xuất cốm vị thuốc, Công ty tập trung nguồn lực bao gồm con người, thiết bị, tài chính cho công tác nghiên cứu, hoàn thiện các loại cốm vị thuốc. Công ty đặt ra mục tiêu hết năm 2022, Công ty sẽ đăng ký được 150 bộ cốm vị thuốc thay thế cho vị thuốc y học cổ truyền.

Bảng 12: Danh mục sản phẩm Công ty thực hiện đăng ký/công bố

TT	Loại sản phẩm	Công bố tại SYT Phú Thọ			Đăng ký tại các cục				Phê duyệt
		Tự công bố	Công bố	Cộng	Đăng ký				
					Cục ATTP	Cục YDCT	Cục QL dược	Cộng	
1	Vị thuốc YHCT			-		205		205	69
2	Cao khô	152		152			15	15	-
3	Cốm vị thuốc YHCT	150		150		115		115	-
4	Thực phẩm BVS			-	73			73	65
5	Thuốc dược liệu (đông dược)			-			19	19	-
6	Thuốc cổ truyền			-		19		19	1
7	Sữa		5	5				-	-
	Cộng	302	5	307	73	339	34	446	135

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

a. Chính sách kiểm tra chất lượng

Công ty luôn xác định công tác đảm bảo chất lượng thuốc là nhiệm vụ then chốt, hàng đầu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng, an toàn, hiệu quả cho người sử dụng. Do vậy, chính sách chất lượng được truyền đạt, thực thi trong toàn Công ty và luôn được xem xét hoàn thiện để đảm bảo tính thích hợp khi vận hành. Công ty đã bố trí đầy đủ cán bộ chuyên môn đáp ứng công việc kiểm tra chất lượng, đồng thời, xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, giám sát tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất, kinh doanh, phân phối đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

❖ Hệ thống tiêu chuẩn của công ty đang áp dụng:

- Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam IV, V;
- Tiêu chuẩn Dược điển Anh, Pháp, Trung Quốc;
- Tiêu chuẩn cơ sở được xây dựng dựa trên các quy định của nhà nước, các bộ, ngành liên quan đến chất lượng thuốc.

❖ Hệ thống quản lý chất lượng của công ty đang áp dụng:

- Quy trình thao tác chuẩn SOP;
- Quy trình đánh giá chất lượng sản phẩm;
- Quy trình xuất xưởng sản phẩm;
- Quy trình quản lý nhà cung cấp và hợp đồng;
- Quy trình quản lý nguy cơ về chất lượng;
- Quy trình bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GSP);
- Quy trình kiểm nghiệm thuốc (GLP);
- Quy trình quản lý phòng thí nghiệm ISO 17025: 2005, ISO 17025: 2017;
- Tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP);
- Tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc (GDP);
- Tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).
- Tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực trang thiết bị y tế ISO 13485:2016.

❖ **Quản lý về chất lượng sản phẩm sản xuất tại nhà máy của Công ty:**

Chất lượng sản phẩm do Phòng đảm bảo chất lượng và Phòng kiểm nghiệm (Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn GLP-WHO) phối hợp chịu trách nhiệm trong phạm vi chuyên môn của mỗi phòng về chất lượng trước, trong và sau quá trình sản xuất. Để đánh giá chất lượng sản phẩm, các phòng này sử dụng các phương pháp như hóa lý (sắc ký lớp mỏng, HPLC, UV-VIT...) và vi sinh (tổng số vi khuẩn hiếu khí, nấm, các vi sinh vật gây bệnh...) và áp dụng theo phương pháp thử phù hợp với từng yêu cầu chỉ tiêu của từng mẫu nguyên liệu, dược liệu, bán thành phẩm, thành phẩm.

- Tất cả nguyên liệu, vật liệu đóng gói nhập về đều được kiểm tra đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được phép đưa vào sản xuất;
- Thành phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được phép xuất xưởng với đầy đủ hồ sơ lô, hồ sơ nghiên cứu theo dõi độ ổn định và lưu mẫu theo quy định.

b. Hệ thống bảo quản, phân phối thuốc

Hệ thống bảo quản và mạng lưới phân phối của Công ty hoạt động tuân thủ theo pháp luật của nhà nước và theo đúng quy định về điều kiện kinh doanh của ngành dược, được cấp đầy đủ các giấy chứng nhận như:

- Giấy chứng nhận GPP “Thực hành tốt quản lý nhà thuốc” được Sở Y tế cấp cho các nhà thuốc bán lẻ trực thuộc Công ty.
- Giấy chứng nhận GDP “Thực hành tốt phân phối thuốc” được Sở Y tế Phú Thọ cấp cho kho bảo quản thuốc bán buôn tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.
- Giấy chứng nhận GDP “Thực hành tốt phân phối thuốc” được Sở Y tế Hà Nội cấp cho kho bảo quản thuốc bán buôn tại chi nhánh Hà Nội, bao gồm 2 địa điểm kinh doanh là số 139

Hồng Tiên, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội và Quầy 402 Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tường, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Giấy chứng nhận GSP “Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc” được Cục quản lý Dược - Bộ Y tế cấp cho hệ thống kho bảo quản thuốc, áp dụng cho các nhà sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán, tồn trữ thuốc tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.
- Kèm theo các giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do Bộ Y tế, Sở Y tế Phú Thọ, Sở Y tế Hà Nội cấp cho Cơ sở bán lẻ thuốc (các nhà thuốc); Cơ sở bán buôn thuốc (Phú Thọ và chi nhánh Hà Nội); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc (Phú Thọ).

6.7. Hoạt động Marketing

6.7.1. Quảng bá thương hiệu

Với phương châm ‘Vì sức khỏe người tiêu dùng’, định hướng của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam là trở thành thương hiệu tin cậy của công chúng, đồng thời gìn giữ và bảo tồn giá trị y học cổ truyền, kết hợp tinh hoa cổ truyền trên nền khoa học - công nghệ hiện đại vì sức khỏe con người. Công ty cam kết mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất, luôn nỗ lực hoàn thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ, để tạo nên sự hài lòng cũng như hình ảnh tin tưởng và thân thuộc đối với khách hàng. Xác định rõ mục tiêu đó, trong suốt những năm qua, Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam đã và đang triển khai nhiều kênh hoạt động trong chiến lược quảng bá và xây dựng thương hiệu của Công ty:

- Tiếp cận khách hàng để tìm hiểu nhu cầu, giới thiệu sản phẩm cũng như thu thập thông tin thị trường;
- Quảng cáo sản phẩm và thương hiệu Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội...;
- Tổ chức các sự kiện, tham gia nhiều hội chợ/năm, thực hiện nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm để quảng bá thương hiệu và sản phẩm tại nhiều huyện, tỉnh bệnh viện...;
- Tài trợ cho các hội nghị, hội thảo chuyên ngành;
- Thực hiện nhiều chương trình xúc tiến thương mại cho các nhà thuốc, các khách hàng lớn và thân thiết của Công ty;
- Thực hiện các chương trình khuyến mãi phục vụ cho người tiêu dùng tại các thời điểm thích hợp.

Ngoài ra, Công ty còn tham gia nhiều hoạt động từ thiện hàng năm, ủng hộ chương trình trái tim cho em, ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do mưa lũ. Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam từng vinh dự nhận giải thưởng “Doanh nghiệp tiêu biểu có nhiều đóng góp cho cộng đồng xã hội” – giải thưởng cho các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”... trao tặng.

6.7.2. Chiến lược phát triển các kênh phân phối

- **Hệ thống kinh doanh thầu:** Đối tượng khách hàng là các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn quốc. Năm 2021, mạng lưới khách hàng của Công ty bao phủ 35/63 tỉnh thành, tiêu thụ đa dạng các mặt hàng: dược liệu, vị thuốc y học cổ truyền, đông dược, tân dược, vật tư y tế... Trong các năm tới, Công ty sẽ mở rộng thêm hệ thống khách hàng để đạt mục tiêu bao phủ 50/63 tỉnh.
- **Hệ thống kinh doanh thương mại:** Trong 3 năm tới, công ty tập trung phát triển mục tiêu mở rộng thêm 10 đại lý phân phối cao, cấp, TP BVSK. Chia theo khu vực, đại lý phân phối Kênh thương mại được phân bổ tương ứng: 05 đại lý tại miền Bắc, 03 đại lý tại miền Trung và 02 đại lý tại miền Nam. Với mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động Kênh thương mại, công ty tiếp tục triển khai chiến lược đẩy mạnh bán các mặt hàng cao dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe do nhà máy sản xuất thông qua việc hỗ trợ thanh toán trả chậm cho các đại lý trong Kênh thương mại, đặc biệt với nhóm đại lý mới.
- **Hệ thống kinh doanh nhà thuốc:** Hiện nay Công ty đã có 24 nhà thuốc phân phối đạt tiêu chuẩn GDP, GPP do Cục quản lý Dược Việt Nam chứng nhận. Sắp tới, Công ty dự kiến mở rộng thêm 16 nhà thuốc và cố gắng đưa vào hoạt động trong năm 2022, gồm: 01 nhà thuốc ở tỉnh Hà Nam (đặt tại TTYT Bình Lục); 04 nhà thuốc ở tỉnh Lào Cai (đặt tại BVĐK Mường Khương, BV YHCT & PHCN Lào Cai, BVĐK Bảo Yên, BVĐK Bắc Hà), 11 nhà thuốc ở tỉnh Thanh Hóa (đặt tại BVĐK TP Thanh Hóa, các TTYT: Thường Xuân, Thạch Thành, Quảng Xương, Nga Sơn, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Hà Trung, Đông Sơn, Cẩm Thủy, Nghi Sơn).

Công ty giao quyền tự chủ cho các Hệ thống phân phối để duy trì và mở rộng đối tượng khách hàng mục tiêu khai thác để tối đa hóa doanh thu đem lại lợi nhuận cho toàn hệ thống.

6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

6.8.1. Logo của Công ty



Vì sức khỏe người tiêu dùng

- Ý nghĩa:

Logo Công ty sử dụng hình ảnh chiếc lá màu xanh biểu tượng cho dược liệu – giá trị cốt lõi của Công ty, thể hiện mục tiêu ‘Đem nguồn dược liệu sạch đến tay người tiêu dùng’, nhằm phát huy những tinh hoa của cây thuốc Việt, nâng cao sức khỏe của con người.

Biểu tượng chiếc lá được in nổi bật trên hình tròn màu xanh dương, bên dưới là thương hiệu “VIETMEC” – tên viết tắt của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam, tượng trưng cho sự trung

thực, niềm tin và phát triển không ngừng – thể hiện quyết tâm trở thành Công ty chuyên sản xuất các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ nguồn nguyên liệu quý trong nước; xây dựng thành công thương hiệu VIETMEC nổi tiếng và tin cậy; đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

- **Slogan: Vì sức khỏe người tiêu dùng**

Công ty đã đăng ký tên thương hiệu VIETMEC và đã được quyết định chấp nhận đơn hợp lệ, các số đăng ký chi tiết như sau:

TT	Tên thương hiệu	Số đăng ký	Tình trạng
1	VIETMEC	4-2019-02071	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
2	VIETMEC GROUP	4-2021-02070	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
3	DLVN GROUP	4-2019-06617	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
4	DLVN	4-2019-02619	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
5	Logo VIETMEC	4-2019-02071	Đã cấp giấy chứng nhận theo Quyết định số 44157/QĐ-SHTT ngày 23/07/2015

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

6.8.2. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Bảng 13: Các sản phẩm thuốc, TPCN do Công ty nghiên cứu và phát triển đã đăng ký

TT	Nhãn hiệu	Loại sản phẩm	Thành phần	Tác dụng	Số đơn	Tình trạng
1	CẢM A PHỦ	TPCN	Cao khô, Xuyên khung, Bạch chỉ	Chữa cảm, cúm	4-2020-09816	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
2	NIANDILE	Thuốc	Nicorandil	Điều trị cơn đau thắt ngực. Giúp làm giảm nguy cơ phát triển bệnh tim.	4-2020-30021	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
3	PREDISO	Thuốc	Prednisolon	Thuốc prednisolone thường được sử dụng để điều trị các tình trạng như: Dị ứng, viêm khớp v.v...	4-2020-30020	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ

TT	Nhãn hiệu	Loại sản phẩm	Thành phần	Tác dụng	Số đơn	Tình trạng
4	DAPLOZINE	Thuốc	Dapagliflozin	Thuốc dapagliflozin hỗ trợ kiểm soát lượng đường cao trong máu ở những người bị bệnh tiểu đường tuýp 2.	4-2020-30019	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
5	LOSTATINE	Thuốc	Lovastatin	Lovastatin giúp giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch và giúp ngăn ngừa chứng đột quỵ và các cơn đau tim.	4-2020-30018	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
6	MEFOLINA	Thuốc	Metformin HCl + Linagliptin	Cải thiện kiểm soát đường huyết ở những bệnh nhân trưởng thành đái tháo đường typ 2	4-2020-19130	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
7	VIMLOTEL	Thuốc	Telmisartan + Amlodipine	Sử dụng để điều trị tăng huyết áp, giúp ngăn ngừa đột quỵ, nhồi máu cơ tim, và các bệnh lý về thận.	4-2020-19129	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
8	NITIMEC	Thuốc	Imatinib	Imatinib Sử dụng để điều trị một số loại ung thư (như bệnh bạch cầu nguyên bào lymphô cấp, bệnh bạch cầu tủy mạn, khối u mô đệm dạ dày ruột và bệnh loạn sản tủy/tăng sinh tủy xương).	4-2021-11953	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
9	THALIMEC	Thuốc	Thalidomid	Thalidomide được sử dụng để điều trị hoặc ngăn ngừa một số chứng bệnh ở da có liên quan đến bệnh Hansen hay còn gọi là bệnh phong cùi.	4-2021-11952	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ

TT	Nhãn hiệu	Loại sản phẩm	Thành phần	Tác dụng	Số đơn	Tình trạng
10	OSIMEC	Thuốc	Osimertinib	Osimertinib được sử dụng để điều trị ung thư phổi.	4-2021-04135	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
11	RAFEMEC	Thuốc	Sorafenib	Sorafenib được sử dụng để điều trị ung thư thận, gan và tuyến giáp.	4-2021-04134	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
12	ERTIMEC	Thuốc	Erlotinib	Erlotinib được dùng để điều trị ung thư phổi.	4-2021-11951	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
13	GOVAMEC	Thuốc	Regorafenib	Regorafenib để điều trị ung thư ruột kết và trực tràng	4-2021-04133	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
14	FISAMEC	Thuốc	Gefitinib	Gefitinib được dùng để điều trị ung thư phổi.	4-2021-04151	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
15	DOMIDMEC	Thuốc	Lenalidomid	Lenalidomide được dùng để điều trị bệnh thiếu máu ở bệnh nhân rối loạn tủy máu/xương (hội chứng myelodysplastic-MDS); Ung thư	4-2021-04150	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ
16	HETINMEC	Thuốc	Trastuzumab	Trastuzumab có thể được sử dụng để điều trị bệnh ung thư vú; hỗ trợ điều trị ung thư dạ dày	4-2021-04137	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ

TT	Nhãn hiệu	Loại sản phẩm	Thành phần	Tác dụng	Số đơn	Tình trạng
17	LATEMEC	Thuốc	Mycophenolate	Mycophenolate có tác dụng giữ cho cơ thể khỏi sự tấn công và từ chối cơ quan mới được cấy ghép vào cơ thể (chẳng hạn như thận, gan, tim) giúp cơ thể hòa hợp với cơ quan mới.	4-2021-04136	Đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn của Công ty cổ phần Dược liệu Việt nam đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

6.9.1. Hợp đồng đầu vào (nguyên, dược liệu):

Bảng 14: Một số hợp đồng đầu vào (dược liệu, tân dược, VTYT) lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Số hợp đồng/Hóa đơn	Tên đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Nhóm hàng hóa	Giá trị HĐ	Giá trị đã thực hiện	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
1	VNM- JH 2020/01	Zhongshan Jianhe Traditional Chinese Medicine Co., ltd	Đương quy, Viễn chí, Sinh địa, Ngũ tât, Độc hoạt, Khương hoạt...	Dược Liệu	173.000 USD	173.000 USD	14/2/ 2020	14/02/2020- 07/04/2020	Không
2	BC20002 Y	Anhui Bencao National Medicine Herb Pieces Co., ltd	Đảng sâm, Kim ngân hoa, Tàn giao, Hồng hoa, Địa long ...	Dược Liệu	232.075,65 USD	224.227,8 USD	15/2/ 2020	15/02/2020- 23/03/2020	Không
3	XHC- 003Y	ANHUI XIEHECHENG CHINESE HERB LIMITED CORPORATION	Hoàng bá, Hoàng kỳ, Huyền sâm...	Dược Liệu	608.712,5 USD	608.712,5 USD	16/4/ 2021	16/04/2021- 11/06/2021	Không

A. Một số hợp đồng đầu vào lớn đã thực hiện

4	78/2020/ DLVN- DBC	Công ty Cổ phần tập đoàn dược Bảo Châu	Bạch linh, Tân di, Tiền hồ,...	Dược liệu	Hợp đồng nguyên tắc	38.002.951.731 VND	02/11 /2020	02/11/2020- 31/12/2021	Không
5	25- 10/2019/ HĐNT/ DLVN- TX	Công ty CP Dược liệu Trường Xuân	Cúc hoa vàng, Bột nghệ, Tắc kè, Củ gai, Độc hoạt...	Dược liệu	16.479.456.667 VND	16.479.456.667 VND	25/10/ 2019	25/10/2019- 23/04/2020	Không
6	12012020 /BTB- DLVN	Công ty CP Dược liệu Bắc Trung Bộ	Câu kỷ tử, Cốt toái bổ, Củ gai...	Dược Liệu	15.771.004.620 VND	15.771.004.620 VND	12/1/ 2020	12/01/2020- 29/02/2020	Không
7	CAN.210 415.ACB	Hebei Huarong Pharmaceutical Co., ltd	ACARBOSE	Tân dược	118.302 USD	118.302 USD	15/4/ 2021	15/04/2021- 28/05/2021	Không
8	18/2019/ HĐKT/ DLVN- PD	Công ty TNHH thiết bị y tế Phương Đông	Bộ quả lọc máu Prismaflex M100; Primasol B0	VTY T	Hợp đồng nguyên tắc	4.882.620.001 VND	14/10/ 2019	14/10/2019- 14/10/2020	Không
9	03/HĐKT CL21	Công ty CP dược phẩm Cửu Long	Terpin	Tân dược	21.000.000.000 VND	21.000.000.000 VND	01/03/ 2021	01/03/2021- 30/06/2021	Không

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

A. Một số hợp đồng đầu vào lớn đã thực hiện

10	02/2020/ DLVN- HM	Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Minh	Pizulen, Combilipid, Smofkabiven Peripheral ...	Tân dược	Hợp đồng nguyên tắc	10.104.370.804 VND	2/1/20 20	02/01/2020- 31/12/2020	Không
----	-------------------------	---------------------------------------	--	-------------	------------------------	-----------------------	--------------	---------------------------	-------

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

B. Một số hợp đồng đầu vào lớn đang thực hiện

TT	Số hợp đồng/Hóa đơn	Tên đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Nhóm hàng hóa	Giá trị HĐ (đồng)	Giá trị đã thực hiện (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đồng lớn
1	1810/HĐK T-DLVN	Hợp tác xã Sông Hong	Bạch linh, Bạch cao căn, Bạch thược,...	Dược liệu	Hợp đồng nguyên tắc	24.805.864.397	18/10/ 2020	18/10/2020 - 31/12/2022	Không
2	0102/NNL -DLVN	Công Ty cổ phần dược phẩm NANOLAB	Bá tử nhân, Bạch linh, Dâm dương hoắc,...	Dược liệu	Hợp đồng nguyên tắc	36.656.140.500	01/02/ 2021	01/02/2021 - 31/12/2022	Không
3	0211/2020/ HĐKT- DLVN	Công ty CP Dược phẩm Vipharco	Nimovac, Meropenem, Nimedime ...	Tân dược	Hợp đồng nguyên tắc	15.562.529.994	02/11 /2020	02/11/2020 - 31/12/2022	Không
4	01/HDMB- SKC- DLVN	Công ty Cổ phần dược phẩm SKC	Arthroloc, Livetin, Arutrapharmameso ne...	Tân dược	Hợp đồng nguyên tắc	8.458.637.751	02/01 /2022	02/01/2022 - 31/12/2022	Không
5	0601/2022/ HĐNT/DL VN	Công ty CP XNK thương mại Tân Bình	MG tan, Assimicin, Meropenem...	Tân dược	Hợp đồng nguyên tắc	11.794.282.500	06/01 /2022	06/01/2022 - 31/12/2022	Không

B. Một số hợp đồng đầu vào lớn đang thực hiện							
6	0401/2021/ H ĐKT- HM	Công ty TNHH Dược phẩm Hải Minh	Pizulen, Combilipid, Smofkabiven Peripheral ...	Tân được	Hợp đồng nguyên tắc 19.563.940.997	04/01 /2021 - 31/12/2022	Không
7	011/2020/ HĐKT- DLVN	Công ty TNHH TBYT Hoàng Anh	Rapid Anti- test, Anti- B ... HIV	VTVT	Hợp đồng nguyên tắc 16.613.330.362	01/10 /2020 - 01/10/2022	Không
8	0401/2021/ HĐKT- DLVN	Công ty cổ phần đầu tư Phan Anh	Chi Vicryl, Chi Daflon...	VTVT	Hợp đồng nguyên tắc 8,672,546,870	04/1/ 2021 - 31/12/2022	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

10.5.1. Hợp đồng đầu ra

Hàng hóa, thành phẩm kinh doanh của Công ty rất đa dạng, được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường dược phẩm trong nước với gần 700 khách hàng. Như đã nêu trên, hệ thống kinh doanh của Công ty được triển khai trên 03 khối (Khối thầu, Khối Nhà thuốc và Khối thương mại), trong đó: (i) doanh thu Khối nhà thuốc đa phần là từ việc bán lẻ, bán trực tiếp cho bệnh nhân tại 24 nhà thuốc hiện có trong bệnh viện nên Khối nhà thuốc sẽ không ký kết hợp đồng với nhóm khách hàng lẻ này. Ngoài ra, Khối nhà thuốc cũng chủ động tìm kiếm khách hàng ngoài hệ thống 24 nhà thuốc đang quản lý nhưng doanh số đến từ nhóm khách hàng này còn ít so với tổng doanh thu Khối nhà thuốc. Doanh thu Khối thương mại chủ yếu đến từ nhóm khách hàng vắng lại. Khách hàng vắng lại là các đơn vị thương mại, nhà thuốc, phòng khám v.v... có nhu cầu về một số loại vật tư, dược liệu nhất định, khách hàng sẽ ký hợp đồng với Công ty để mua dược liệu, hàng hóa với đặc điểm hợp đồng có giá trị nhỏ, thời hạn hợp đồng ngắn, thường ký kết 1 lần, ít lặp lại. (iii) Đối với Khối thầu, Công ty tham gia đấu thầu các gói thầu do các đơn vị mời thầu (như Sở y tế các tỉnh/thành phố). Sau khi trúng thầu, Công ty sẽ ký các hợp đồng nhỏ và trực tiếp với các bệnh viện, trung tâm y tế trực thuộc Sở y tế tỉnh/thành phố quản lý với các điều kiện đã trúng thầu, vì vậy giá trị các hợp đồng cũng không cao nhưng số lượng hợp đồng của Công ty hàng năm tương đối lớn và lặp lại nhiều lần.

Bảng 15: Một số hợp đồng lớn đầu ra đã và đang được thực hiện

A. Một số hợp đồng đầu ra lớn đã thực hiện								
TT	Số hợp	Tên đối tác	Sản phẩm/	Nhóm	Giá trị đã thực hiện	Ngày ký	Thời gian	Mối quan

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

đồng/Hóa đơn	Dịch vụ	hàng hóa	(đồng)	(đồng)	hợp đồng	thực hiện	hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
1 15-2020/HĐMB/DLVN/CNSTD	Cầu kỹ tử, thực địa, cam thảo, xuyên khung ...	Dược liệu	7.917.781.500	7.917.781.500	02/01/2020	02/01/2020-01/01/2021	Không
2 348/2020/HĐ-DLVN	Độc hoạt, viên chí, xích thược ...	Dược liệu	9.509.508.750	6.660.167.640	13/10/2020	Từ T10/2020 đến T10/2021	Không
3 04/YHCTTW-890-2020	Son tra, nhân sâm, huyết giác, nhân nhân	Dược liệu	13.992.115.200	10.098.365.850	17/11/2020	Từ 2020 đến 2021	Không
4 05/2020/DLVN/HASAN	Gabapenti, Telmisartan	Tân dược	5.988.988.925	5.988.988.925	09/10/2020	Tự thanh lý	Không
5 01/2020/CTY150-DLVN	Cefixime Trihydrat	Tân dược	11.731.524.000	11.731.524.000	08/09/2020	Không có thời hạn	Không
6 81/2020/HĐNT/ĐKTPT-DLVN	Dây truyền dịch, gắng	VT YT	19.498.576.020	17.837.046.190	17/01/2020	17/01/2020-	Không

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

		Thọ	tay, Catheter, test ...					16/01/2021	
7	110/HĐMB/DLVN_ECP	Công ty Cổ phần Ecopha	Cao que khô, cao lá sen, cao chỉ xác ...	Cao	10.111.232.653	10.111.232.653	10/08/2020	10/08/2020-09/04/2021	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

B. Một số hợp đồng đầu ra lớn đang thực hiện									
TT	Số hợp đồng/Hóa đơn	Tên đối tác	Sản phẩm/Dịch vụ	Nhóm hàng hóa	Giá trị HĐ (đồng)	Giá trị đã thực hiện (đồng)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
1	176/2021/HĐ-DLVN	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	Hà thủ ô, hoặc hương, hoàng liên, liên kiều; huyền sâm ...	Dược liệu	6.586.590.150	3.679.153.065	19/03/2021	19/03/2021-31/12/2022	Không
2	516/2021/HĐ-DLVN	Bệnh viện Y học cổ Quảng Nam	Độc hoạt, bạch quả, hà thủ ô, đẳng sâm ...	Dược liệu	6.035.762.775	-	24/12/2021	24/12/2021-31/12/2022	Không
3	96.97.DL-2021/HĐ-DLVN 210/2021/HĐ-DLVN	Bệnh viện YHCT Thành phố Hồ Chí Minh	Ké đầu ngựa, Hà thủ ô, Nhục thung dung, cát cánh...	Dược liệu	10.024.985.050	7.233.985.205	25/02/2021	25/02/2021 - 28/04/2022	Không
4	98/2021/H	Bệnh viện	Multihance;	Tân dược	4.953.000.000		24/03/2021	24/03/2021	Không

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CÓ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

B. Một số hợp đồng đầu ra lớn đang thực hiện						
Đ-DLVN	đơn vị kinh doanh	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Giá trị	Thời gian	Trạng thái
5	Đ-DLVN	đơn vị kinh doanh Phú Thọ	Iopamiro; Rebamipide Invagen sachet...	3.656.899.470	24/03/2022	
198/QĐ-BVYHCT TW	Bệnh viện YHCT Trung ương	Bông y tế; Gạc phẫu thuật; Tiệt trùng; Gel sát khuẩn...	VTVT	4.801.493.500	19/03/2021-19/03/2022	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm 2020 và 2021 và Quý I/2022

Bảng 16: Một số chỉ tiêu về HĐKD giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/ giảm năm 2021 so với năm 2020	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	820.855	1.032.943	25,8%	1.113.616
Vốn chủ sở hữu	211.558	440.622	108,3%	453.634
Doanh thu thuần	842.716	1.048.920	24,5%	206.574
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.099	52.226	100,1%	14.759
Lợi nhuận khác	(1.760)	2.221	-	28
Lợi nhuận trước thuế	24.338	54.447	123,7%	14.788
Lợi nhuận sau thuế	21.524	50.141	133,0%	13.012
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,82%	15,38%	-	2,91%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Các chỉ tiêu tài chính năm 2021 đều có sự tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm 2020. Tổng giá trị tài sản cuối năm 2021 đạt 1.033 tỷ đồng, tăng 25,8% so với năm 2020. Tổng tài sản năm 2021 tăng mạnh do Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ trong năm từ 120 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng. Chính vì vậy mà Vốn chủ sở hữu cuối năm 2021 đạt 440,6 tỷ đồng, tăng 108,3% so với năm 2020 do phần lớn là vốn điều lệ tăng thêm 150 tỷ và thêm một phần thặng dư từ đợt phát hành. Như vậy có thể thấy trong năm 2021 Công ty đã tập trung khá nhiều cho việc huy động vốn tự có cũng như tăng cường quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu thuần cũng tăng mạnh từ 842 tỷ năm 2020 lên 1049 tỷ năm 2021, tăng 24,5% do Công ty tự chủ được gần như toàn bộ công đoạn sơ chế và chế biến dược liệu đầu vào, do vậy thành phẩm do nhà máy sản xuất tăng mạnh. Cộng thêm việc dịch covid bùng phát dẫn đến các mặt hàng do Công ty sản xuất như thực phẩm BVSK cũng như các mặt hàng thương mại như test xét nghiệm, thuốc hỗ trợ gan, thuốc giảm ho cũng được khách hàng quan

tâm và tiêu thụ tốt hơn. Nhờ vậy lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 50,1 tỷ đồng, tăng 133% so với năm 2020, tăng cao hơn so với mức tăng của doanh thu.

Sang quý 1 năm 2022, tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ thêm 7,8% so với cùng kỳ năm 2021 và đạt 1.113,5 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ thêm 2,95% do có thêm lợi nhuận để lại 13 tỷ đồng. Mặc dù doanh thu thuần là 206,6 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021 3% (212 tỷ đồng). Tuy nhiên, nhờ kiểm soát tốt chi phí nên lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 13 tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2021 (10,98 tỷ đồng).

Kết quả này cho thấy, mặc dù công ty vẫn đang trong quá trình đầu tư để mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh nhưng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp vẫn được duy trì tốt.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1. Những nhân tố thuận lợi:

- Công ty đã chủ động được một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất bằng việc phát triển các vùng trồng nguyên liệu;
- Nhà máy sản xuất đã được đưa vào vận hành ổn định;
- Các dự án đã và đang được triển khai đồng bộ, sớm sẽ đưa vào vận hành ổn định tạo doanh thu đều hàng năm cho Công ty;
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực y dược cổ truyền, được sự ủng hộ, hỗ trợ của nhiều cấp ngành trong hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm;
- Thương hiệu VIETMEC đã và đang được thị trường đón nhận với nhiều sản phẩm mới, nhiều nghiên cứu mới có tính chất đóng góp cho sự phát triển của ngành dược liệu.

7.2.2. Những nhân tố khó khăn:

- Đại dịch Covid-19 đã tác động trực tiếp, gián tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khiến cho các hoạt động sản xuất bị đình trệ, gián đoạn, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Các hoạt động vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu khó khăn và tốn kém nhiều chi phí.
- Nhà máy đã hoạt động ổn định nhưng Công ty vẫn chưa phát triển được hệ thống đại lý đồng bộ để phân phối các sản phẩm cao và TPBVSK do Công ty sản xuất (*hiện tại mới chỉ xây dựng được đầu mối phân phối các sản phẩm do Công ty sản xuất tại Lào Cai và Đà Nẵng*).
- Với đặc điểm hệ thống kinh doanh quản lý TDV hoạt động khắp các tỉnh thành, không tập trung một chỗ nên công tác triển khai thực hiện và báo cáo công việc định kỳ còn khó khăn.
- Các nhà thuốc nằm tại các bệnh viện, trung tâm y tế khác nhau trong khi đội ngũ nhân sự quản còn mỏng nên kiểm soát chưa chặt chẽ.

7.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Nguồn dược liệu thô của Công ty là các sản phẩm dược liệu khi thu hái có tính thời vụ nhất định, do đặc trưng dược liệu là loại cây trồng nên với mỗi loại dược liệu khác nhau, thời điểm thu hái là khác nhau theo từng vùng, từng mùa trong năm. Tuy nhiên, tính thời vụ đối với các sản phẩm dược liệu này được Công ty chủ động xử lý thông qua việc chủ động cân đối lượng hàng tồn kho, đa dạng hóa vùng trồng nguyên liệu, đa dạng hóa đối tác cung cấp dược liệu phù hợp với nhu cầu kinh doanh nên tính chất thu hái theo mùa vụ của cây dược liệu không ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty.

Về sản phẩm đầu ra, do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp các nguyên liệu, thuốc thành phẩm, thực phẩm chức năng... cho khách hàng, nên hoạt động kinh doanh không phụ thuộc vào mùa vụ, hơn nữa nhu cầu khách hàng phát sinh thường xuyên, liên tục nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục trong năm.

Qua đó, có thể thấy được hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ do vậy sau thời điểm kết thúc năm tài chính 2021 đến thời điểm hiện tại, Công ty không có biến động lớn có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

▪ *Nghiên cứu phát triển:*

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam có đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, có uy tín trên thị trường dược liệu, Công ty tập trung đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm trong lĩnh vực YHCT với 623 loại trong đó có 152 sản phẩm cao khô, 150 sản phẩm cốm vị thuốc YHCT, 205 sản phẩm vị thuốc YHCT, 73 sản phẩm TPBVSK, 5 sản phẩm sữa, 19 sản phẩm thuốc cổ truyền và 19 sản phẩm thuốc đông dược.

Đặc biệt, trong năm 2021 sau 03 năm thực hiện, Công ty đã được Cục quản lý y dược cổ truyền - Bộ Y Tế phê duyệt đề tài thử nghiệm 25 vị thuốc y học cổ truyền dạng cốm để sử dụng trực tiếp cho bệnh nhân mà không phải qua công đoạn sắc thuốc như truyền thống. Đây chính là dấu mốc quan trọng mà tính đến hiện tại chỉ duy nhất Công ty triển khai thành công, đánh dấu sự phát triển đột phá trong lĩnh vực nghiên cứu của Công ty so với nhiều đơn vị cùng ngành.

▪ *Vùng trồng nguyên liệu sạch*

Với tôn chỉ và mục tiêu “Đem nguồn dược liệu sạch đến tay người tiêu dùng”, Công ty luôn tập trung phát triển các cây dược liệu đạt chuẩn để mang lại sự chủ động trong nguồn dược liệu sạch, chất lượng cao. Hiện tại, Công ty là một trong số 19 doanh nghiệp đạt chứng nhận GACP-WHO do Cục quản lý dược Bộ y tế cấp với 16 cây dược liệu, đây cũng chính là các mặt hàng được xếp vào nhóm 1 có vị thế cạnh tranh hơn hẳn các sản phẩm nhóm 2, nhóm 3 của các đơn vị cùng ngành.

▪ *Là một trong những công ty có kinh nghiệm lâu năm trong mảng đấu thầu dược liệu, vị thuốc YHCT toàn quốc*

Với hơn 11 năm hoạt động, trong đó có hơn 7 năm tham gia công tác đấu thầu tại các Sở y tế và các bệnh viện lớn ở lĩnh vực YHCT, Công ty luôn thuộc nhóm doanh nghiệp Top 10 về kết quả trúng thầu. Bên cạnh đó Công ty còn được Cục Y dược cổ truyền - Bộ y tế cấp đăng lý lưu hành cho 69 sản phẩm vị thuốc YHCT. Điều này cũng góp phần khẳng định giá trị các sản phẩm Công ty đang được

sản xuất theo quy trình chuẩn; giúp Công ty chứng minh được uy tín, năng lực trong công tác đấu thầu những năm tới.

▪ **Mạng lưới khách hàng**

Ngoài trụ sở chính của Công ty đặt tại Phú Thọ, Công ty đã mở chi nhánh tại Hà Nội và đang làm thủ tục xin giấy phép mở chi nhánh tại Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh để kết nối và hỗ trợ hoạt động phân phối sản phẩm được thông suốt.

Đến năm 2021, Công ty tự xây dựng được 24 nhà thuốc bán lẻ chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc như Phú Thọ, Sơn La, Ninh Bình, Nghệ An, Vĩnh Phúc. Công ty luôn chú trọng việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các hội thảo, hội nghị trong toàn ngành. Đây là bước đi ban đầu góp phần phát triển mạng lưới khách hàng rộng khắp từ các Sở Y tế, các bệnh viện, các trung tâm y tế trên 35/63 tỉnh thành để tiêu thụ thường xuyên và ổn định các mặt hàng đa dạng của Công ty gồm dược liệu, vị thuốc YHCT, đông dược, tân dược, vật tư y tế.

▪ **Nhà máy sản xuất hiện đại, đạt chuẩn, có năng suất cao với công nghệ tiên tiến**

Năm 2019, Công ty là đơn vị đầu tiên được cấp chứng nhận phạm vi vị thuốc YHCT theo tiêu chuẩn GMP-WHO (số giấy chứng nhận 152/GCNQLD ngày 15/3/2019 do Cục Quản lý Dược cấp).

Hiện tại, nhà máy GMP- WHO, GMP-HS với diện tích 3200m² đặt tại Phù Ninh - Phú Thọ có công suất tối đa 204 tấn cao/năm; 44,1 triệu gói cốm; 78,5 triệu viên nén/năm; 196,4 triệu viên nang cứng/năm... Nhà máy sử dụng các quy trình sản xuất với công nghệ hiện đại, phù hợp với các tiêu chuẩn GMP/GLP/GSP. Hệ thống thiết bị thuộc thế hệ mới trong lĩnh vực công nghiệp dược, chủ yếu được nhập khẩu đáp ứng chất lượng, công suất, phục vụ nhu cầu sản xuất và nghiên cứu phát triển các sản phẩm đặc trị.

Đặc biệt, so với các doanh nghiệp cùng ngành đang áp dụng công nghệ chiết như chiết siêu âm, chiết hồi lưu, chiết siêu tới hạn thì Công ty là đơn vị tiên phong đầu tư hệ thống dây chuyền chiết xuất cao dược liệu ứng dụng công nghệ sấy phun trong hiện đại hóa y học cổ truyền giúp cho việc tập trung chiết những hoạt chất tác dụng và loại tạp chất, từ đó tăng hiệu lực điều trị, cũng như sự an toàn của sản phẩm, tạo tiện ích cho khách hàng.

Công ty là một trong số ít các đơn vị có định hướng đầu tư các thiết bị tiên tiến cũng như ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới mà một số nước đã sử dụng (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan...) để tạo ra các loại cao bột cốm hòa tan phục vụ cho hệ thống dược YHCT trên cả nước thay thế cho việc sử dụng vị thuốc YHCT theo kiểu sắc thuốc truyền thống hàng ngàn năm qua.

▪ **Nguồn nhân sự**

Với quan điểm “Con người là tài nguyên vô giá trong lao động sáng tạo để tạo nên thành công trong ngành Dược nói chung và Công ty nói riêng”, Công ty luôn chú trọng công tác tuyển dụng cán bộ công nhân viên có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm để đảm bảo là một trong những doanh nghiệp sở hữu các nhân sự hàng đầu trong ngành dược. Tại thời điểm cuối năm 2021, Công ty có 270 cán bộ, công nhân viên, trong đó có hầu hết đều có trình độ đại học, cao đẳng, số còn lại tất cả đều qua đào tạo sơ cấp, kỹ thuật viên, công nhân có tay nghề cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành Dược

Triển vọng phát triển của ngành dược tại Việt Nam là rất lớn bởi các yếu tố sau:

▪ **Về định hướng phát triển:** theo quyết định số 68/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 01 năm 2014 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu định hướng đến năm 2030, quan điểm phát triển của Chính phủ đối với ngành dược vẫn khuyến khích cho việc sản xuất và sử dụng thuốc trong nước, ban hành chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc mà Việt Nam đã sản xuất, ưu tiên sử dụng thuốc sản xuất tại Việt Nam từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế, ban hành chính sách ưu đãi cho việc nghiên cứu, sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu ở Việt Nam. Đây là một trong các yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp dược Việt Nam cạnh tranh với doanh nghiệp dược nước ngoài tại Việt Nam cũng như hàng nhập khẩu.

▪ **Về cơ chế chính sách:** có thể nhận thấy Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì các rào cản pháp lý áp dụng với các tập đoàn dược phẩm nước ngoài như: Hạn chế cấp phép đăng ký nhãn thuốc; Chưa cho phép phân phối trực tiếp thuốc tại Việt Nam; Kênh đấu thầu do quy định sử dụng nguồn ngân sách nên các bệnh viện công không bị ràng buộc bởi bất cứ cam kết thương mại quốc tế nào (WHO, CPTPP, AFTA...). Đây là các yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp dược Việt Nam cạnh tranh với doanh nghiệp dược nước ngoài tại Việt Nam cũng như hàng nhập khẩu.

▪ **Về nhu cầu của thị trường:** Theo thống kê của Cục quản lý Dược Việt Nam, ngành dược sẽ tăng trưởng tiếp tục hai con số trong vòng 5 năm tới và đạt 16,1 tỷ USD năm 2026, với tỷ lệ tăng trưởng kép lên tới 11% tính theo đồng Việt Nam.

- ✓ Về nhu cầu thị trường, Việt Nam hiện được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi (*Pharmerging- theo phân loại của tổ chức IQVIA Institute*). Dân số đang bước vào giai đoạn “già hóa”. World Bank cảnh báo, Việt Nam đang trải qua giai đoạn tốc độ già hóa dân số nhanh nhất từ trước tới nay, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên là 6,5% vào năm 2017, dự kiến sẽ đạt 21% vào năm 2050), đồng nghĩa với nhu cầu chăm sóc sức khỏe đang tăng lên. Bên cạnh đó, mức độ sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ y tế có xu hướng tăng lên do thu nhập bình quân đầu người và trình độ dân trí được cải thiện, trong khi môi trường sống ngày càng có nguy cơ ô nhiễm cao làm gia tăng ngày càng nhiều loại bệnh tật... là yếu tố chính dẫn đến sự phát triển tất yếu của ngành dược.
- ✓ Về nguyên liệu phục vụ phát triển ngành dược: Tại Việt Nam, ngành dược vẫn còn nhiều hạn chế, trong đó có việc phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu, chưa tận dụng hết tiềm năng phát triển của đông dược và dược phẩm sản xuất chưa đảm bảo chất lượng. Theo dữ liệu khảo sát doanh nghiệp (theo Vietnam Report), hầu hết các doanh nghiệp Dược cho biết vấn đề khó khăn lớn nhất doanh nghiệp đang gặp phải hiện nay là “bị phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài”. Năm 2020, Việt Nam nhập khẩu 422 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm, phần lớn trong số đó là từ Trung Quốc và Ấn Độ - là hai nguồn cung cấp thuốc chủ yếu cho các nước đang phát triển có tham gia sản xuất thuốc generic (là một thuốc thành phẩm nhằm thay thế một thuốc phát minh được sản xuất không có giấy phép nhượng quyền của công ty phát minh và được đưa

ra thị trường sau khi bằng phát minh và các độc quyền đã hết hạn). Trong khi đó, Việt Nam là nước có nguồn dược liệu rất phong phú. Theo cục quản lý Y dược cổ truyền, trong tổng số trên 5.000 loài cây và nấm làm thuốc dược biết đến, vẫn còn rất nhiều loài có tiềm năng khai thác tạo nguồn nguyên liệu làm thuốc nhưng chưa được biết đến. Trong khi đó, đến 07/01/2022 thì chỉ có 19 doanh nghiệp chú trọng phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn GACP-WHO.

Như vậy có thể thấy ngành dược tại Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để phát triển mạnh trong tương lai, và còn nhiều cơ hội cho các công ty trong ngành tiếp tục phát triển và phát triển bền vững lâu dài phù hợp với xu hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và hội nhập kinh tế toàn cầu.

8.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty cổ phần Dược liệu Việt nam là Doanh nghiệp có quy mô vừa so với các Doanh nghiệp cùng ngành dược đã niêm yết. Dưới đây là một số chỉ tiêu so sánh với các công ty có ngành nghề tương tự và Vietmec tại thời điểm 31/12/2021:

Bảng 17: So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Dược liệu Việt Nam	Một số doanh nghiệp cùng ngành		
		CTCP Dược phẩm Hà Tây	CTCP Dược phẩm Imexpharm	CTCP Dược Danapha
Mã chứng khoán	DVM	DHT	IMP	DAN
Vốn điều lệ	270.000	264.088	667.054	211.410
Doanh thu thuần	1.048.920	1.609.364	1.266.597	452.438
Lợi nhuận sau thuế	50.141	71.390	189.095	56.721
Vốn chủ sở hữu	440.622	753.345	1.794.410	626.355
Tổng tài sản	1.032.943	1.237.591	2.294.700	886.481

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của các doanh nghiệp do VCBS tổng hợp)

8.4. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của VIETMEC với định hướng phát triển của ngành dược liệu

Với định hướng của Chính phủ về mục tiêu phát triển nền công nghiệp dược Việt Nam ngang tầm khu vực, Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định, tạo nhiều cơ chế, chính sách để ngành dược liệu trong nước phát triển mạnh mẽ theo hướng: (i) từng bước hình thành các đặc khu công nghiệp dược và nuôi trồng dược liệu đặc thù, (ii) ưu tiên các dự án quan trọng tạo sự đột phá trong sản xuất thuốc trong nước, (iii) chú trọng chuyển giao công nghệ, phấn đấu đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm mới của khu vực, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu phòng, chữa bệnh trong nước, hướng tới xuất khẩu với lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá hơn nữa.

Đặc biệt, trong năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 376/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt **Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**, trong đó có nêu: “Thuốc sản xuất trong nước đạt khoảng 80% số lượng sử dụng và 70% giá trị thị trường, tỷ lệ sử dụng dược liệu nguồn gốc trong nước, thuốc dược liệu tăng thêm ít nhất 30% so với năm 2020, phát triển được 10 - 15 dược liệu di thực đáp ứng nhu cầu trong nước. Phục tráng, nhập nội, di thực, phát triển được 10 - 15 giống cây dược liệu có nguồn gốc nhập khẩu số lượng lớn” với các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước.”. Theo đó, các quyết sách được cụ thể tại quyết định này bao gồm:

- Xây dựng khung thể chế, chính sách đảm bảo khuyến khích, hỗ trợ, đặc biệt ưu đãi đầu tư với các doanh nghiệp dược, ưu đãi về thuế, tín dụng, chính sách sử dụng đất (giá thuê đất, thời hạn thuê đất) đối với các doanh nghiệp, cơ sở đầu tư nuôi trồng, chế biến, chiết xuất dược liệu, phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền;
- Rà soát và hoàn thiện các quy định về đầu thầu, mua sắm thuốc sản xuất tại Việt Nam, tăng tỷ lệ và giá trị thuốc sản xuất trong nước trong danh mục thuốc thanh toán bảo hiểm y tế; bảo đảm việc ưu đãi sử dụng thuốc trong nước theo đúng quy định của pháp luật.
- Đầu tư phát triển vùng khai thác, chế biến dược liệu của Việt Nam theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tăng đầu tư cho chương trình bảo tồn, phát triển nguồn gen cây thuốc, quý, đặc hữu trên cơ sở tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ tiên tiến cho đánh giá chất lượng nguồn gen và chọn tạo giống cây thuốc.
- Huy động mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất thuốc trong nước, sản xuất thuốc nhượng quyền, chuyên giao công nghệ, vắc xin, sinh phẩm y tế và các sản phẩm từ dược liệu. Chú trọng đầu tư, phát triển chương trình hóa dược để sản xuất nguyên liệu làm thuốc phục vụ sản xuất thuốc trong nước, giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập ngoại.

Các quyết sách trên của Chính phủ trong việc phát triển ngành công nghiệp dược đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đã tạo ra cơ hội phát triển mạnh mẽ cho các doanh nghiệp dược trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

Với đội ngũ nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Dược, các định hướng phát triển của Công ty là kết quả của sự nghiên cứu cơ chế chính sách, đánh giá tình thị trường, tiềm năng phát triển ngành dược. Hiện tại, Công ty có một số định hướng chính như sau:

- ✓ Mở rộng, tăng quy mô hoạt động của Công ty thông qua việc huy động các nguồn lực như tài chính, công nghệ, nhân sự;
- ✓ Tập trung phát triển vùng trồng dược liệu quy mô lớn đạt tiêu chuẩn GACCP-WHO;
- ✓ Nâng cao giá trị gia tăng của nguồn dược liệu thô thông qua việc sơ chế, chiết xuất, chế biến dược liệu;
- ✓ Tạo nguồn dược phẩm sản xuất trong nước đáp ứng tiêu chuẩn đầu thầu.

Các định hướng này hoàn toàn phù hợp với chính sách và định hướng của Nhà nước và Công ty tự tin rằng sẽ hoàn thành tốt được các định hướng này.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong công ty

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Tính tại thời điểm 31/12/2021, số lao động tại Công ty là 270 người, trong đó số lao động nữ là 201 người, lao động nam là 69 người, cơ cấu lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và tính đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 18: Phân loại lao động Công ty giai đoạn 2020 - 2021

Phân loại theo trình độ chuyên môn		Năm 2020	Năm 2021
Trên đại học	Tổng số	03	07
	Thạc sỹ	02	06
	Dược sỹ chuyên khoa I	01	01
Đại học	Tổng số	83	100
	Đại học dược	22	37
	Đại học khác	61	63
Trung học	Tổng số	118	139
	Cao đẳng	75	86
	Trung học y	02	45
	Trung học khác	10	8
Khác		02	24
TỔNG		206	270

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

- Lương bình quân của người lao động năm 2021 là: 8.861.411 đồng/người/tháng
- Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (06 ngày làm việc/tuần). Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Do đặc thù là doanh nghiệp có nhiều lao động nữ nên Công ty thường xuyên tổ chức sinh nhật theo tháng, các ngày kỷ niệm liên quan đến phụ nữ, tặng quà cho các cháu thiếu nhi là con của CBCNV và đặc biệt hàng năm, Công đoàn của Công ty luôn đứng ra tổ chức các kỳ nghỉ mát, hội thao giao lưu văn nghệ và thi đấu thể thao tạo sự động viên gắn kết trong lao động sản xuất và đời

sống.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, đảm bảo ánh sáng, an toàn lao động, đầy đủ điều kiện làm việc cho người lao động. CBCNV đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách khác cho người lao động

Xác định con người là chìa khóa cho hoạt động của Công ty, Công ty luôn tập trung, triển khai các chính sách hướng đến người lao động để người lao động có thể yên tâm công tác, nâng cao trình độ thông qua các khóa đào tạo, các quy trình quy chế công khai, minh bạch để đảm bảo mọi người lao động đều có cơ hội phát triển bản thân và qua đó đóng góp vào kết quả hoạt động chung của Công ty.

9.2.1. Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng, khuyến khích việc huấn luyện, đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong lĩnh vực chuyên môn cũng như quản lý. Hàng năm, Công ty tổ chức các khóa huấn luyện và đào tạo nội bộ như:

- Đào tạo hội nhập cho CBNV mới, huấn luyện và kiểm tra cơ bản những kiến thức về Công ty, nội quy quy định,...
- Đào tạo kiến thức về GMP - GLP - GSP, ISO, tập huấn an toàn nghề nghiệp, sức khỏe, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu.
- Đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên các phòng ban: Cung ứng, Đảm bảo chất lượng, Kiểm nghiệm, Nghiên cứu phát triển, Marketing, Kinh doanh, Kế toán tài chính, Hành chính nhân sự, Cơ điện.
- Đào tạo GPP, kiến thức về sản phẩm và kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp cho nhân viên bán hàng nhà thuốc toàn hệ thống.
- Đào tạo triển khai đánh giá KPIs, đánh giá năng lực hành vi, khen thưởng và chế tài,...
- Huấn luyện cán bộ lãnh đạo về kỹ năng quản lý, nghệ thuật lãnh đạo, kỹ năng làm việc tập thể, tổ chức hội họp...

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức cho CBNV tham gia các khóa đào tạo bên ngoài như đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu cho các phòng ban chuyên môn như Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Kiểm nghiệm; bồi dưỡng các chức danh quản lý, điều hành qua các khóa đào tạo, huấn luyện ngắn hạn do các trung tâm đào tạo có uy tín trong nước tổ chức. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên các cấp tiếp tục nâng cao trình độ học vấn của mình qua việc đăng ký học tại các trường Đại học, Cao đẳng trong nước hoặc học tiếp để lấy thêm bằng đại học thứ hai, thứ ba...

9.2.2. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện nghiêm túc các chế độ về lương, về bảo hiểm, trợ cấp và các chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của nhà nước và thỏa ước lao động đã ký giữa Công ty và Công đoàn cơ sở cũng như hợp đồng lao động đối với từng người trong Công ty.

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Công ty thực hiện các chế độ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, phúc lợi cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể hàng năm. Cơ chế xác định thu nhập đảm bảo tính công bằng, có cơ chế ghi nhận rõ ràng các đóng góp của từng thành viên trong Công ty là mối quan tâm hàng đầu của Công ty. Quy chế lương được xây dựng dựa trên cơ sở vị trí công việc, năng lực, thâm niên công tác hướng đến mục tiêu cơ chế lương hợp lý sẽ là đòn bẩy để tăng năng suất, hiệu quả công việc, người lao động gắn bó với Công ty.

Cơ chế khen thưởng được áp dụng định kỳ trong trường hợp hoàn thành vượt mức kế hoạch và nhiệm vụ hàng tháng, hàng năm, thưởng nhân dịp lễ, Tết trong năm hoặc khen thưởng đột xuất đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình hoạt động.

9.2.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (nếu có)

Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động theo quy chế phát hành (nếu có) sẽ được HĐQT đề xuất thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Năm 2021, theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Công ty sẽ thực hiện đợt phát hành 1.350.000 cổ phiếu, tương ứng 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Tuy nhiên, trong năm 2021, công ty chưa thực hiện được đợt phát hành này và ĐHCĐ thường niên 2022 đã thông qua việc triển khai chương trình phát hành cổ phiếu ESOP năm 2021 chưa hoàn thành được tiếp tục thực hiện trong năm 2022 với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành vẫn là 1.350.000 cổ phiếu.

10. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm.

Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị. Ngoài ra, HĐQT có thể xem xét, tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được hoặc chi trả phần cổ tức đó bằng tài sản cụ thể vào thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định. Trường hợp không chi trả cổ tức thì lợi nhuận phải được phân bổ hợp lý vào các khoản dự trữ và lợi nhuận giữ lại. HĐQT sẽ cân nhắc trong việc công bố kế hoạch cổ tức, và kế hoạch này có thể có hoặc có thể không phụ thuộc vào tỷ lệ cổ tức đã phân phối trong những năm trước.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu khi được chấp thuận bởi Đại hội đồng cổ đông

Công ty. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam. Năm 2020 và 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua không chi trả cổ tức mà giữ lại lợi nhuận nhằm tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản (trong năm gần nhất)

11.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 19: Khấu hao tài sản cố định

Loại Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	06 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Tài sản cố định khác	06

11.1.2. Thu nhập bình quân người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam năm 2021 là 8.861.411 đồng/người/tháng cao hơn mức thu nhập bình quân chung của cả nước (theo thống kê của Tổng cục thống kê là 5.700.000 đồng/người/tháng).

11.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và báo cáo tài chính quý I năm 2022, đến thời điểm 31/03/2022, Công ty đã thực hiện thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có khoản nợ nào quá hạn. Vì vậy, việc xếp hạng của Công ty tại các Ngân hàng thương mại hàng năm đều ở mức cao. Trong đại dịch Covid-19, trong khi một số doanh nghiệp cùng ngành phải cơ cấu nợ thì Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ vay đến hạn, duy trì sự tín nhiệm ở mức cao và nhận được nhiều ưu đãi về chế độ hạn mức cùng lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại có quan hệ với Công ty.

11.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc nộp các khoản thuế (Giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp...) các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước.

Bảng 20: Số dư các khoản phải nộp theo luật định giai đoạn 2020 - 2021 và Quý I năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.186	2.306	4.082
Thuế thu nhập cá nhân	118	51	7
Cộng	5.304	2.357	4.089

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Công ty được áp dụng ưu đãi thuế TNDN từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với mức thuế suất 17% trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập từ dự án đầu tư mới.

Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm, giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của Công ty từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Năm 2021 là năm thứ 2 Công ty phát sinh thu nhập từ Dự án đầu tư.

11.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 21: Trích lập các quỹ theo luật định giai đoạn 2020 - 2021 và Quý I năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Quỹ đầu tư phát triển	-	2.152	2.152
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.076	1.610
Cộng	-	3.228	3.762

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

11.1.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 22: Tổng dư nợ vay của Công ty giai đoạn 2020 - 2021 và Q1.2022

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	Quý I/2022
I	Vay ngắn hạn	348.097	383.677	383.607

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

1	Vay ngân hàng	334.052	355.109	355.109
1.1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô ^(a)	4.975	26.754	57.412
1.2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội ^(b)	139.284	228.657	235.786
1.3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình ^(*)	89.940	-	-
1.4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương ^(c)	99.853	99.698	69.565
2	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	14.045	28.568	20.843
2.1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô ^(d)	-	162	121
2.2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội ^(e)	5.196	13.323	9.992
2.3	Công ty cho thuê tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội ^(f)	4.505	3.269	2.230
2.4	Công ty cho thuê tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(g)	4.344	11.814	8.499
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	122.588	140.149	140.149
1	Vay dài hạn	47.855	57.286	57.286
1.1	Vay ngân hàng	40.855	57.286	57.286
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội ^(e)	40.855	56.626	56.626
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô ^(d)	-	660	660
1.2	Vay đối tượng khác (Vay cá nhân)	7.000	-	-
2	Nợ thuê tài chính	14.733	22.863	22.863
2.1	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội ^(f)	9.466	5.746	5.746
2.2	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(g)	5.267	17.117	17.117
3	Trái phiếu thường	60.000	60.000	60.000

Tổng cộng	470.685	523.826	523.757
------------------	----------------	----------------	----------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và 2021 và BCTC Quý I năm 2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

- (a) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 100321-2751778-01-SME ngày 18 tháng 03 năm 2021, hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ hoạt động kinh doanh dược, thiết bị y tế và thực phẩm chức năng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 432394, số vào sổ cấp GCN: CT16020 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/01/2021 tại số SB.02 khu đô thị Vinhomes Marina, thành phố Hải Phòng của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty), Xe ô tô con, nhãn hiệu Honda, biển số xe 19A-383.66 của bên thứ ba và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.
- (b) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/3990765/HĐTD ký ngày 20 tháng 08 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 310.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Bất động sản tại thửa đất số 1(6), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, diện tích 142,0m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999011, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01480 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.
 - Bất động sản tại thửa đất số 1(7), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, diện tích 136,0m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999012, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01481 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.
 - Bất động sản tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, diện tích 175,8m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 858870, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00883 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 15/09/2016 cho Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
 - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty và sổ tiết kiệm của ông Vũ Thành Trung (Tổng giám đốc)
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 101093552720, hồ sơ gốc số 1413.2003/QĐ-UB do UBND quận Đống Đa cấp ngày 21/08/2003 tại thửa đất

số 59, tờ bản đồ số 6G-I-45, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội của bên thứ 3.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 281997, số vào sổ cấp GCN: 2617/QĐ-UBND-219 do UBND quận Long Biên cấp ngày 15/06/2010 tại tổ 4, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội của bên thứ 3.
 - Bất động sản tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 111, thôn Biều Khê, Đông Anh, Hà Nội Thôn Biều Khê, xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 300,0m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 710372, số vào sổ cấp GCN: CS 66506 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/11/2021 của Ông Vũ Thành Trung
 - Bất động sản tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 03-84/PA.CL, Thôn Sáp Mai, xã Võng La, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 80,0m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 888523, số vào sổ cấp GCN CS 66297 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2021 của Ông Vũ Thành Trung
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ SB23-321, Dự án khu đô thị Gia Lâm-Vinhomes Ocean Park, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, diện tích 67,5m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 902895, số vào sổ cấp GCN CS 24275 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 20/04/2021 của Ông Vũ Thành Trung.
- (c) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2020-HĐCVHM/NHCT128-DUOCLIEU ngày 22 tháng 06 năm 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức ngày 16 tháng 08 năm 2021 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Xe ô tô con, nhãn hiệu Landrover, biển số xe 30A-909.99 của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty).
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL 691912, số vào sổ cấp GCN: CS 26799/DA do Sở tài nguyên và môi trường TP Hồ Chí Minh cấp ngày 13/08/2018 tại tòa nhà Vinhomes Central Park, số 720A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty).
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 150979, số vào sổ cấp GCN: CTs 169603 do Sở tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 14/09/2018, cập nhật thay đổi chủ sở hữu mới nhất ngày 22/05/2020 đứng tên ông Vũ Thành Trung tại tổ 116, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty).

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 310108, sổ vào sổ cấp GCN: CS 09484 do Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội cấp ngày 16/05/2016 tại AD09-06, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội của bên thứ 3.
- (d) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Kinh Đô theo Hợp đồng cho vay số 140720-2751778-01-SME ký ngày 15 tháng 07 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô. Thời hạn vay 78 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm và được điều chỉnh định kỳ đầu mỗi quý. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux SA, BSX 30G-444.36 của Công ty.
- (e) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/3990765/HĐTD ký ngày 15 tháng 12 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán chi phí hợp lý Đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lãi trả sau kỳ hạn 24 tháng cộng 3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy Phú Thọ tại khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ” của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
 - Toàn bộ số cổ phiếu và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ số lượng cổ phiếu sở hữu, bao gồm: quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hay bằng cổ phiếu, quyền được mua cổ phiếu phát hành thêm với giá ưu đãi và các quyền lợi khác, tổng số lượng cổ phiếu đảm bảo là 950.000 cổ phiếu của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty).
 - Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Dự án “Đầu tư nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ” của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.
- (f) Là các khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng sau:
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000178/HĐCTTC ngày 22 tháng 11 năm 2018. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuê bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000172/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuê bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000173/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu

tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuê bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm.

- (g) Là các khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C191204212 ngày 05 tháng 12 năm 2019. Thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất thuê 9,94%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C191205612 ngày 20 tháng 01 năm 2020. Thời hạn thuê 36 tháng, lãi suất thuê 9,88%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210323912 ngày 18 tháng 03 năm 2021. Thời hạn thuê 44 tháng, lãi suất thuê 9,83%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210723012 ngày 26 tháng 07 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuê 9,8%/năm.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210725512 ngày 07 tháng 10 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuê 9,83%/năm.
- (h) Là Trái phiếu phát hành riêng lẻ được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ 3, ngày đáo hạn là 10/09/2023

Chi tiết trái phiếu phát hành:

Trái chủ:	15 cá nhân
Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp
Số lượng:	600 trái phiếu
Mệnh giá:	100.000.000 đồng/trái phiếu
Lãi suất:	Kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi: +/ Lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành: Lãi suất cố định 10,5%/năm +/ Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi sau Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Lãi suất thả nổi và được xác định theo công thức sau: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + 3,7%/năm
Ngày phát hành:	10/09/2020
Ngày đáo hạn:	10/09/2023
Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ thông qua Tổ chức bảo lãnh phát hành
Mục đích phát hành:	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và tăng quy mô vốn hoạt động của công ty
Tài sản đảm bảo:	(*)

(*) Tài sản đảm bảo là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 53; tờ bản đồ số 36; địa chỉ: tổ 491, đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội được ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 333629, số vào sổ cấp GCN: CS 37033 do Sở Tài nguyên và Môi trường

thành phố Hà Nội cấp ngày 28/8/2020 cho ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty).

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1434; tờ bản đồ địa chính số 01, đo vẽ năm 1994; địa chỉ: phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 635783, số vào sổ cấp GCN: CT 11235 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/04/2020 cho Công ty Cổ phần Dược liệu Bắc Trung Bộ (Nhà cung cấp lớn).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 214 tờ bản đồ số 6G-I-29; địa chỉ: Số 3, nhà A2, tổ 2B, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội được ghi nhận trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109170122, hồ sơ gốc số 3326.2000 cho bà Nguyễn Thị Nội và chồng là ông Hoàng Ân Hà. Ngày 17/10/2002, Sở Địa chính nhà đất Hà Nội đăng ký sang tên cho ông Trần Bình Duyên (Chủ tịch Hội đồng quản trị).
- 5.400.000 cổ phần Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty, chi tiết như sau:
 - + 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) cổ phần trên tổng số 7.450.000 (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) cổ phần thuộc sở hữu của ông Vũ Thành Trung được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và Xác nhận sở hữu cổ phần do Công ty cấp cho ông Vũ Thành Trung (mã số cổ đông: 01/2019.CNCP) ngày 06/4/2020;
 - + 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) cổ phần trên tổng số 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) cổ phần thuộc sở hữu của bà Đoàn Thị Thu Hoài được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và Xác nhận sở hữu cổ phần do Công ty cấp cho bà Đoàn Thị Thu Hoài (mã số cổ đông: 01/2021/CNCP) ngày 15/06/2021;
 - + 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) cổ phần trên tổng số 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) cổ phần thuộc sở hữu của ông Lê Cao Hoàng được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và Xác nhận sở hữu cổ phần do Công ty cấp cho ông Lê Cao Hoàng (mã số cổ đông: 04/2019.CNCP) ngày 06/4/2020;
 - + 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) cổ phần trên tổng số 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) cổ phần thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Sơn được ghi nhận tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và Xác nhận sở hữu cổ phần do Công ty cấp cho ông Nguyễn Ngọc Sơn (mã số cổ đông: 02/2019/CNCP) ngày 06/4/2020.

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Bảng 23: Các khoản phải thu giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	379.677	356.587	353.200
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	261.296	263.287	268.499
Trả trước cho người bán ngắn hạn	91.479	59.403	51.192
Phải thu ngắn hạn khác	26.902	33.897	33.509
Các khoản phải thu dài hạn	27.974	10.601	10.461
Phải thu dài hạn khác	27.974	10.601	10.461

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Trong các khoản mục phải thu, Nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Khoản mục phải thu khách hàng tính tới ngày 31/12/2021 là 263.287 tỷ đồng, chủ yếu là các khoản thu với các đối tác lớn như: CTCP Ecopha, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, Công ty Dược phẩm Hoàng Lan, Công ty Dược phẩm Minh Tiến... Nguyên nhân khoản phải thu tăng mạnh là do Công ty đang triển khai bán hàng cất lô và đẩy mạnh sức tiêu thụ đối với các mặt hàng cao, cốt sản xuất từ nhà máy; đây là những mặt hàng có nhiều ưu điểm như sử dụng nguyên liệu sạch, mẫu mã đẹp, chất lượng bảo đảm nhưng lại mới ra mắt trên thị trường nên cần có thời gian thích ứng và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Chính sách hỗ trợ thanh toán trả chậm 6-12 tháng đối với một số khách hàng là một trong những biện pháp Công ty sử dụng để các sản phẩm có thể thâm nhập và phát triển rộng rãi, được thị trường đón nhận; từ đó xây dựng chuỗi đại lý đồng bộ tạo ra sự ổn định bền vững. Bên cạnh đó, từ năm 2020 đến nay do tình hình dịch Covid 19 đang bùng phát mạnh, một số bệnh viện và các cơ sở y tế tập trung mọi nguồn lực để xử lý dập dịch nên công tác thanh quyết toán chưa được ưu tiên cũng là một nguyên nhân ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thu hồi công nợ của Công ty. Công ty luôn đảm bảo việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo đúng quy định và không có khoản phải thu quá hạn.

Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn khác:

Bảng 24: Các khoản phải thu khác giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
I	Ngắn hạn	26.902	33.897	33.509
1	Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (a)	400	30.305	30.311
2	Phải thu khác	26.502	3.592	3.198
1.1	Số tiền đã trả cho Công ty cho thuê tài chính	2.210	3.450	3.054

	<i>tương ứng với phần thuế GTGT của tài sản thuế tài chính</i>			
1.2	Lãi dự thu	992	139	139
1.3	Ông Vũ Thành Trung	23.000	-	-
1.4	Các khoản phải thu khác	300	3	5
II	Dài hạn	27.974	10.601	10.461
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.483	4.898	4.758
2	Phải thu khác	25.491	5.703	5.703
2.1	Dự án vùng trồng (b)	25.491	5.703	5.703
	Cộng	54.876	44.498	43.970

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

(a): Là khoản đặt cọc gồm:

Tiền đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc số 24112021.TN ngày 24/11/2021 giữa ông Nguyễn Ngọc Phi và CTCP Dược liệu Việt Nam về việc mua các lô đất (vùng trồng dược liệu) tại khu Xuân 2, Kim Thượng – Tân Sơn – Phú Thọ với số tiền đặt cọc là 10.000.000.000 đồng. Chủ trương được thực hiện theo Biên bản số 1011/2021/BB/HĐQT-DLVN ngày 10/11/2021, Nghị quyết số 1011/2021/NQ-HĐQT/DLVN ngày 10/11/2021 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt các vấn đề triển khai dự án trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ.

Chi tiết lộ trình như sau:

– Ngày 24/11/2021, CTCP Dược liệu Việt Nam và ông Nguyễn Ngọc Phi đã ký kết 02 thỏa thuận đặt cọc số 24112021.KT và 24112021.TN cho 03 thửa đất:

+/ Thửa đất số 1:

- Thửa đất số 12B tờ bản đồ 02;
- Tổng diện tích 100.505 m²;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03/QSDD/Q1T03 ngày 20/12/1995;
- Giá chuyên nhượng 13 tỷ đồng, trong đó yêu cầu ngày 24/11/2021 đặt cọc 10 tỷ đồng;
- Thời gian thanh toán vào ngày ký hợp đồng công chứng và sang nhượng hoàn tất các giấy tờ nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày đặt cọc.

+/ Thửa đất số 2:

- Thửa đất số 19 tờ bản đồ số 03;
- Tổng diện tích 53.400 m²;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00142/Q1T142 ngày 01/10/2004;

+/ Thừa đất số 3:

- Thừa đất số 14 và 17 tờ bản đồ 03;
 - Tổng diện tích 27.095 m²;
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00144 QSDĐ/Q1T144 ngày 01/10/2004
 - Tổng giá chuyển nhượng cho thửa đất số 2 và số 3 là 10 tỷ đồng, trong đó yêu cầu ngày 24/11/2021 đặt cọc 5 tỷ đồng;
 - Thời gian thanh toán cho thửa đất số 2 và số 3 vào ngày ký hợp đồng công chứng và sang nhượng hoàn tất các giấy tờ nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày đặt cọc.
- Ngày 25/11/2021, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc 10 tỷ đồng cho ông Nguyễn Ngọc Phi.
- Ngày 13/04/2022, theo thỏa thuận giữa ông Nguyễn Ngọc Phi và CTCP Dược liệu Việt Nam, hai bên đã ký văn bản hủy hợp đồng đặt cọc số 24112021.KT và 24112021.TN nêu trên và thống nhất chuyển giao số tiền 10 tỷ đồng mà Công ty đã đặt cọc để thực hiện 02 Hợp đồng mua bán chuyển nhượng 02 thửa đất khác khác, bao gồm:

+/ Thừa đất số 1:

- Thừa đất số 14 tờ bản đồ 05;
- Địa chỉ: khu Sinh Tàn, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
- Tổng diện tích 245.000 m²;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 761586 ngày 25/02/2022;
- Giá chuyển nhượng 30 tỷ đồng;

+/ Thừa đất số 2:

- Thừa đất số 5 tờ bản đồ 77;
 - Địa chỉ: xóm Dẹ 2, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
 - Tổng diện tích 58.000 m²;
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 993682 ngày 10/12/2021;
 - Giá chuyển nhượng 7 tỷ đồng;
- Ngày 24/05/2022, CTCP Dược liệu Việt Nam đã thanh toán đủ số tiền quy định tại Hợp đồng
- Ngày 25/05/2022, CTCP Dược liệu Việt Nam đã được sang tên trên 02 Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiền đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc mua bán nhà, đất số 22122021/hdc D9-04/2021 ngày 22/12/2021 giữa CTCP Dược liệu Việt Nam và bà Nguyễn Thị Hải về việc cam kết mua căn hộ tại địa chỉ D9-04 thuộc dự án Vinhomes Grand Park tại phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền đặt cọc là 20.000.000.000 đồng. Chủ trương được thực hiện theo Biên bản số 18/2021-BB/HĐQT-DLVN ngày 20/10/2021, Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐQT/DLVN ngày 20/10/2021 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt mở, đầu tư, phát triển chi nhánh CTCP Dược liệu Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chi tiết lộ trình như sau:

- Ngày 22/12/2021, CTCP Dược liệu Việt Nam ký kết Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất số 22122021/hdc D9-04/2021
 - Địa chỉ: D9-04 thuộc dự án Vinhomes Grand Park tại phường Long Bình và Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh;
 - Diện tích: 235,6 m² sàn xây dựng;
 - Giá bán: 25 tỷ đồng
 - Số tiền đặt cọc: 20 tỷ đồng kể từ ngày 22/12/2021 đến ngày 30/03/2022.
 - Ngày 29/12/2021, Công ty hoàn thiện việc đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Hải số tiền 20 tỷ đồng.
 - Ngày 05/01/2022, Công ty đã nhận bàn giao nhà từ bà Nguyễn Thị Hải. Hiện công ty đang hoàn thiện giai đoạn cuối phần xây thô nhằm tối ưu công năng sử dụng sau khi nhận bàn giao nhà từ chủ đầu tư theo hợp đồng.
 - Ngày 22/06/2022, Công ty đã hoàn thiện thủ tục thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hải (tổng số tiền 25 tỷ đồng).
 - Từ nay đến 15/07/2022, Công ty sẽ phối hợp cùng Chủ đầu tư và bà Nguyễn Thị Hải thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty.
- (b): Là khoản Công ty hỗ trợ các hộ dân, hợp tác xã tham gia hợp tác với Công ty xây dựng vùng trồng cây dược liệu theo tiêu chuẩn GACP – WHO. Số tiền này sẽ được bù trừ với công nợ khi Công ty mua dược liệu của các hộ dân, hợp tác xã.

Cụ thể, Công ty có chương trình phát triển vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới GACP - WHO”, trong đó đưa ra chính sách hỗ trợ người dân có đất tham gia hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu và bán nguyên liệu lại cho Công ty. Chính sách hỗ trợ người dân, hợp tác xã vùng trồng GACP bao gồm: Hỗ trợ cải tạo đất ban đầu; Hỗ trợ chọn giống, nhân giống; Hỗ trợ đào tạo, tập huấn về quy trình trồng trọt, thu hái, bảo quản và định kỳ xuống kiểm tra chất lượng đất, nước, thuốc bảo vệ thực vật, quá trình phát triển của cây. Công ty có các xác nhận của địa phương về diện tích vùng trồng kèm trích lục bản đồ địa chính đồng thời có biện pháp để thu hồi các khoản công nợ này thông qua các văn bản cam kết của người dân, hợp tác xã về phát triển trồng cây nguyên liệu.

Công ty sẽ ứng trước tiền cho người dân, hợp tác xã tham gia xây dựng vùng trồng nguyên liệu. Hàng năm, Công ty mua lại hàng từ người dân, hợp tác xã. Theo đó, các khoản hỗ trợ này được Công ty thu hồi bằng cách cần trừ vào tiền mua nguyên liệu với người dân.

b. Tổng dư nợ phải trả

❖ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn

Bảng 25: Nợ ngắn hạn và dài hạn giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nợ ngắn hạn	475.113	450.568	518.227

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Phải trả người bán ngắn hạn	106.669	54.764	122.204
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	877	738	1.126
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.304	2.357	4.089
Phải trả người lao động	2.933	4.896	4.912
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.403	2.531	542
Phải trả ngắn hạn khác	7.829	508	136
Doanh thu chưa thực hiện		18	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.076	1.610
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	348.098	383.677	383.607
Nợ dài hạn	134.185	141.752	141.755
Phải trả người bán dài hạn	7.717	-	-
Phải trả dài hạn khác	3.880	1.603	1.605
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	122.588	140.149	140.149
Tổng cộng	609.298	592.320	659.982

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Các khoản phải trả người bán của Công ty thời điểm 31/03/2022 chủ yếu là các khoản phải trả đối với các nhà cung cấp cung cấp dược liệu để sơ chế, chế biến, chiết xuất cao như Công ty Anhui Xiehecheng, Công ty cổ phần Dược phẩm Nanolab, Công ty cổ phần Đông dược liệu Trường Xuân... Công ty luôn cố gắng cân đối thanh toán đúng như cam kết với các nhà cung cấp để đạt được những ưu đãi tốt nhất về giá; đồng thời đảm bảo việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo đúng quy định và không có khoản phải trả quá hạn.

11.1.8 Hàng tồn kho

Bảng 26: Hàng tồn kho giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Nguyên liệu, vật liệu	117.043	125.637	160.430
Công cụ, dụng cụ	-	552	27
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.346	1.167	-
Thành phẩm	4.667	9.755	15.672
Hàng hóa	85.204	113.447	153.153
Tổng cộng	211.260	250.558	329.282

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do:

+/ Hệ thống bảo quản, phân phối thuốc của Công ty được thiết kế xây dựng nhằm mục đích dự trữ nguyên liệu hàng hóa trong thời gian dài mà không bị giảm chất lượng. Hệ thống này đã được Cục quản lý dược và các Sở y tế cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đáp ứng điều kiện kinh doanh của ngành dược (Giấy chứng nhận GPP cho các nhà thuốc bán lẻ trực thuộc công ty; Giấy chứng nhận GDP cho các cơ sở bán buôn thuốc; Giấy chứng nhận GSP cho hệ thống kho bảo quản thuốc, áp dụng cho các nhà sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán, tồn trữ thuốc).

+/ Nguyên vật liệu, hàng hóa của Công ty được luân chuyển thường xuyên; nguyên vật liệu, hàng hóa mới nhập về thì sẽ mang nguyên liệu, hàng hóa cũ ra để sản xuất và bán hàng nên hàng tồn kho không bị ứ đọng hoặc suy giảm chất lượng.

Bảng 27: Tài sản dở dang dài hạn giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
Mua sắm	21.356	51.580	69.914
Máy móc xưởng sản xuất nang mềm	21.356	-	-
Máy móc, thiết bị xưởng sản xuất thuốc chữa ung thư	-	51.580	69.914
XDCB	34.417	241	241
Xưởng sản xuất thuốc chữa ung thư	-	241	241
Xưởng sơ chế và chế biến dược liệu tại nhà máy Phú Thọ	26.463	-	-
Công trình khác	7.954	-	-
Tổng cộng	55.773	51.821	70.155

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC Quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị xưởng sản xuất thuốc chữa ung thư bao gồm các chi phí:

Bảng 28: Chi phí mua sắm máy móc, thiết bị xưởng sản xuất thuốc chữa ung thư

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2021	31/03/2022
-----	-----------	------------	------------

1	Giá trị máy móc (bao gồm Máy trộn siêu tốc, máy sấy tầng sôi, máy trộn 3D, hệ thống tủ sấy tiết trùng...)	48.930.666.144	66.463.418.157
2	Lãi vốn hóa trong thời gian đầu tư	1.576.820.667	1.576.820.667
3	Chênh lệch tỷ giá	506.161.572	506.161.572
4	Cước vận chuyển quốc tế	232.217.336	663.643.136
5	Phí hải quan	215.274.840	584.494.306
6	Bảo hiểm	119.035.125	119.035.125
	Tổng cộng	51.580.175.684	69.913.572.963

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

Tính đến ngày 22/06/2022. Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt các thiết bị nêu trên tại nhà máy. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống phụ trợ như hệ thống cấp nước RO, hệ thống panel phòng sạch, hệ thống tháp khử bụi... Ngay sau khi hệ thống sản xuất được lắp đặt hoàn thiện. Công ty sẽ nộp hồ sơ để xin cấp giấy phép GMP cho nhà máy. Sau khi được Bộ Y tế cấp phép và bắt đầu vận hành nhà máy. Công ty sẽ thực hiện ghi nhận vào tài sản cố định trên Báo cáo tài chính.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1.31	1.57
Hệ số thanh toán nhanh: <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0.86	1.01
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0.74	0.57
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	2.88	1.34
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4.76	4.01
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1.11	1.13

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	2.55	4.78
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân:</i>	%	13.82	15.38
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân</i>	%	2.83	5.41
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	%	3.10	4.98

Là công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược, khả năng thanh toán của Công ty ở mức khá tốt và ổn định. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn cải thiện tốt trong năm 2021 do các khoản mục trong nợ phải trả được cơ cấu lại. Tương tự, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng qua các năm cho thấy doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả hơn. ROE năm 2020 đạt 13,82% và năm 2021 đạt 15,38%, ROA năm 2020 đạt 2,83% và năm 2021 đạt 5,41%.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Bình Duyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Văn Cải	Thành viên HĐQT
4	Lê Cao Hoàng	Thành viên HĐQT
5	Phạm Hoàng Linh	Thành viên độc lập HĐQT

Sơ yếu lý lịch như sau:

❖ Ông Trần Bình Duyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trần Bình Duyên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/03/1947
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 10 ngõ 183, Đặng Tiến Đông, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
- Căn cước công dân số: 035047000272 cấp ngày 22/07/2016 tại Cục cảnh sát
- Điện thoại liên hệ: 0915866999
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ chuyên khoa II
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1972-1977	Xí nghiệp dược Sơn La	Quản lý kỹ thuật và quản đốc phân xưởng
1978-1981	Công ty Dược Sơn La	Phó Giám đốc
1982 -1990	Xí nghiệp liên hợp dược Sơn la	Giám đốc
1990-2005	Công ty dược liệu TW1	Giám đốc
2005-2010	Công ty cổ phần Mediplantex	Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch
2010-2015	Công ty cổ phần Mediplantex	Chủ tịch HĐQT
2015-2018	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam Group	Tổng Giám đốc
2018 – 6/2021	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
7/2021- nay	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 230.000 cổ phần, chiếm 0,65% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 230.000 cổ phần, chiếm 0,65% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo Nghị Quyết ĐHQĐ áp dụng với chủ tịch HĐQT
 - + Lương chi trả cho Phó Tổng giám đốc theo quy định của Công ty
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

❖ **Ông Vũ Thành Trung – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ tên: Vũ Thành Trung
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/02/1981
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: AD 09-59 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP Hà Nội
- Căn cước công dân số: 010081000097 Cấp ngày: 13/05/2020 tại Cục cảnh sát
- Điện thoại liên hệ: 0965866866
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật tại công ty cổ phần Dược và dịch vụ thương Mại Tuyên Quang
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2014	Công ty Cổ Phần Dược Trung Ương Mediplantex	Nhân viên Kinh doanh
2011-2014	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Giám đốc
2015- 6/2021	Công Ty Cổ Phần Dược liệu Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
7/2021-nay	Công Ty Cổ Phần Dược liệu Việt Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 7.160.328 cổ phần, chiếm 20,0903% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.150.000 cổ phần, chiếm 20,06% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 10.328 cổ phần, chiếm 0,0303% vốn điều lệ. thông tin như sau:

TT	Họ tên	Số CMND/CCCD	Ngày cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (tỷ lệ)	Quan hệ
1	Vũ Thị Bích Liên	010183001219	16/04/2021	10.219	0,03	Em gái
2	Đỗ Văn Sáng	015081001282	16/04/2021	109	0,0003	Em rể

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ công ty áp dụng với thành viên HĐQT.
 - + Lương vị trí Tổng giám đốc theo quy định của Công ty.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Ông Nguyễn Văn Cải - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ tên: Nguyễn Văn Cải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/10/1960
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 11 ngách 30, ngõ 294 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
- Căn cước công dân số: 036060008785 cấp ngày 024/03/2021 tại Cục cảnh sát
- Điện thoại liên hệ: 0913889388
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật/ Dược sỹ cao đẳng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1979-1990	Xí nghiệp Dược Cửu Long	Nhân viên
1991-1994	Chi nhánh Công ty Dược và vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội	Nhân viên
1994-1997	Chi nhánh Công ty Dược và vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội	Phó Giám đốc
1998 - 2020	Chi nhánh Công ty Dược và vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội	Giám đốc
1/2021 - 6/2021	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
7/2021 - nay	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên HĐQT.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Ông Lê Cao Hoàng - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ tên: Lê Cao Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/06/1974
- Nơi sinh: Phú Thọ

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 6 Ngách 6/12 phố Đội Nhân, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
- Căn cước công dân số: 024074000146 cấp ngày 26/03/2018 tại Cục Cảnh Sát
- Điện thoại liên hệ: 0915866866
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh thầu
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1995 - 6/2002	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Nhân viên tại khoa dược
7/2002 - 6/2021	Công ty CP Dược TW Mediplantex	Trưởng phòng kinh doanh dược liệu
7/2021 - nay	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kinh doanh thầu

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 750.000 cổ phần, chiếm 2,1% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 750.000 cổ phần, chiếm 2,1% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Thành viên HĐQT.
 - + Lương vị trí Giám đốc kinh doanh thầu theo quy định của Công ty.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ Ông Phạm Hoàng Linh - Thành viên độc lập HĐQT

- Họ tên: Phạm Hoàng Linh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/4/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số nhà 37 Tổ 14, phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 012100716 Ngày cấp: 04/10/2011 tại CA thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tân Hoàng Linh Việt Nam.
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định Tài sản Việt Nam
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/2004 - 7/2017	Trung tâm Thẩm định giá và Đấu giá (VVFC)	Phó Giám đốc
7/2017 - 12/2020	Công ty Cổ phần Đầu tư và Định giá An Dương	Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
01/2021 - nay	Công ty Cổ phần Thẩm định và Giám định Tài sản Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
9/2017 - nay	Công ty TNHH Thương mại Tân Hoàng Linh Việt Nam	Giám đốc
07/2021 – nay	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Thành viên độc lập HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo quy nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên HĐQT.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.2. Danh sách Ban Điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc
2	Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc
3	Đoàn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng

❖ **Ông Vũ Thành Trung – Tổng Giám đốc**

Lý lịch được trình bày tại Mục Hội đồng quản trị nêu trên

❖ **Ông Trần Bình Duyên – Phó Tổng Giám đốc**

Lý lịch được trình bày tại Mục Hội đồng quản trị nêu trên

❖ **Bà Đoàn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng**

- Họ tên: Đoàn Thị Thu Hoài
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/11/1980
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 4 phường Giang Biên, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- CMND số: 034180000114 cấp ngày 25/06/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại liên hệ: 0982964494
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2005	Công ty 32 (Tổng cục hậu cần-Bộ Quốc Phòng)	Nhân viên lao động tiền lương
2006-2009	Công ty tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp (Bộ công thương)	Nhân viên kế toán
2010 - 2014	Công ty tư vấn và Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp (Bộ công thương)	Phó phòng kế toán. Phụ trách phòng Tài chính Kế toán
2015-2019	Công ty Cổ phần Năng lượng và Đầu tư Long Giang	Kế toán trưởng
2020 - nay	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết (tại ngày 26/05/2022): 450.000 cổ phần chiếm 1,26% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 450.000 cổ phần chiếm 1,26% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Lương chi trả cho Kế toán trưởng theo quy định của Công ty
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

12.3. Danh sách Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nhữ Thị Thu Trang	Trưởng ban kiểm soát
2	Dương Thị Ngọc	Kiểm soát viên
3	Trần Thị Thanh Tâm	Kiểm soát viên

❖ Bà Nhữ Thị Thu Trang – Trưởng ban kiểm soát

- **Họ tên:** Nhữ Thị Thu Trang
- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày sinh:** 11/9/1988
- **Nơi sinh:** Hải Dương
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:** số 3/70 ngõ 101 Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Căn cước công dân số:** 030188005815 cấp ngày 25/7/2018 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- **Điện thoại liên hệ:** 0985602829
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- **Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết:** Trưởng Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng cung ứng
- **Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Không có
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 2013	Công ty cổ phần giải pháp điện tử thông tin	Nhân viên Dự án
2013 - 2015	Công ty TNHH đầu tư thương mại và XNK Bình Minh	Thư ký TGD
2015 - nay	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Trưởng phòng cung ứng
07/2021 – 05/2022	Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam	Kiểm soát viên
05/2022 - nay	Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam	Trưởng Ban kiểm soát

- **Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có
- **Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:** Không có.
 - + **Sở hữu cá nhân:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + **Sở hữu đại diện:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + **Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng đối với Thành viên Ban kiểm soát.
 - + Lương vị trí Trưởng phòng cung ứng theo quy định của Công ty
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Bà Dương Thị Ngọc – Kiểm soát viên**

- Họ tên: Dương Thị Ngọc
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/06/1976
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu 1, Hà Lộc, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
- CMND số: 131318313 cấp ngày 13/08/2019 tại Công an tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại liên hệ: 0963981855
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên ban kiểm soát kiêm Chuyên viên dự án
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 2013	Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Giảng viên
2013 - 2018	Phòng khám đa khoa Trường CĐ Y tế Phú Thọ	Giảng viên khoa dược kiêm Trưởng bộ phận Dược
2018 - 2019	Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội	Giảng viên
2019 – 11/2021	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng

12/2021 - nay	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Chuyên viên dự án
07/2021 – nay	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 36 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 36 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng đối với Thành viên Ban kiểm soát.
 - + Lương vị trí chuyên viên dự án theo quy định của Công ty.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

❖ **Bà Trần Thị Thanh Tâm – Kiểm soát viên**

- Họ tên: Trần Thị Thanh Tâm
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 01/11/1981
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Khu 4-Nông Trang-Việt Trì-Phú Thọ
- CCCD số: 025181014441 cấp ngày 12/8/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Điện thoại liên hệ: 0379248929
- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng đảm bảo chất lượng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2009	Công ty cổ phần dược Phú Thọ	Nhân viên
2009-2017	Trường Cao đẳng dược phú Thọ	Nhân viên-Giảng viên
2017 – 11/2021	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Trưởng phòng kiểm nghiệm
12/2021 - nay	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Trưởng phòng đảm bảo chất lượng
05/2022 – nay	Công ty Cổ phần dược liệu Việt Nam	Kiểm soát viên

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: 183 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 183 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng đối với Thành viên Ban kiểm soát.
 - + Lương vị trí Trưởng phòng đảm bảo chất lượng theo quy định của Công ty.
 - + Lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

13. Tài sản

Bảng 30: Tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2021 và 31/3/2022

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021			31/03/2022		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình	190.718	167.573	87,86%	190.855	164.127	86,00%
Nhà cửa vật liệu kiến trúc	102.153	90.741	88,83%	102.153	89.361	87,48%
Máy móc thiết bị	72.027	65.565	91,03%	72.027	63.960	88,80%
Phương tiện vận tải	6.439	4.295	66,70%	6.439	4.044	62,80%
Thiết bị dụng cụ quản lý	7.226	5.332	73,79%	7.226	5.065	70,09%
TSCĐ hữu hình khác	2.873	1.640	57,08%	3.010	1.697	56,38%
Tài sản cố định thuê tài chính	44.193	34.146	77,27%	44.194	32.880	74,40%
Máy móc thiết bị	44.193	34.146	77,27%	44.194	32.880	74,40%
Tài sản cố định vô hình	56.481	56.481	100,00%	56.481	56.481	100,00%
Quyền sử dụng đất	56.302	56.302	100,00%	56.302	56.302	100,00%
TSCĐ vô hình khác	179	179	100,00%	179	179	100,00%
Tổng cộng	291.392	258.200	88,61%	291.530	253.488	86,95%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, năm 2021 và BCTC quý I/2022 của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

13.1. Các tài sản lớn của VIETMEC:

❖ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 03 thửa đất cùng một vị trí và tiếp giáp với nhau ở địa chỉ Tổ 10, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội do Sở tài nguyên môi trường TP Hà Nội cấp:

- Số GN999011 ngày 25/07/2018 diện tích 142m²;
- Số GN999012 ngày 25/07/2018 diện tích 136m²;
- Số CD858870 ngày 15/09/2016 diện tích 175,8m².

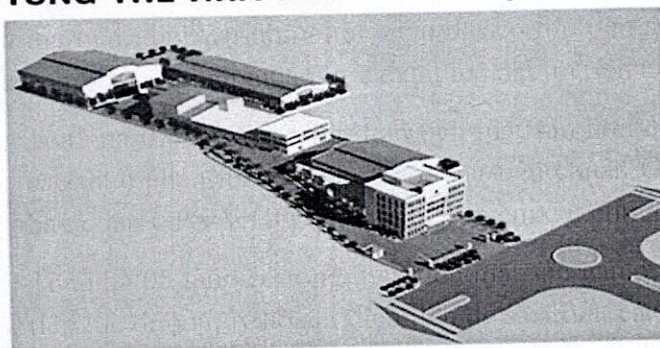
Ba thửa đất này được cấp trên 03 sổ nhưng là một mảnh đất chung. Do nằm ngay trên trục đường phố Hồng Tiến là khu đông dân cư, cơ sở hạ tầng tốt nên rất thuận lợi cho kinh doanh buôn bán nên khu đất này được xây dựng tòa nhà 07 tầng + 01 tầng hầm để xe với tổng diện

tích mặt sàn 849,6m² và mới đưa vào sử dụng từ cuối năm 2018 để làm văn phòng điều hành kết hợp với kho trung chuyển điều phối hàng hóa.

- ❖ Quyền sử dụng đất lâu dài thửa đất số 384, tờ bản đồ số 42 tại khu 8 – xã Phù Ninh – huyện Phù Ninh – tỉnh Phú Thọ với diện tích 3.098,4m² (trong đó đất ở tại nông thôn là 300 m², đất trồng cây lâu năm là 2.798,4 m²). Mục đích mua khu đất này để Công ty mở rộng nhà máy xử lý bã dược liệu.
- ❖ Quyền sử dụng đất số CT293248 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/12/2019 có diện tích 8.256,8m² nằm ngay tại khu soát vé cao tốc Lào Cai ở địa chỉ Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ với 02 tòa nhà chính (bao gồm 1.089 m² đất thương mại, dịch vụ nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và 7.167,8 m² đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần) gồm:
 - Tòa nhà 03 tầng có tổng diện tích mặt sàn hơn 3.400m² làm Nhà máy sản xuất thuốc và các thực phẩm bảo vệ sức khỏe đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GMP- HS với hệ thống kho bảo quản GPS-WHO; phòng thí nghiệm đạt chứng nhận ISO 17025, chứng nhận GLP.
 - Tòa nhà 05 tầng có tổng diện tích mặt sàn gần 5.000m² làm xưởng sơ chế chế biến và sẽ tiếp tục được quy hoạch diện tích để sản xuất các sản phẩm thuốc nước, nang mềm, thuốc điều trị ung thư...

Ngoài ra tại khu đất này Công ty còn xây dựng các hạng mục phụ trợ như nhà kho, nhà ăn ca, trạm điện... để phục vụ hoạt động sản xuất chung tại Nhà máy.

TỔNG THỂ NHÀ MÁY PHÚ THỌ



Nhà 5 tầng - Nhà máy Phú Thọ



Văn phòng Vietmec - Hà Nội



Nhà 3 tầng - Nhà máy Phú Thọ



13.2. Đất mua làm vùng trồng của Công ty để xây dựng Vùng trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng

Ngoài 49,9 ha vùng trồng nguyên liệu đã được triển khai dựa trên việc liên kết với các đối tác và chính người dân trồng dược liệu, tính đến ngày 22/06/2022, Công ty đã mua thêm quỹ đất để tự chủ triển khai Dự án vùng trồng nguyên liệu như sau:

Bảng 31: Danh mục Đất mua làm vùng trồng để xây dựng Vùng trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng

TT	Địa điểm	Diện tích (ha)	Loại đất
1	Địa điểm 1: Xã Thu Ngạc, Huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	9,89	Đất trồng rừng SX (Quỹ Đất I)
2	Địa điểm 2: Xã Văn Miếu, Huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	5,80	Đất trồng rừng SX (Quỹ Đất I)
3	Địa điểm 3: Xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	24,5	Đất trồng rừng SX (Quỹ Đất I)
4	Địa điểm 4: Xã Kim Thượng, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	8,16	Đất trồng rừng SX (Quỹ Đất I)
Tổng		48,35	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 32: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty năm 2022 – 2023

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022		Năm 2023	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	1.048.920	1.119.556	6,73	1.347.573	20,37
Lợi nhuận sau thuế	50.141	56.707	13,10	68.888	21,48
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.78%	5.07%	-	5.11	-
Vốn điều lệ ^(*)	270.000	370.000	37,04%	370.000	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	18,57%	15,33%	-	18,62%	-

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022		Năm 2023	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2022
Tỷ lệ cổ tức	-	10%	-	13%	-

(*) *Vốn điều lệ 2022 được dự kiến bao gồm vốn góp của chủ sở hữu được tính trên cơ sở đã chào bán thành công 8.650.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo mức giá chào bán là 18.000 đồng/cổ phần và giá định đã thực hiện đợt chào bán 1.350.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động - ESOP với giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phần.*

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2022: được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua (theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-DLVN ngày 07/05/2022 của Công ty).

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2023: được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:**

- Doanh thu Công ty đã chứng minh được sự tăng trưởng ổn định qua các năm, hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng nên việc duy trì ổn định số liệu doanh thu của các năm trước là việc khả thi. Bên cạnh đó, Công ty luôn đưa ra các dịch vụ, sản phẩm mới nên dự kiến doanh thu tăng trưởng cho các năm tiếp theo cũng là một việc khả thi. Các dây chuyền sản xuất đã hoạt động ổn định kể từ năm 2020, ngày càng hoàn thiện quy trình sản xuất, tiếp tục nâng cao hiệu suất lao động và giảm dần chi phí ở các khâu gián tiếp hoàn thành mục tiêu lợi nhuận gộp tăng so với những năm trước. Trong năm 2021, mặc dù dịch Covid-19 Công ty vẫn đạt doanh thu gấp 1,24 lần so với cùng kỳ năm trước; hoàn thành 108% kế hoạch doanh thu và 109% kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm.
- + Đối với khối nhà thuốc: Kết thúc năm 2021, Công ty đã mở được 24 nhà thuốc phân phối đạt tiêu chuẩn GPP. Kế hoạch trong năm 2022 Công ty sẽ mở rộng thêm 16 nhà thuốc dự kiến đóng góp khoảng 232 tỷ đồng doanh thu trong năm 2022 và 288 tỷ đồng doanh thu năm 2023. Hệ thống phân phối được Ban lãnh đạo thực hiện cơ chế khoán doanh thu, các khối tự chủ trong quản lý nên sẽ phát huy được hiệu quả cao hơn so với trước. Tính đến 21/6/2022, doanh thu từ khối nhà thuốc đạt 118,6 tỷ đồng, đạt 51% kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu từ bán sản phẩm thực phẩm BVSK do Công ty sản xuất và doanh thu từ mặt hàng tân dược đạt lần lượt 79,8% và 45% kế hoạch năm.

- + Đối với khối thương mại: Công ty đang tập trung đẩy mạnh mảng bán hàng thương mại trở thành một trong những mảng kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất trong ba khối. Công ty dự kiến thu được hơn 500 tỷ đồng từ khối này. Năm 2021, doanh thu từ khối thương mại đạt được 486,7 tỷ đồng. Tính đến 21/6/2022, doanh thu Công ty đạt được từ khối thương mại là 247,7 tỷ đồng, chiếm gần 50% kế hoạch năm.
- + Đối với khối thầu: Công ty đặt kế hoạch năm 2022 đối với khối thầu doanh thu sẽ thu được khoảng hơn 300 tỷ đồng. Tuy nhiên, do dịch covid bùng phát mạnh trong thời gian đầu năm 2022 dẫn đến hoạt động của khối thầu cũng bị ảnh hưởng. Khi dịch Covid cơ bản được kiểm soát, Công ty dự kiến trong thời gian tới sẽ khởi động lại các hợp đồng xuất khẩu do khối thầu phụ trách đang bị tạm dừng để đẩy mạnh doanh thu từ khối thầu.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị Công ty cũng dự kiến sau khi Dây chuyền sản xuất thuốc Ung thư bắt đầu hoạt động cuối năm 2022 và Dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ” đi vào khai thác vào cuối năm 2023, doanh thu, lợi nhuận năm 2022, 2023 của Công ty sẽ có sự tăng trưởng mạnh. Cụ thể, Công ty dự kiến dây chuyền sản xuất thuốc ung thư đi vào hoạt động sẽ mang lại khoảng 10 tỷ đồng doanh thu năm 2022 và mang lại 69 tỷ đồng doanh thu/năm vào các năm tiếp theo khi dây chuyền chạy hết công suất và Dự án “Trồng và phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ” sẽ đóng góp vào doanh thu của Công ty khoảng 23 tỷ đồng/năm đầu tiên và khoảng 47 tỷ/năm vào các năm tiếp theo. Trong kế hoạch kinh doanh Công ty đề ra chưa tính đến doanh thu và lợi nhuận từ Nhà máy GMP-WHO giai đoạn 2 (dây chuyền sản xuất thuốc nước và nang mềm đã vận hành ổn định).
- Theo báo cáo tài chính quý I năm 2022, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt là 206,6 tỷ đồng và 13 tỷ đồng, tương ứng với 18,5% doanh thu thuần kế hoạch năm 2022 và 23% lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022. Ngoài ra, theo số liệu do phòng kinh doanh của Công ty, tính đến 21/06/2022, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 509 tỷ đồng, hoàn thành 45,4% kế hoạch doanh thu năm 2022. Theo đó, Công ty cho rằng việc hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022 đặt ra là hoàn toàn khả thi.

❖ **Kế hoạch tăng vốn điều lệ:**

- Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2022 bao gồm:
 - + 8.650.000 cổ phiếu đã chào bán lần đầu ra công chúng:
 - Hình thức chào bán: Tổ chức phát hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động thêm vốn cho tổ chức phát hành
 - Đối tượng chào bán: Chào bán cho các tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu mua cổ phiếu công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam
 - Giá chào bán: 18.000 đồng/ cổ phiếu

- Phương thức chào bán/phân phối cổ phiếu: Chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư thông qua Đại lý phân phối là Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, đồng thời là Tổ chức tư vấn.
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán: 09/5/2022.
 - Vốn điều lệ sau chào bán: 356.500.000.000.000 (ba trăm sáu mươi lăm tỷ năm trăm triệu) đồng
- + 1.350.000 cổ phiếu dự kiến thực hiện chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN):
- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) cổ phiếu
 - Hình thức chào bán: Chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP)
 - Đối tượng chào bán: CBCNV trong công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định tiêu chí lựa chọn cán bộ công nhân viên được tham gia mua cổ phần, thông qua danh sách và số lượng cổ phần được mua tương ứng của cán bộ công nhân viên.
 - Giá chào bán: Để gắn kết người lao động trong công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức giá bán ưu đãi cho người lao động là 12.000 đồng/cổ phiếu.
 - Phương thức chào bán: Chào bán trực tiếp cho Cán bộ công nhân viên trong công ty theo danh sách cán bộ công nhân viên và số lượng cổ phiếu được mua do Hội đồng quản trị công ty phê duyệt
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý III/2022.
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm năm 2023: Công ty chưa có kế hoạch tăng vốn tiếp theo.
- ❖ **Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua:** Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua chủ trương đầu tư dự án:
- Dự án điều chỉnh, mở rộng quy mô nhà máy công ty tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ: dự kiến 1 – 2 ha.
 - Dự án “Thành lập Trung tâm Bảo tồn nguồn Dược liệu Quý và phát triển dược liệu dưới tán rừng tại Yên Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ”: dự kiến 49 – 57 ha.
 - Dự án Xây dựng trung tâm giống và phát triển vùng trồng dược liệu đồng thời xây dựng nhà máy chiết xuất chè, quế, dược liệu, sản xuất thuốc kháng sinh từ dược liệu, sản xuất thuốc thú y và nhà máy xử lý bã dược liệu làm phân hữu cơ tại huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ: Dự kiến 86 ha.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty sẽ triển khai lập báo cáo khả thi của từng dự án và thông qua phê duyệt theo thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã tiến hành thu thập, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá về kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.

Định hướng phát triển của Chính phủ đối với ngành dược: Khuyến khích cho việc sản xuất và sử dụng thuốc trong nước, ban hành chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc mà Việt Nam đã sản xuất là một trong các yếu tố thuận lợi để các doanh nghiệp dược Việt Nam cạnh tranh với doanh nghiệp dược nước ngoài tại Việt Nam cũng như hàng nhập khẩu. Bên cạnh đó, với chủ trương của ban lãnh đạo là mở rộng đầu tư dây chuyền sản xuất cũng như đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện xây dựng các nhà thuốc mới, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm do nhà máy sản xuất,... nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng (như thiên tai, dịch bệnh) tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận năm 2022 mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc mà không bao hàm ý nghĩa đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 35.650.000 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

- Theo quy định tại điểm đ, Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết theo đối tượng như sau:

TT	Cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm niêm yết	Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ thời điểm niêm yết
1	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	7.150.000	7.150.000	3.575.000
2	Trần Bình Duyên	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	230.000	230.000	115.000
3	Lê Cao Hoàng	Thành viên HĐQT	750.000	750.000	375.000
4	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	36	36	18
5	Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	183	183	92

TT	Cổ đông	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ thời điểm niêm yết	Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ thời điểm niêm yết
6	Đoàn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	450.000	450.000	225.000
Tổng cộng			8.580.219	8.580.219	4.290.110

- Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán năm 2019: “đ) Cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán”. Công ty đã chào bán thành công toàn bộ 8.650.000 cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổng số lượng cổ phiếu của Công ty sau chào bán là 35.650.000 cổ phiếu. Do vậy, Cổ đông lớn của Công ty là ông Vũ Thành Trung cam kết nắm giữ tối thiểu 7.130.000 cổ phiếu (tương đương 20% vốn điều lệ Công ty) tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày 09/5/2022).
- Theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về Xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu là: “Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu quy định tại khoản 1 Điều này. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.”.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị CTCP Dược liệu Việt Nam số 0605/2022/NQ/HĐQT ngày 06/05/2022 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và thông qua việc phân phối tiếp số cổ phiếu lẻ phát sinh do quy tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0905/2022/NQ/HĐQT ngày 09/05/2022 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu lẻ và kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Công ty đã chào bán 98 cổ phiếu lẻ phát sinh do quy tắc phân phối làm tròn xuống hàng đơn vị cho bà Lê Thị Thu Hiền. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày 09/05/2022).

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách của cổ phần:

Theo BCTC kiểm toán năm 2020 và 2021, giá trị sổ sách của cổ phần của công ty như sau:

Giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Book Value) = Vốn chủ sở hữu/ Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Giá trị sổ sách của cổ phần CTCP Dược liệu Việt Nam (đồng/cổ phần)	14.104	16.319

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam)

5.2. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng phương pháp tính giá P/E, P/B để tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu tại sàn HNX:

- Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần)
- Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phần)

Các phương pháp tính giá sẽ sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán có cùng ngành nghề hoạt động với Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam để làm cơ sở so sánh.

Căn cứ vào các phương pháp xác định giá nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tính toán và ra quyết định về mức giá tham chiếu phù hợp tại thời điểm niêm yết.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam theo quy định pháp luật là 0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/05/2022 là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

7.1. Thuế liên quan đến hoạt động doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được ưu đãi thuế TNDN từ thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn với mức thuế suất 17% trong thời gian 10 năm kể từ năm 2020; được miễn thuế 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

7.2. Thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty đang áp dụng các loại thuế suất 0%, 5%, 8%, 10% tùy từng mặt hàng.

7.3. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

▪ **Thuế áp dụng với nhà đầu tư cá nhân:**

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

(a) Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:

(i) Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%; và

(ii) Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

(b) Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

▪ **Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức:**

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

(a) Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu;

Thuế suất: bằng 20%

(b) Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế bằng Tổng doanh thu bán cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng;

Thuế suất: bằng 0,1%

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 12&17, Tòa Nhà Vietcombank, Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3936 6990 Fax: 024 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 63/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCBS) là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam VCBS được cấp phép hoạt động trong các hoạt động chứng khoán như môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh niêm yết chứng khoán và các nghiệp vụ khác.

VCBS có bề dày kinh nghiệm trong các nghiệp vụ tư vấn như: (i) Tư vấn niêm yết cổ phiếu nhiều doanh nghiệp như: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. CTCP Văn Phú – Invest. CTCP Đầu tư và Phát triển xanh.... (ii) Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải - Thaco. Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019 - 2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho Thaco - Doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam; (iii) Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam - TKV với kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; (iv) Tư vấn và đại lý phát hành thành công 2.550 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức danh tiếng CGIF (Credit Guarantee and Investment Facility – Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA). Đây là thương vụ có cấu trúc trái phiếu phức tạp và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường vốn; (v) Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công hơn 6.000 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động khác nhau, hỗ trợ nguồn vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng của ngân hàng v.v...

2. Tổ chức kiểm toán

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 14, ngách 79/56 đường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 6281 1281 Fax:

Website: www.aascn.com.vn

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã được Ủy ban chứng khoán Nhà Nước chấp thuận được thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán từ năm 2009 và liên tục trong các năm tiếp theo. Mới đây nhất, công ty tiếp tục được Bộ Tài chính chấp thuận Kiểm toán NAMVIET được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 đồng thời Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã quyết định chấp thuận Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 (Theo Quyết định số 976/QĐ-UBCK ngày 19/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Để hoạt động thành công và có hiệu quả chúng tôi luôn coi trọng vấn đề trình độ và kinh nghiệm đội ngũ nhân viên, hiện nay AASCN có đội ngũ bao gồm trên 60 cán bộ, kiểm toán viên được đào tạo đại học và trên đại học chuyên ngành tài chính - ngân hàng - kế toán và kiểm toán ở trong nước và ở nước ngoài, trong đó: 27 Kiểm toán viên được cấp chứng chỉ kiểm toán viên cấp Nhà nước, 08 thẩm định viên về giá đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá tài sản năm 2018 và đội ngũ các Thạc sỹ, kỹ sư, chuyên gia đầu ngành với kinh nghiệm và chuyên môn dày dặn chắc chắn sẽ đáp ứng những yêu cầu cao nhất của khách hàng.

Do chất lượng dịch vụ cung cấp, hiện nay AASCN đã có hàng trăm khách hàng hoạt động trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp Nhà nước như các Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (Habeco), Tổng công ty xây dựng số 1, Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn,....

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục 2: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục 3: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
4. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2020 và năm 2021; Báo cáo tài chính Quý I năm 2022
5. Phụ lục 6: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật
6. Phụ lục 7: Các phụ lục khác

VIII. CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



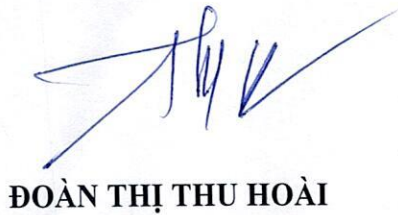
TRẦN BÌNH DUYÊN



TỔNG GIÁM ĐỐC

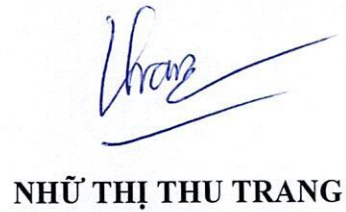
VŨ THÀNH TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN THỊ THU HOÀI

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NHŨ THỊ THU TRANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRẦN VIỆT HÙNG